

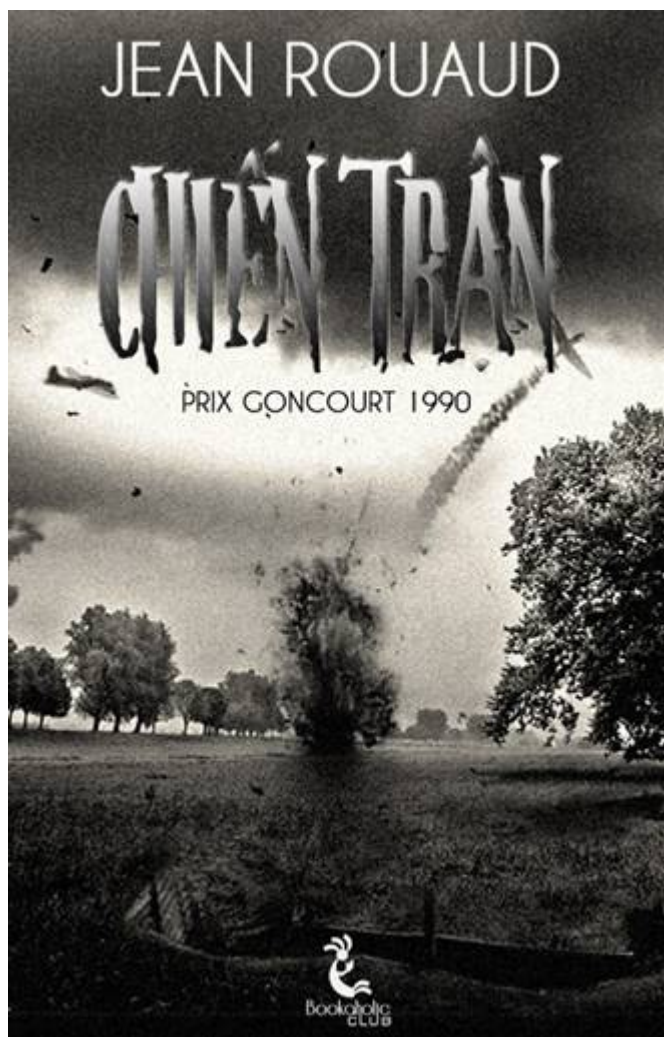
JEAN ROUAUD

CHIEN TRAN

PRIX GONCOURT 1990



Bookaholic
CLUB



CHIẾN TRẬN

Jean Rouaud

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Bookaholic
Making Ebook Project CLUB

Tên tác phẩm: **CHIẾN TRẬN**

Nguyên tác: *Les Champs d'Honneur*

Tác giả: **Jean Rouaud**

Dịch giả: Phạm Văn Ba

Nhà xuất bản: Văn Học

Năm xuất bản: 1993

Số trang: 216

Khổ sách: 13 x 19 cm

Đánh máy: **Thùy An, Hoàng Kim, Kim Phụng, Thuận Thiên**

Kiểm tra: **Thái Thanh**

Chế bản ebook: **Thảo Đoàn**

Ngày thực hiện: 10/9/2011

Making Ebook Project #177 - www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **CHIẾN TRẬN** của tác giả **Jean Rouaud** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ
GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

I

II

III

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Jean Rouaud là nhà văn Pháp sinh ngày 13 tháng 12 năm 1952 ra ở Campbon (Loire-Atlantique). Ông đã nhận được giải thưởng Goncourt vào năm 1990 cho cuốn tiểu thuyết đầu tiên của mình ***Les Champs d'honneur*** (*Chiến trận*).

Từ 1962 đến 1969 ông học trung học tại trường trung học Công Giáo St Louis ở Saint-Nazaire, và sau đó ông nghiên cứu văn học hiện đại tại trường Đại học Nantes. Sau khi lấy bằng thạc sĩ, ông đã tham gia một số tổ chức với các công việc khác nhau tạm thời, chẳng hạn như bơm khí hoặc bán bách khoa toàn thư y tế. Năm 1978, ông làm việc tại tòa soạn báo Presse-Océan với vài chương mục văn học và giải trí xuất bản mỗi hai ngày một số.

Sau đó ông chuyển đến Paris, nơi ông làm việc trong một hiệu sách và rồi trở thành nhà cung cấp báo chí trong một kiosk. Năm 1988, ông gặp Jerome Lindon - giám đốc và cũng là Tổng biên tập của Nhà xuất bản Minuit.

Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của ông, ***Les Champs d'honneur*** (*Chiến trận*) đã được xuất bản vào năm 1990, và nhận được giải thưởng Goncourt. Trong những năm 1990, dừng cộng tác với tạp chí ông đã viết bốn cuốn tiểu

thuyết. Cùng một nội dung như *Chiến trận*, các cuốn tiểu thuyết dựa trên lịch sử gia đình và các khía cạnh nhất định của cuộc sống của mình.

Năm 2001, ông rời Minuit để làm việc cho Nhà xuất bản Gallimard.

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

Đầu tiên là người cha, rồi đến bà cô, cuối cùng là ông ngoại, họ qua đời cách nhau chỉ vài tuần. Nhưng những đám tang liên tiếp này dường như chỉ ảnh hưởng đến một người: chính là tác giả. Nỗi trống vắng là trung tâm của câu chuyện. Từ những chi tiết nhỏ (hàm răng giả, vài bức ảnh, một hình bóng sùng đạo) dần hình thành một câu chuyện, qua nhiều tầng tầng lớp lớp kế tiếp nhau, đã chạm tới lịch sử, tới cuộc đại chiến - nguồn gốc của mọi điều bí ẩn.

Chiến trận là tác phẩm mở đầu cho một loạt tiểu thuyết tiếp theo: **Danh nhân** (chân dung người cha), **Thế giới rất gần** (về đám tang người cha) và **Quà tặng** (chân dung người mẹ), kết thúc bằng **Như ở trên trời** (về cảnh chia li), tất cả hợp thành một bộ sách về gốc gác con người.

Well Leon dịch

I

Tóm lại, đó là quy luật “Họa vô đơn chí” mà đột nhiên chúng tôi khám phá ra sự bí mật sắp đặt buồn thảm của nó – thực ra từ xưa điều bí mật này đã được phát hiện song mỗi lần bị che phủ lại được vén lên, vùi dập một cách phũ phàng, làm cho chúng tôi ngơ ngác, u mê vì buồn phiền. Chính ông ngoại đã bùng bít cái quy luật ấy theo phương cách chẳng mấy tác dụng: “Chúng mày hãy chôn nó vào góc sâu kín nhất trong đầu đi”. Nhưng sự việc thì tự nó cứ tiếp diễn, như học bài mãi mà chẳng thuộc. Và lời nói của ông như miếng đòn thừa chẳng ai để ý, song đối với ông thật cần thiết. Một buổi tối, chẳng có nguyên cớ gì, ông mắng chúng tôi một trận thậm tệ. Chuyện này có thể do tuổi tác, nhưng vào tuổi bảy mươi sáu, ai bắt ông phải nghe theo. Những dấu hiệu gần đây cho thấy ông đã lảm cẩm so với vẻ ngoài ông cố tỏ ra. Một con người cổ lỗ, bí hiểm, khó gần và hay đăng trí. Sự lập dị cộng với vẻ cầu kỳ quá đáng trong cách ăn mặc cũng như phong thái khiến ông có gì đó giống người Tàu. Hình hài của ông cũng vậy, cặp mắt nhỏ nứt rạn, đôi lông mày dựng như góc các nóc chùa chiền, màu da vàng bột không phải do góc gác giò giống Á châu mà vì hút quá nhiều thuốc lá, một loại thuốc cực hiếm chỉ còn thấy mỗi mình ông hút – gói thuốc xanh màu hạnh nhân, dòng chữ cũ rích, có lần chúng tôi hỏi thì ông trả lời là đã đem từ nước Nga xa xôi về, một lần khác, ông nói với một thái độ nghiêm túc là đã đưa về từ Pampelune^[1]. Nhưng điều chắc chắn loại thuốc ấy không còn được sản xuất nữa vì sự độc hại chết người của nó. Song quả thực ông thích hút loại này, như chỉ dành cho riêng ông. Ông đốt hết điều nọ đến điều kia, cả khi đang lái chiếc 2 CV^[2] chẳng khác nào một cuộc biểu diễn chế ngự dã thú ngẫu hứng. Cái đầu mẫu thuốc lá hút xong đang kẹp giữa hai ngón cái và trỏ thì điều tiếp theo đã nằm ở khoe môi rồi.

Ông chú mục vào cái điểm đỏ đầu điều thuốc hơn là bận tâm đến con đường, điều khiển xe phong thái nhẹ nhàng, từng lọn khói nhỏ ra, lan tỏa, hội tụ thành làn mỏng và chả mấy chốc trở nên đậm đặc, như một đám mây dày, đặc quánh bao quanh. Đầu hơi ngả ra phía sau, tránh lóa mắt, tay xua tan bớt khói thuốc, dương cùi chỏ nâng tấm kính cửa phía dưới, ném mạnh

mẫu thuốc ra ngoài, mắt vẫn chẳng ngó ngang tới lòng đường, ông tiếp tục điều khiển vô lăng một cách tùy tiện làm đám người đi đường chạy tán loạn: sự cẩn thận đã bị tuổi già làm cùn nhụt, hay sau một cuộc đời từng trải, đầy biến động, ông tự cho mình có cái quyền được miễn trừ nào đó. Rồi kết cục là chẳng mấy ai dám đi cùng xe với ông nữa. Một người anh em họ trẻ tuổi có lần đã bày trò (việc này đâu chỉ xảy ra vài lần) là cuốn quanh đầu một chiếc khăn phủ-la hay chiếc cà-vạt mượn các ông bố và ngồi vào bên cạnh ông cụ, gào to lên rằng “Phi công cảm tử muôn năm”^[3]. Dùng khăn vẩy cùng với những giọt nước mắt vờ vĩnh bày tỏ sự tử biệt có lẽ là tốt nhất. Mọi người nghĩ rằng xe chạy chậm thì chẳng có gì nguy hiểm cả, ấy thế mà mỗi nguy lại ở chỗ xe cứ liên tục chạy lấn vào vạch vàng, lảng sang tận phía đường bên trái, trườn cả lên bờ đường lở nhăm nhỏ. Chiếc 2 CV rung lên chuyển động một cách nặng nhọc qua ngã ba, ngã tư cực kỳ nguy hiểm để cuối cùng mọi người xuống xe mặt mũi tái xám như một lũ ma.

Những biện pháp tế nhị như dùng đèn chiếu ra hiệu cho ông phải đi cẩn thận chẳng có tác dụng gì sất. Vì cái vai trò ấy đã bị coi là không cần thiết, người ta thấy ở đây thái độ bất chấp mọi điều khiển - rồi điệu bộ quay chiếc vô lăng tưởng tượng trong không khí của người đi đường như nhắc ông thận trọng thật khôi hài. Chúng tôi biết ông có đủ mọi tính nết của một kẻ lảng xãng, nên chỉ mất thì giờ bắt ông phải cẩn thận. Chúng tôi kịp khoát tay ra hiệu cho ông rằng chương ngại vật hiện chỉ còn cách vài centimét, ông chán nản nhìn qua làn khói thuốc, bình tĩnh chờ cái “pa-rơ-sốc” báo hiệu mối hiểm họa. Vì trò chơi ấy mà thùng xe bị bẹp dóm đó nhiều chỗ, méo mó cả cánh cửa. Chiếc xe mang biệt danh Bobosse đã từng chiến thắng vì thành tích méo mó. Dù luôn biết điều đó, ông vẫn tỏ ra hết sức thờ ơ lãnh đạm để không bị xúc động, trong suy nghĩ, ông đã coi chúng tôi chỉ là lũ trẻ ranh thoè lò mũi xanh hay một cái gì đại loại như vậy. Có lẽ ông đã chế giễu thật sự.

Trời mưa như trút, một hiện tượng hiếm thấy ở vùng ven biển Đại Tây Dương, chiếc xe 2 CV nặng nhọc trườn lên trong gió thốc, lắc giật trong mưa gió tứ bề, như chiếc tàu buôn gặp nạn trên đại dương vì đã không tin vào dự báo thời tiết. Mưa xối ào ạt trên mui xe, tạo nên cảm giác chênh vênh, lo lắng. Sấm sét âm âm đe dọa, làm rung chuyển cái buồng lái nhỏ

hẹp, như tiếng gọi từ đáy âm ty. Mới đầu là một giọt rồi đến hàng loạt giọt nhỏ li ti thấm qua trần xe, kết thành màng nước lớn dần lên nhanh chóng, dần dần, lung linh, rơi thẳng xuống đầu, tay, đầu gối chúng tôi. Và nếu như còn chỗ trống trên mặt ghế, nước mưa đọng lại, chảy thành rãnh, phải dùng khăn lâu khô mới ngồi được. Hệ thống đồng hồ cổ đo thời gian chạy bằng nước cứ loạn xạ vì nước từ mọi phía chảy xuống tạo thành giọt không đều và rơi không đúng lúc. Nước mưa tóe ra từ các vết nứt nham nhỏ ở khe cửa. Cố gắng bắt chước ông, chúng tôi tỏ vẻ thờ ơ với cơn mưa bụi nhưng làm ướt đầm chẳng khác một trận mưa rào, cùng ông điềm tĩnh xông pha trong bão táp như vượt qua một bức tường vô hình, xác minh “tất cả những cái ấy” (Thỉnh thoảng ông vẫn có lối diễn đạt nước đôi chán ngắt như vậy) thực ra xét cho cùng đó là một chuỗi định kiến, mà mưa gió chỉ là một lý do, đúng hơn là một nỗi gian truân, một tia sáng lấp lánh ảo ảnh toàn năng. Điều này chỉ phù hợp với những lúc tinh thần đạt đến độ hưng phấn tột đỉnh, thân xác nhẹ bồng lâng lâng - hay ít ra cũng ở trong những chiếc xe đầy đủ tiện nghi êm ru, không thấm nước mưa, tạo nên cảm giác như đang chu du trong một đám mây. Nhưng trong xe này, từ những cánh cửa hoen gỉ, rỉ sắt sùi lên, bắn vụn vãi những vết lấm ố vàng trên đệm ghế, phải thừa nhận trong suốt hàng chục kilômét thái độ của ông thật lì lợm và chỉ sau vài phút định thần theo lối ngồi thiền Yoga, ướt sũng, thấy thực tại quá tồi tệ, phũ phàng, ông mới chịu đựng những thứ quyền uy lễ giáo qua những việc đàn độn đại loại như vậy tuổi thơ chúng tôi bị xô đẩy, mất thăng bằng trong sự phân rã mỗi mòn của cơ thể sống.

Những giọt nước nhỏ li ti thấm qua trần, bay xiên trong lòng xe làm tức tối khó chịu, kích thích trí tò mò và tạo nên không khí thật hài hước. Đợi chờ cái điều kỳ diệu là giọt nước bứt ra bay lướt qua người như trôi trên đầu vịt, kích động chúng tôi nghĩ ra trò đùa tinh nghịch với những giọt nước. Chúng bắn nhanh thẳng căng hoặc mềm mại, ngưng đọng thành giọt trước khi tham gia vào cuộc chơi. Những giọt nước rơi không chủ định vào khóe mắt, thái dương, gò má, hoặc nhằm thẳng vào lỗ tai, không thể tính được bao nhiêu giọt, một tham số cực kỳ phức tạp đến mức không có cách gì phòng ngừa trước được hay chí ít tìm cách chui đầu vào một chiếc túi. Cuộc chơi như trận thủy chiến thô sơ, đơn giản là khi một giọt nước mạnh hơn chạm vào làm chúng tôi giật bắn lên, mọi người chỉ cùng hét lên: “Chạm rồi”. Trận thủy chiến ấy tạo ra cảm giác chúng tôi như những cái bia của một thiện xạ vô hình nào đó. Luật chơi duy nhất là trung thực, không

được né tránh, phải tỏ rõ sức chịu đựng dày dạn trước những giọt nước vô hại. Và rồi một cuộc tranh cãi đã nổ ra xung quanh trò chơi này, tất nhiên vẫn giữ thái độ trong một giới hạn nhất định, không được bốc cao giọng. Vì trong chiếc 2 CV của ông là một nơi rất quan trọng - cho dù vỏ xe đã rách mướp thảm hại, khoang thì như một xà lim.

Chỉ một lần duy nhất ông tham dự vào cuộc chơi của chúng tôi, ấy là lúc một giọt nước rơi xuống treo trên đầu mũi ông trông như tàn hoa nấn, rồi từ trong im lặng bật ra một câu nói ẩn ý, pha lẫn tính cách đe nẹt, một thứ giọng hiềm khi dùng: “Cái mũi hồng quá”^[4]. Ngay lập tức, chúng tôi nín bật, mới đầu cảm thấy khó chịu vì bị người lớn gây phiền nhiễu can thiệp vào cuộc chơi, nhưng rồi khi ngạc nhiên qua đi, như tin tốt lành mách bảo rằng cậu bé già nua hư hỏng trong ông đã trở về nhà: ông chẳng có gì xa lạ, cũng đã có những trò chơi như chúng tôi, chúng tôi tưởng tượng đến tuổi thơ của ông với những kỷ niệm cũ càng - thế là để giảm bớt không khí nặng nề và cũng có thể để biểu thị một thứ uy lực trong lúc ông đang lơ đãng, chúng tôi cười phá lên, phải thoát, song cái cười ấy cũng là để giấu diếm sự châm hiểu của chúng tôi đối với trò chơi chữ: cái mũi này đã chấm dứt một cách lý tưởng chiến trận của chúng tôi, rồi khi không lý giải được mục đích cuộc chơi, chúng tôi đành chịu bó buộc lặp đi lặp lại mãi cái quy tắc đáng thương ấy. Trò nghịch nước ngẫu hứng trong chớp mắt, lời nói của ông đã làm cho cạn kiệt, tỏ rõ dứt khoát là không được tiếp tục nữa. Từ lâu, những mệnh lệnh kiểu ấy là một thứ biên bản ghi nhận những điều tỉnh ngộ của chúng tôi nhân các tai họa xảy ra trong gia đình: sữa trào ra khỏi xoong, đèn không đủ sáng, xe tuột xích, đồng hồ không lên cút. Lời nói ấy còn nhằm ngay cả với những người có trách nhiệm: “Cái mũi hồng quá” với cha là lúc xe còn cách thị trấn vài kilômét thì hết xăng. Trước khi đi, ông đã trù liệu chuyện xăng dầu phải đủ đi đến nơi về đến chốn dù có phải chạy ngoằn ngoèo. Nếu ông đã đi du lịch chứng kiến nhiều việc thì ngôn từ diễn đạt của ông chắc hẳn đơn giản thông dụng hơn. Có lẽ phải tài tình lắm may ra một trăm năm tôi mới phục hồi được nguồn gốc ý nghĩa của cái nhóm từ ấy.

Vùng hạ sông Loire, mưa là người đồng hành, là phân nửa cuộc đời thủy chung. Vùng này nổi tiếng nhờ có một sắc thái đặc biệt, trừ một vài khiếm khuyết, còn thì rất phù hợp với mọi người. Những đám mây chưa nặng hơi nước đại dương từ vùng thượng Saint-Nazaire^[5] ủa vào cửa sông Loire, ngược dòng sông như guồng nước quay không ngừng, trút xuống vùng Nantes sự ẩm ướt thừa thãi của nó. Nhìn chung, lượng mưa không lớn lắm, nếu nhìn nhận theo mùa, song hơi nước được khéo léo chắt lọc suốt năm đến nỗi những người chỉ qua lại đây hầu như không thấy nổi một ngày trời quang mây tạnh và chắc chắn họ có ý nghĩ là vùng này nổi tiếng với mây và mưa. Thật khó thay đổi được định kiến của họ ngay cả khi có người cam đoan khí hậu ở đây thật êm dịu như huyền thoại - bằng cứ được công chứng viên xác nhận là hoa mi-mô-da nở khắp mọi nơi trong vườn, vài cây cô trụi lá - các số liệu được thể hiện ở: thời gian có nắng, lượng mưa, trên bảng thống kê hàng năm. Thời tiết ẩm ướt, đó là sự thật, nhưng quá quen rồi nên chẳng còn mấy ai để ý nữa. Người ta thể thốt một cách thực tâm dưới cơn mưa bụi dai dẳng rằng đây không phải là mưa. Những ai đeo kính phải lau mắt kính đến hai mươi lần trong ngày như một cái máy, tập làm quen tiến bước trong những đám giọt nước li ti, làm khúc xạ cảnh quan, chia cắt lớn, nhỏ, méo mó, thật khó lòng xác định nổi đâu là điểm mốc của nó: đi lại được là nhờ vào trí nhớ. Nhưng rồi đêm đến, mưa lất phất trên thành phố, ánh đèn nê-ông từ những biển quảng cáo nhấp nháy, vẽ lên trong đêm tối ven biển những dòng chữ tỏa sáng, những ngôi sao nhỏ nhảy múa lấp lánh trước mắt, những tia sáng màu xanh, đỏ, vàng này đập vào mắt kính làm lóa sáng choáng ngợp mắt người, như cảnh sắc huyền ảo của kinh thành Versailles. Bỏ kính ra, nếu so sánh, thì đây như một bức tranh nguyên bản phẳng phiu.

Nhờ đó, những người sản xuất các dụng cụ quang học mới có công ăn việc làm. Không phải vì bệnh cận thị ở đây nhiều hơn nơi khác, mà do phải lau mắt kính của họ bằng vạt áo sơ mi kín đáo kéo ra khỏi quần, hay góc khăn trải bàn trong cửa hiệu, hoặc khăn mùi soa vo tròn trong lòng bàn tay. Mỗi nguy hiểm tăng lên gấp bội khi bỏ kính ra, bị rơi xuống, vỡ vụn. Đó là một trong muôn vạn điều bất tiện mưa gió gây nên, là nguyên nhân của nỗi buồn và những cơn đau đầu nhức nhối, buộc phải chớp mắt liên tục. Tóc tai rối bời có thể có nguyên nhân khác, nhưng lỗi thuộc về ai nếu như người ta

phải chạy vào trú trong những quán cà phê nằm dọc trên phố? Rồi chỉ còn có cách phải đợi, trước mặt là ly rượu, rồi hai, rồi ba ly, cho đến lúc trời quang quạnh quẽ.

Chống khuỷu tay im lặng trong quán rượu, ngắm hình bóng mình phản chiếu trên cửa kính, những người uống rượu e ngại nhìn khách qua đường khom lưng, rảo bước dưới mưa rào. Họ không dám phờ phạc kẻ cả khi một chiếc ô bị gió thổi lật ngược. Đơn giản họ lấy làm sung sướng vì đã khôn ngoan hơn trong cách tránh mưa. Khi ngớt mưa, trên nóc các tòa nhà, bầu trời trở nên sáng hơn, họ cho rằng trời đã quang bên tợp một hơi cạn chén rượu trắng, đóng khuy áo vét, hoàn tất mọi việc, bước ra khỏi cửa, nhưng không, cơn mưa trở lại - thế rồi, phẩy tay trên miệng chiếc ly đã cạn: Lại uống thôi, có sao đâu.

Trận mưa cho biết những dấu hiệu rất chắc chắn: gió tây sạch sẽ, mát mẻ, những con chim mỏng biển từ xa, quay trở lại đất liền, đậu trên những thửa ruộng đã cày như những quả bóng bông, những con chim én, mùa mề, bay sà sạt trên nóc các tòa nhà, xoay tròn, chăm chú và căm lặng, trong vườn những đám lá lay động và xào xạc trước gió, những chiếc lá hình kim của những cây dương rung lá hốt hoảng, những người đàn ông ngoảnh mặt về phía bầu trời vương vãi những gợn mây, các bà thu lượm quần áo, khăn bàn (phơi ga trải giường trong gió biển là điều tuyệt vời vì gió chứa vi lượng i-ốt và muối ngấm vào trong sợi vải), tháo những chiếc cặp nhiều màu như những con chim mồi trên sợi dây, trẻ con đang nghịch cát, các bà mẹ gọi về, những chú mèo liếm lông đưa chân sau lên phía sau tai và với ba tiếng gõ vuốt nhẹ lên mặt kính khum khum của chiếc phong vĩ biểu, chiếc kim sập xuống.

Những giọt mưa đầu tiên không thể nhận thấy được. Người ta ngược nhìn lên cao, hoài nghi rằng họ đã nhận mọi thứ từ bầu trời màu ngọc trai, sáng chói kia, nơi ấy ánh sáng lấp lánh của Đại dương đang lung linh, những hạt mưa nhỏ luôn thuận lòng đưa tiễn nước triều lên, những ngọn triều nhỏ có hệ số 50, 60, trong nhịp triều hai ngày một lần. Người ta luôn chăm chú vào những đợt triều từng làm cho các thủy thủ phenixi vô cùng sợ hãi - biển cạn kiệt dưới vỏ tàu như trút tuột vào trong cái tác lớn do sụt đất, và rồi nước dồn ngược trở lại bằng những đợt sóng trào ngẫu bột, dữ dội chiếm lấy mảnh đất vừa bị mất đi - nhưng những đợt sóng ấy là ngoại lệ,

chỉ xảy ra hai lần trong một năm. Điều cơ bản là nước triều tràn lên, trút xuống trên mặt bùn là mòm đá phủ đầy rêu từ lâu đã không làm cho ai để ý đến nữa. Trời và biển như vô tình dàn dựng với nhau về một bức tranh màu tro, những vĩa than antraxit làm cho sóng và mây trời thêm nổi bật, chân trời không còn là đường phân chia giữa trời và biển, giữa sóng và mây, một thứ hòa tan chồng lấp, kết dính với nhau. Xứ sở này là của mưa: mưa có thể rỉ ra từ cây, cỏ, từ chất bi-tum rải đường xám xịt đồng điệu với đất trời hay nỗi buồn của con người. Nỗi buồn mang nặng đặc tính địa phương, dè xẽn mọi ấn tượng, thỉnh thoảng dâng trào trong một tiệc rượu thừa thãi. Mưa là yếu tố hão huyền của cái công trình vĩ đại được hoàn thiện dưới mắt chúng ta. Mưa là tiền định., Ngay những triệu chứng đầu tiên, chìa bàn tay ra, lúc đầu không cảm thấy gì cả. Rồi lật ngửa bàn tay, nơi làn da nhạy cảm nhất, nhưng để hứng cái gì: một giọt nước nhỏ bằng đầu chiếc kim, và rồi vô số hạt bụi thủy tinh làm cho bề mặt các đám mây sáng lên lấp lánh, bầu trời như sà gần xuống, ngay phía trên đầu ngón tay, như nhìn qua cái lỗ bé tí xiu của chiếc hộp cầm bút cũ kỹ Le Mont-Saint-Michel hay qua vòm nhà thờ

lớn Lourdes^[6]. Ngay từ khi giọt nước li ti phác thảo trên lòng bàn tay, người ta đã định liệu ngay tính nghiêm trọng của những điều bất trắc. Đôi khi sự việc chỉ dừng lại ở đó. Trời không mưa nữa. Thủy triều trào dâng đơn độc, kèm theo làn gió vuốt ve mượt như tơ không làm cho mái tóc rối bời mà ngược lại như được chải mượt mà, và không mang đến một tin tức đáng giá nào của Đại dương. Hoặc có khi chỉ làm một âm bản: Sargasse^[7]

vô can, Bermudes^[8] bình yên. Vịnh Stream bao bọc bờ biển Bretagne, có dòng nước ấm chảy gian lận trong Đại Tây Dương, từ biển Ca-ri-bê đổ tới, nhờ đó mà có hoa mi-mô-da, cây trúc đào và cây mỏ hạc - thậm chí có thể dùng mёo đưa vào bình khi mùa đông lạnh lẽo. Nếu không có vịnh Stream, thì mỗi mùa đông cửa sông sẽ bị đóng băng như ở cửa sông Saint-

Lauren^[9], vùng Nantes ngang với Montréal. Vì vậy tuyết ở đây chỉ có gọi là một màng mỏng và mười năm mới có một lần, tuyết vừa chớm đông trên mặt đất thì đã tan ngay. Tất nhiên, đó là không tính đến cái mùa đông giá lạnh nổi tiếng năm 1929, năm Pierre dấn thân đến Commercy, và sau đó là mùa đông 56 đã gây ra biết bao nạn nhân trong số những người không nơi trú ngụ, nhưng trẻ con vùng cửa sông lại được dịp tự hào trưng bày những tạo vật hình người bằng tuyết như từng đọc ở đâu đấy mà tới bây giờ mới được xác nhận, những viên than nhỏ làm mắt, củ cà rốt làm mũi, mũ, râu

thuốc, khăn phu-la, bổ sung cho bộ sưu tập đồ chơi của chúng. Mùa khô năm 76 cũng vậy, vùng Bretagne không một giọt mưa, đồng cỏ héo khô, hạt bắp nhỏ tí bằng hạt đậu lu-pin, lũ bò sữa gầy trơ xương lộ lẻo như những con chó săn thỏ. Sự tồn thất do thời tiết, không có cách giải thích nào hơn là quy hết cho những vệt đen bí hiểm trên mặt trời, cho sự phun trào của núi lửa ở Nam bán cầu, hoặc do trái đất đứng đờ trên trục quay của nó. Người ta nhớ lại chính xác rằng đó là do không có chuẩn mực. Chuẩn mực ấy chính là mưa.

Hễ trời mưa là thủy triều dâng, thực ra, không thể nói hoàn toàn là mưa được. Đó là một đám bụi nước, những nốt nhạc nhỏ trầm tư sâu lắng, một lời bày tỏ lòng kính phục nỗi ưu tư. Có một tấm lòng nhân từ độ lượng và với sự tha thứ ấy, lòng độ lượng vượt ve khuôn mặt, xóa bớt nếp nhăn vàng trán, làm lắng dịu những suy nghĩ băn khoăn. Mưa rơi thật kín đáo không nghe, không thấy, cửa kính không tỏ nổi dấu ấn của nó, mặt đất thu trọn vào lòng không chút vương vãi.

Trái lại, nỗi buồn lại là thứ độc tố của tạm hòa, độc tố ấy là những cơn mưa phùn dai dẳng, vòm trời thấp tịt xuống - sà sát thềm thì thân thiện với các tháp chuông, đài nước và những cột trụ cổng đền, hòa nhập trên đỉnh những ngọn cây cao. Đừng nên nhạo báng dân tộc Celtes^[10] cổ xưa vì đã sợ hãi trời sụp xuống: cái bầu trời siêu hình được sáng tạo ra dưới vòm trời xanh cao. Đó chính là lớp mây đen màu đá nằm ngủ vô duyên trên miền đất này, sắp đặt nơi cổ thủ mong manh giữa mây và đất, tắm tối, chứa nặng nước. Đó không phải là mưa mà là một sự lưu chiêm không gian có ý thức, một bức màn đậm đặc, dịch chuyển chậm rãi, dai dẳng mà chỉ cần một luồng gió nhẹ đủ đẩy chúng vào nơi trú ngụ, tại đó, bụi đất giữ lại màu sắc sáng trong của nó, thứ mưa phùn này là của những tháng tới, tháng mười một và mười hai, làm cho toàn bộ cảnh vật thấm nước, cán phẳng đến mét vuông hy vọng cuối cùng, cái ấn tượng rằng thế giới được hoàn thiện một cách lặng lẽ, và sa lầy ở đấy. Nơi này, những vũng nước mưa bão không thể đọng lại được mà bị hấp thụ ngay từ những tia nắng mặt trời đầu tiên, cũng không có những cơn cuồng lũ buộc phải sơ tán khỏi thảm họa, mà nạn nhân chỉ nhờ vào sự cứu giúp của những chiếc thuyền đậu sẵn ở tầng trệt ngôi nhà của họ (ruộng đồng bên dòng sông Loire thường xuyên bị ngập lụt, nhưng phải chấp nhận con sông này, nó có quyền thay hình đổi dạng.) Cảnh

quan đường như vẫn nguyên vẹn, chỉ có đồng vắng xanh hơn, một màu xanh yền mạch, thành phố xám xịt hơn, một màu xám chì. Tinh thần đồng lầy đã bao bọc tất cả. Những đồng cỏ, bãi cỏ xanh, dưới thảm xanh ròn ầy đầy bọt biển. Những đôi giày mao hiểm bước tới đây, đế giày hẳn sẽ to bè vì dính đầy bùn đất. THật mao hiểm khi lảng vảng gần bên hồ và hồ nước - phải thật thận trọng nếu không sẽ bị trượt - luôn qua một bụi cây - chẳng khác nào đứng dưới vôi sen trong bồn tắm - đứng tựa lưng vào cây - vỏ cây

nhót nhát - người ta chơi trò Héc-quyn^[11]. Những chiếc áo khoác bằng da màu nước biển nặng trĩch phơi từ đêm trước vẫn không khô. Bánh mì mềm nhũn, bức tường như phình ra do ẩm ướt, một số đại lục hiện hình trên bức thảm. Không biết những tia nước nhỏ lí tí có thể ngấm vào từ đâu được. Bộ tản nhiệt nóng lên một cách vô ích, nước vẫn luôn vào qua lỗ nhỏ của chiếc kim như dưới cổng khai hoàn môn. Cơ thể mỗi nhữ, các bộ phận kêu răng rắc, xương cốt khơi gợi lại những cơn đau cũ. Những ngày dài âm u, không cả hứa hẹn một ngày sáng sủa. Đèn đốt từ sáng đến tối. Người ta phải vén ri-đô những mười lần để xác định là mưa vẫn rơi rả rích, tí tách, chẳng hề có dấu hiệu ngớt đi chút nào. Những điều mong manh nhất có thể bị ngộ nhận: đã tưởng thoát khỏi những tháng tối mò, thì lại rơi vào những tháng mưa rào dữ dội.

Mưa phùn không có được nhịp điệu phong phú như mưa rào. Những giọt mưa rào nảy lên sáng loáng trên thanh kềm cửa sổ, chảy xẻ rãnh, đùa giỡn trên máng nước, nhảy nhót, vỗ rào rào trên mái nhà, bằng tài năng của nghệ sĩ hòa âm, với cái tai thính nhạy, có thể phân biệt được vật liệu lọt nhà: Đá đen, thứ vật liệu lọt nhà thông dụng ở mạn bắc sông Loire; ngói, gỗ tôn mái nhà kho, kính cửa tò vò trên mái nhà. Sau trận mưa bất chợt, kết thúc một cơn bão, vòm trời thủy ngân nhấp nháy phía trên thành phố. Dưới ánh sáng bạc chói chang ấy, những vùng lân cận nổi bật lên như được nhà điêu khắc chạm trổ: những túm tua bằng đá gắn trên những mũi tên của Thánh Nicolas, lá cây được tia tót, những chiếc lông cánh của loài chim bay cao, nhưng đường lượn của mái nhà, những đàn ăng-ten. Thị lực xác định được một biển hiệu cách xa trăm mét - vì vậy, người ta tránh được những điều rắc rối. Vĩa hè rạng rỡ màu xanh như bụng cá xác-đin bán nơi góc phố khi vào mùa. Những chiếc xe buýt chạy rúc còi đình tại, làm cuộn lên dưới lớp xe những vệt khói trắng yếu ớt. Những tủ kính được lau sạch rực sáng. Không khí mát dịu có mùi thơm bạc hà. Thành phố như một kỷ vật được lưu giữ trong ánh sáng rực rỡ của một quả chuông pha lê.

Những cơn mưa dữ dội dường như muốn thay thế mọi thứ. Nếu như cái lạnh đã thiết lập được vị trí, thì mưa phải đợi đến kỳ trăng sau, một cơn gió lốc quét sạch tất cả cái bẩn thỉu của mùa đông. Thỉnh thoảng, vì một thoáng phấn khích, một thân cây bị bật gốc; cây khác, cụt ngọn; chiếc xe, lật ngược; ông khói bay biến, một số chong chóng chỉ chiều gió biến đi đâu mất - thật khó có thể xác định được sức mạnh góm ghê đến vậy: không thể tránh khỏi vụng về và có lẽ không thể nói được về những trận gió xoáy, đôi khi chiếc phong kè bị kẹt vì gặp phải trận cuồng phong dữ dội hoặc con dê phải lùi bước trước sự giận dữ của những cơn triều cường.

Mưa kèm theo gió tây bắc rất lạnh, bị kích thích, thúc ép bởi những trận gió khủng khiếp từ Đại Tây Dương dồn tới, mưa tát xiên vào mặt. Những hạt mưa quất mạnh như những mũi tên nước xuyên qua người, quất ngã những ai lỡ đường. Gò má, mũi, bàn tay đỏ thắm màu son. Thị hiệu đã tiến triển từ làn da xanh nhạt lãnh mạn đến làn da rám nắng của miền nhiệt đới. Nhưng nước da mỏng đỏ từng mảng trên mặt không bao giờ là một tiêu chí quyến rũ - ngay cả người da đỏ châu Mỹ luôn muốn có màu da đồng đỏ đẹp. Nếu những trận mưa mùa đông ấy chẳng sinh lợi được gì, thì ít ra chúng cũng đem lại chút ít thư giãn sau khi đã làm các cơ bắp mỏi rã rời. Sự thư giãn ấy là kết quả của một cố gắng. Về nhà, người khô ráo, ních quần áo, kê bên ngoài gió bão gầm rít, lãnh quất. Điều may mắn nhỏ nhoi ấy không phải ai cũng có được: còn những người vô gia cư, nghèo khó, bản cùng. Sự nghèo túng không lợi dụng cái gì hết. Diogène^[12] coi thường mọi quy tắc đạo đức xã hội nên đã sinh ra sự huyền tượng của nhà hiền triết - nghèo túng. Đây còn là câu chuyện “thiên thời địa lợi”. Có thể đòi hỏi

Alexandre^[13], với tài năng vĩ đại dùng ngăn cản ánh sáng mặt trời, song những đám mây thì sao. Le Cynique không thể lấu lĩnh được mãi trong cái thùng tô nô của ông ta: bị nhúng ướt, đóng băng lạnh giá, không một tua nắng nhỏ nhoi sưởi ấm những mẩu xương già nua của lão. Chắc trong bài diễn thuyết của mình, ông ấy phải yêu sách ngay tức thì việc sáng lập ra Đội quân cứu thế. Đối với cư dân ở đây, những trận mưa mùa đông là nỗi khổ đau dai dẳng, nó không hề có dáng vẻ bông lơn như những trận mưa rào mùa xuân. Khi các vị đã quan sát kỹ càng, thận trọng bầu trời trước khi ra khỏi nhà, nó có vẻ quang đãng, rải rác những đám mây trắng, vội vã trôi

nhANH qua miền này như có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc xâm lấn của những trận mưa rào tàn bạo trên vùng biên giới phía Đông. Không ngần ngại, các vị có thể để ô ở nhà và mang theo sọt giấy, bình đựng xà phòng. Sau những ngày tháng tối tăm, là khát khao mùa xuân cháy bỏng đến nỗi người ta chống đối kịch liệt sự kéo dài của mùa đông. Thực tế, sự dịu êm đầu tiên là những luồng gió ấm, thoảng hương, lan tỏa trong không khí còn vẫn vương mùa đông của những ngày dài thêm ra. Người ta ghi nhớ một số điểm mốc chính xác: giờ tan tầm, giờ đóng cửa hàng, giờ tàu, giờ lên đèn đường. Mọi người quá cuốn hút với những thông tin tốt lành, sung sướng nhận thấy những ngày đẹp trời đang tới gần, đến nỗi chẳng mấy ai để ý ở ngay trên đầu họ, trong vòng 3 phút thôi, bầu trời lại bị che phủ và tệ hại hơn, không một dấu hiệu báo trước, mưa lại đến. Trời mưa dữ dội đến buồn cười, trận hồng thủy đến như trẻ con với âm thanh gấp gáp, vui vẻ. Mưa như làn vũ điệu ga-lốp thử nghiệm, như tràng pháo hoa tung lên giữa ban ngày, những viên đá lát đường vẫn khô nguyên. Người qua đường chạy vào trú dưới mái tam quan hoặc dưới mái che của một tủ quán chen chúc kín đầy khuôn cửa. Không ai muốn một trận mưa kiểu này, bằng chứng là tóc tai nước chảy nhỏ giọt, trông đến buồn cười. Đây không phải mưa mà là một phần của trò chơi ú tim, một trò mèo vờn chuột. Thế rồi, thời tiết lấy lại được hơi thở của nó và bầu trời tìm lại được sắc màu phon phớt xanh. Chỉ cần một chút mây tạnh trời quang thôi là các vị sẽ tha thứ cho tất cả.

Bà tôi cho rằng những trận mưa này thật ngu ngốc. Với bà, nên mưa một lần cho tất cả, rồi thôi đừng ai nói đến nữa. Mọi người phó thác cho bà trách nhiệm theo dõi chế độ mưa. Bà gộp toàn bộ lượng nước mưa của tám ngày trong năm đem chia cho 12 tháng, chia số dư còn lại cho những ngày giữa mùa nóng (không nóng quá) và lạnh (không lạnh quá), giữa thời điểm ấy, bà nói không bao giờ thoát được cái vòi sen xứ ê-cốt theo kiểu Bretagne. Bà quát tháo khi thời tiết xấu như đối với mọi điều không tốt đã xảy ra. Bà cứng nhắc về nguyên tắc ngày hai mươi lần nguyên rửa “cái tên của tên” - tên ai không biết - vang lên nặng nề đe dọa và đầy ẩn ý. Đằng sau những lời thỏa mạ thô thiển, cái tên hình như có sứ mệnh sắp xếp lại trật tự cả thế giới và nếu như bà không định danh được thủ phạm thì chắc chỉ vì hắn không ở quá xa.

Đám cưới của bà với ông nếu không bị áp đặt thì chí ít cũng do bày đặt của các cụ - cuộc hôn nhân thắng lợi mà việc kinh doanh đang độ hưng thịnh bảo đảm cho con cháu họ một OPA ^[14], rục rờ vui tươi. CHuyện buôn bán phải đột ngột xoay hướng do biến động của thời cuộc, làm mất khả năng kinh doanh. Nhưng hài lòng với kho áo quần - niềm hạnh phúc của các bà, ắt hẳn như vậy - và để khỏi phiền lụy ở tương lai, các vị hôn phu làm như thể đã yêu nhau thật sự. Không phải vì quan trọng hóa tình yêu. Sau 20 hoặc 40 năm, mọi người gặp lại nhau ở cùng tình trạng ấy. Nhưng ấn tượng chua chát là đã không làm chủ được số mệnh của mình. CHẳng ai thừa nhận cuộc sống của họ không có gì thay đổi, rằng lẽ ra có khả năng tạo được nhiều điều tốt đẹp vậy mà đã bị phung phí, tiêu tan và họ giữ lại những điều không thể chấp nhận được.

Đám cưới của bà là thời điểm có tính chất quyết định trong cuộc đời, đánh dấu một loại năm số 0, cái mốc thời gian để từ đây xác định trước hoặc sau như sự ra đời của Đức Ki-tô hay thành lập vương quốc Rôma vậy. Khi người ta hỏi nhau về tuổi tác của bà (nói chung là để bày tỏ sự thán phục về tuổi thọ và sức dẻo dai đặc biệt của bà), thì luôn luôn phải có ai đó trình bày lời giải đơn giản thế này: chỉ biết rằng bà lấy chồng lúc 25 tuổi vào năm 1912 - cứ như đó là ngày đánh dấu phân chia mà từ đây mọi hình bóng của thời gian hiện ra, cần biết rằng chính bà đã tự xác định mốc thời gian này. CÒn ai khác ngoài bà? Chắc là không có mặt chứng nhân may

mắn, ấy là người ông làm lì của chúng tôi, ít hơn bà một tuổi. Nhưng việc tính toán quá phức tạp khi những con số hàng nghìn cuối cùng cũng không kết thúc bằng con số 2 nên tuổi của bà thành ra “hai mươi lăm năm 12” - cái tuổi hóa thạch mà năm tháng chẳng có nghĩa lý gì sất. Vấn đề là chỉ cần đánh giá đại thể theo tình trạng sức khỏe nhìn thấy nơi bà, thời gian trôi đi từ cái ngày ấy, thứ thời gian không cân bằng trĩu trịt trong nhiều năm, bà tỏ ra không mấy đổi thay, rồi bỗng chốc tuổi già hiển hiện như tăng tốc: Đôi tai trở nên lười biếng, dáng đi nặng nề, thường hay nghễnh ngãng, cùng những câu chuyện kể đi kể lại đến hàng chục lần. Thế rồi những ngày cuối cùng, bà tìm cách nói khẽ, tay che trước miệng, để cô y tá trường, theo bà, đang nấp đằng sau chiếc lò sưởi khỏi nghe được và rồi ngăn cấm bà đi khiêu vũ vào buổi tối. Cô y tá chẳng khác gì mẹ của bà “hai lăm tuổi năm 12” đã mất gần trăm năm, đang làm trò bông đùa cuối cùng, cụ kiềng gót chân, quay một vòng điệu nghệ, làm các con gái của cụ cười chảy nước mắt. Đối với lễ cưới vàng của họ, mọi người tính toán sít sao: chi phí khiêm tốn thôi. Vấn đề là phải có cuộc họp gia đình, một bữa tiệc do mỗi người, hoặc đóng góp ít tiền, hoặc một tiết mục văn nghệ. Để dự kiến trước cho ngày lễ ấy, cha là Lucie, em gái mẹ, chuẩn bị một màn kịch trong vở “Đánh ghen”, rút trong tập Larousse phần các tác giả cổ điển, xuất bản từ lâu đã lên nước bóng lộn. Rồi bữa tiệc có khiêu vũ sẽ được tổ chức, ông lại cầm lấy cây đàn violon, cùng với những người bạn già trường âm nhạc Nantes nơi ông giật giải nhất ngày ra trường, lập lại bộ tứ đàn sáo. Nhưng do người thổi sáo đột ngột qua đời, thực ra là do tinh thần lễ giáo khắc khổ trong gia đình thì đúng hơn, mà những điều mới chớm lóe lên đã xếp ngay. Rồi mùa hè kết thúc mà vẫn chưa ấn định được ngày. Những kỳ nghỉ hè của mọi người thường không trùng nhau. Sau hết, việc tổ chức nhanh chóng trở nên quá muộn: mùa thu, trời mưa, gia đình phân tán, và năm sau, cũng chỉ vì phải chi phí thêm tí chút, mà lại lâm vào tình huống của những năm trước. Thế rồi, người ta lại hện vào những dịp lễ cưới trong tương lai. Không biết còn có những lễ cưới nào nữa: Lễ cưới bạch kim hay kim cương, là chủ đề của những cuộc tranh cãi (từ lễ cưới bông, cưới sứ) rồi sa vào đám cưới giẻ rách, đám cưới Pigaro. Lucie lợi dụng dịp này cất tiếng hát bằng chất giọng soprano điệu hát Chérubin^[15]: Voi che sapete che cosa è amor. Tất cả mọi người đều hoan hô đi.

Đối với vợ chồng già, đây quả là sự an ủi, song cũng là việc khổ sai nên tránh. Bộ tứ đàn tấu không làm cho ông phấn khích nữa. Dần dần, ông thích

sự im lặng hơn ồn ào nhạt nhẽo. Chiếc violon giờ nằm chết dí trong hộp đàn và nếu như thỉnh thoảng ông còn sờ đến chiếc piano thì chẳng qua là có hiện tượng từ hóa, bởi khi đi qua chiếc piano, thật khó tránh không nâng nắp đàn lên: một vài dòng Fuga^[16], một aria^[17], vài đoạn trong một bản sonate. Ông dừng lại ở hợp âm rải thể hiện thứ tình cảm chưa hoàn chỉnh, bàn tay mở rộng, đặt trên gối, rồi cẩn thận phủ chiếc khăn lụa xanh lên dây phím. Trong những nhịp phách cuối cùng, ông bằng lòng với một nốt duy nhất, như để giữ nhịp, im lặng rồi chẳng gõ thêm nốt nào nữa, đúng hơn, là một cái vuốt nhẹ cam lặng trên dây phím ngà,

Còn về bà, bà đã giận đỏ mặt khi họ hàng gọi lại cái ngày làm lễ cưới, chiếc 2 CV được trang hoàng nào vải voan, nào tua dây xanh đỏ, nào tô màu sắc sỡ ở phía sau, trên mũi khum, một dòng chữ: “Mừng cô dâu, chú rể bách niên giai lão”. Chả ai có ý mong đợi bà tham gia lễ hội giả trang như vậy. Thông thường, chiếc “2 CV” là chủ đề thường xuyên của mọi mối bất hòa giữa ông và bà. Bà không chỉ trách ông ăn mặc quá xoàng xĩnh, mà nguồn tài chính của họ từ lâu đã không cho phép đổi xe cho hợp với địa vị đang lên của họ. Bà can đảm chấp nhận những đòn cay nghiệt của số phận vì một khi mọi nguyên tắc đã bị loại trừ thì vẻ bề ngoài của một người danh tiếng cũng chẳng còn được coi trọng nữa. Bà có những lời đốp chát thô bạo với những người mà bà cho là có ý định lòn bịp bà: có lần người chắt đáng thương ca ngợi tốc độ chiếc xe ô tô thể thao của nó, thì bà nói kháy rằng: “Tiếc là tao không được trông thấy chiếc xe đó,” Bà từ bỏ chẳng nuôi tiếc ngôi nhà rộng lớn, bày trí rườm rà bằng đá phấn, gạch, gỗ - căn nhà được tạo dáng với từng phần làm thêm kế tiếp nhau, những bán máu, những căn phòng nhìn ra phía những mái nhà – đến ở trong một căn hộ hai phòng chật hẹp, tối tăm ở tầng trệt ngôi nhà nhỏ ở Riancé. Bà thường nguyên rửa tới 20 đời kẻ làm ra chiếc bút mà ngôi lúc nào cũng bị tắc, nhưng lại chẳng hề tỏ ra một thoáng ù ê nào khi phải từ giã hầu hết đồ đạc của mình. Trong phòng, chiếc piano cồng kềnh đặt cuối chân giường và có lẽ ông cũng chẳng say mê gì cho lắm với cây đàn. Muốn đàn, trước hết phải dọn dẹp cả núi áo quần. Thêm nữa cái bàn độc chân, rồi cái bàn để đèn ngủ và khi các cánh cửa tủ mở ra thì không thể nào đi lại được. Dọn đồ đạc trong 13 phòng để bày trí vào hai phòng đòi hỏi phải có một sự lựa chọn tàn bạo. Từ giã không chỉ những đồ đạc chất chồng của một đời người, mà cả những di vật của những thế hệ trước còn khó khăn hơn cả việc tu luyện khổ hạnh vì đòi hỏi phải dọn dẹp trí nhớ.

Nhưng bất chấp tất cả, để lưu giữ những kỉ niệm quá khứ, bà khẳng định giữ lại hai hoặc ba vật dụng ít giá trị, chiếc máy khâu công kênh, bày đặt lộn xộn, trong khi cũng với khoảng diện tích đó, nếu như giữ lại cái tủ sách xinh xắn bằng gỗ màu hung đỏ với những tấm kính hình ô van thì có lợi biết bao. Song chiếc máy khâu lại là kỷ vật của mẹ, của bà bà, của chính bà và của tất cả những phụ nữ chăm chỉ, cần mẫn của gia đình – như là bia đá. Số còn lại, bà dùng dụng phân phát cho con cháu mà trong hoàn cảnh tương tự có thể ông đã không làm như vậy. Nhiều lần, ông ban thưởng cho chúng tôi bằng những cử chỉ không hài lòng mà chúng tôi có thể phân biệt được cái cá tính cam lạng cổ hủ của ông qua cách ông cố tình không nói gì cả. Chẳng phải vì ông chú ý quá đáng tới của cải trên đời này, ông không như vậy. Những ngày giam mình trong phòng riêng tu viện La Melleraye, gặp gỡ thường xuyên với những tu sĩ dòng Trappe đã cho thấy rõ điều đó. Nếu như ông khó tính trong cách ăn mặc thì ấy là do nghề may của ông tạo ra: cách cắt, phát hiện nét vụng về trong đường khâu, đánh giá nếp gấp của một chiếc quần vải mềm, nhẹ, chất lượng của vải lót như Francois d'Assise^[18], ít nghi ngờ về tính phù phiếm, với tư cách con trai người buôn dạ đã yêu cầu được chôn cất trong vải liệm bằng dạ xám. Điều khiến ông ngoại phiền lòng nhất là tham dự vào việc phân phát tài sản. Tuy nhiên, những người con gái được thừa hưởng gia sản xem ra có vẻ đều thể hiện ý thức đúng đắn nhất. Nếu như có sự xúc phạm, lòng ganh tị, nổi thất vọng, thì sẽ được khéo léo che đậy. Trước khi nhận phần, họ ra vẻ khẳng khái nhường phần của mình cho người khác. Và nếu có ai dè dặt tỏ ý thích một đồ đạc nào đó thì những người khác đua nhau khẳng định là họ không thích thứ ấy.

Chính vì vậy mà sau này, những oán giận tích lũy lâu nay rỉ dần ra vào mỗi dịp họ thăm viếng nhau thấy ở nhà người đó cái đồ vật họ thèm muốn: “Này, chiếc đèn của mẹ làm cho cái tủ của em đẹp lên đấy nhỉ?”

Chiếc 2 CV là hộp sọ có tính trội nhất: 2 hồ mắt – kính chắn, mũi – bộ tản nhiệt, vành hồ mắt – kính chắn nắng, cằm nhô răng ra – mô tơ, khung xương hơi lồi – mái che, chẳng thiếu thứ gì cả, ngay cả phần tiểu não phình ra của cốp sau. Ông ngoại là người trầm lượng lặng yên, cô độc về cách nghĩ này. Còn bà ngoại thì cảm thấy không thể chịu nổi, đến mức bà thà đi bộ còn hơn ngồi trên xe để ông chở đi một quãng đường dù rất ngắn. Nhưng đối với bà đi bộ thật nặng nhọc và phiền phức do hậu quả của việc đẻ khó, của vết khâu, bước đi của bà lắc lư, chao đảo. Giá như ông lái một chiếc xe khác, bà sẽ vui vẻ ngồi ngay bên cạnh. Bà thấy mọi chiếc ô tô đều đáng yêu trừ chiếc 2 CV của ông. Theo bà, chiếc xe không hợp với khí hậu đại dương. Mái che bằng vải ăn nhập gì mà không tháo quách đi để có thể thưởng thức bầu trời mỗi khi trời đẹp? Đây là chưa nói đến cái gió quật túi bụi, quay cuồng làm mệt lả. Nhưng vào những ngày trời đẹp hiếm hoi, ý định hạ mui xe đã bị vấp bao nhiêu trở ngại: đồ sắt bị gỉ, bị ăn mòn do không khí có muối, không thể tháo ra, vải mái che cứng còng, sệt soạt, không thể cuộn lại. Hơn nữa, không biết mái che có trụ được quãng đường 10 kilômét không. Bà không chịu buông tha, cái của nợ này thì làm gì được ở phía bắc vĩ tuyến 45. Để vượt qua sa mạc, để leo núi Hogar như những anh chàng thanh niên mạo hiểm, tốt đấy. Nhưng vùng hạ sông Loire lại là chuyện khác.

Điều phàn nàn chính là chiếc xe không thích hợp với mưa. Khi nước lọt vào, nguồn thoát thứ ba, sau mái và các cửa, là từ hệ thống thông gió thô sơ, một tấm sắt đan mắt nhỏ rộng bằng 3 ngón tay đặt dưới kính chắn để lộ cánh cửa nhỏ ngân nga tiếng gió, chỉ hở một phần sáng nhỏ, phần sáng càng ít đi nếu các gioăng cao su bị cháy. Khi thời tiết hanh khô, chỉ chút gió thổi qua cửa đủ làm bà khó chịu. Làm sao mà yên lòng được với tiếng ọt ọt không ngớt này? Bà đón nhận những hạt mưa nhỏ với tiếng thở dài sùng sục (đó là biểu hiện có căn cứ cho ý kiến của bà.) Bà ngo nguẩy trên ghế, như đang tìm cách tránh né, không muốn phiền ai cho dù bà thấy rất bất hạnh. Rồi, trước sự bất lực của ông, bà cố tìm cách bít các lỗ hổng bằng mớ giẻ cũ để hỗn độn trong chiếc “hộp gang” (thực ra là một cái kệ đặt dưới bảng điều khiển). Bà nhón tay cầm mớ giẻ, phàn nàn giẻ quá bẩn (chả là chúng được dùng để lau dầu tuyn, kính chắn, thậm chí đánh bóng mũi giày của ông), cuộn lại, định ép lên tấm kính nhưng vừa đụng đến thì đã rơi

xuống. Lại một vài “cái tên” bóng gió nào đó, bà làm lại lau chùi luôn tay trong chuyến đi. Ông thì cứ thản nhiên như không.

Vì xe chạy chậm nên cái gạt nước gắn mô tơ nhích từng milimét như sên, thỉnh thoảng bị kẹt hoặc dừng hẳn lại, thế là lại phải đập vào mặt kính để nó có thể tiếp tục vòng tiếp theo. Cái gạt nước vẽ lên kính chắn những hình quạt bé tí tẹo với hiệu quả trái ngược điều mong muốn. Rất bức là không ai ngoài bà lường được nguy hiểm, bà áo bàn tay lo âu vào mặt trong kính chắn, lau từ ngang tầm mắt nhìn ngược lên cao, làm lộ những vùng sáng mỗi lúc một rộng thêm. Ngồi bên ông tài xế, bà chỉ mạo hiểm một chút đủ cho ông thấy có sự khác biệt – vùng sáng lộ ra qua lớp hơi nước bốc lên, với cái nhìn trực diện, ông biết rõ là không nhìn thấy gì cả với cái tình trạng kính chắn này. Nguyên nhân là ở cái máy lau kính nên bà cầm lấy cần điều khiển từ bên trong quay về mọi hướng, làm nó giật liên hồi, chổi quét lia lịa, tốc độ thay đổi đến chóng mặt, sự cứng nhắc giật cục ấy thật giống bộ phim câm cho ta liên tưởng rằng: 2 công nhân làm việc lười nhác, đang ủa oải rửa một chồng đĩa, bỗng vội vàng tăng tốc khi viên đốc công dữ dằn xuất hiện. Nhưng kết quả công việc thể hiện trên mặt đĩa này là vết nhầy đóng thành keo, vạch thành hình bán nguyệt che khuất cả tầm nhìn. Vì thế, bà giận điên người, nâng cánh cửa kính bên trong luôn đập vào cùi tay lên, thò cánh tay ra ngoài, và với chiếc giẻ lau làm bật ra trước mặt một khoảng sáng. Con đường hiện ra, những cái cây ở dưới thấp, những vệt trắng sữa của trận mưa rào trên lớp nhựa mặt đường. Đó là sự khám phá một thế giới sinh động lòng trong nó là thế giới đóng kín cửa chiếc 2 CV. Nếu tay không đủ dài để lau hết kính chắn thì ít nhất bằng cái cửa sổ sạch sẽ của mình bà có thể nhắc ông tạt sang phía lề phải, hoặc thét lên “chú ý” khi gặp một chiếc xe tải lớn chạy vụt qua tạo nên luồng gió mạnh đến nỗi có thể làm nghiêng ngả con thuyền mỏng manh.

Lái xe mò mẫm không làm ông bận lòng. Ông ngồi yên trí trên chiếc ghế, hai tay đặt ở phần dưới vô lăng, điều thuốc lá ngoan ngoãn ở góc môi, người qua đường chỉ nhìn thấy chiếc mũ của ông. Lông mày ông bị chất nicôtin ám vàng. Nhưng cái màu vàng bất định giữa khoảng rộng màu trắng cho thấy đây là một kẻ bạt mạng thời trai trẻ, một sự rút lui chiến lược cuộc sống tiềm ẩn trong điểm màu vàng lưu huỳnh. Cùng với lông mày tinh khiết bên kia, nó tạo nên sự không cân xứng, cho phép ngờ rằng trên khuôn mặt già nua ấy có triệu chứng bán thân bất toại, cảm giác ấy được củng cố thêm

bởi sự bất động của mắt phải luôn khép hờ, cay xè vì khói thuốc, thỉnh thoảng lại nhảy giật làm bộ râu lệch sang một bên như vua hề Charlot. Ông có vẻ rất mệt mỏi, xa vời, tạo nên cảm giác kiệt sức: cái nhìn của ông dán chặt vào đường xanh, qua những cây số tưởng tượng mà chắc chắn chúng ta sẽ ít cơ may có được. Đó là mảnh vườn riêng của ông, bà nói vậy. Phải thú thực rằng nếu mạo hiểm đến đó có lẽ bà e là sẽ không quay trở lại được.

Ông chỉ có một người bạn duy nhất để giải bày tâm sự. Đó là người gác công tu viện La Mellaraye, vị thầy tu có nụ cười hiền hậu và lời nói trôi chảy đến nỗi có lẽ chẳng gì trên đời – nếu không phải là mệnh lệnh của Đấng Bề trên – có thể khiến ông đánh đổi vị trí của mình để lấy những quy tắc im lặng của các thầy dòng. Những ngày người đến đông như lễ Phục sinh, ông chạy từ nhóm này sang nhóm khác, tiếp đón những người mới tới, bắt tay, nói lời cảm tạ, xoa đầu các em nhỏ, ghì chúng vào lòng, đôi khi hơi quá chặt vào chiếc áo dài đượm mùi mốc của ông, lo lắng tới việc học của những người cao tuổi, và, nếu có người phàn nàn rằng một trong số họ không thành thạo tiếng La tinh vì không được giao việc về thứ tiếng này, rằng học một từ ngữ mà chỉ vài ông già biết phỏng có ích gì và đánh giá thấp lòng khoan dung với những học trò yếu kém, ông chấp hai tay đưa lên trời cầu xin thượng đế tha tội cho sự bất kính đó.

Cần phải khẩn cầu thời giờ trôi nhanh để thoát khỏi cảnh này. Nhưng dù mong muốn cầu nguyện Đấng Tối cao thế nào đi nữa, thì khi vừa nghe tiếng rì rì của chiếc 2 CV trong hàng trăm tiếng động cơ là ông đã nhận ra ngay, vội rút ngắn công việc đang làm, chạy ra đón ông bạn già Burgaud. Ông thường đến thăm vị thầy tu một, hai lần mỗi tuần. Vị thầy tu mang ra một miếng pho mát rất ngon, có bọc kem màu sẫm, bột màu vàng tươi có xăm những lỗ nhỏ, rất rắn và có mùi vị dịu êm – thứ mùi vị đã bị quên lãng không thể so sánh được với bất cứ thứ gì song rõ ràng là ngon tuyệt hảo.

Hai người cùng đi dạo trong góc công viên dành riêng cho khách (các bà chỉ được vào phía cửa, nơi trưng bày những thành tựu của cộng đồng). Từ xa, nghe thấy tiếng chân họ lạo sạo trên lối đi rải sỏi. Họ bước chậm rãi, rồi dừng lại tranh luận sôi nổi một điều gì đó, rồi lại đi tiếp: dáng mảnh khảnh trong bộ áo dài thô cứng màu hung nhạt của vị thầy tu bé nhỏ sóng bước bên ông già cao hơn một chút, thân cúi về phía trước, hai tay chấp sau lưng. Họ nói nhỏ, rất tôn trọng vẻ trang nghiêm của góc công viên dưới tán cây đại thụ, dưới vòm mái cong màu trắng của nhà thờ sông Citeaux ^[19] có cột bằng đá hoa cương màu hồng. Trong khi nói, vị thầy tu thường khoát ống tay áo rộng, đó là cách lên giọng của ông. Một cách đều đặn, cứ đi được nửa quãng đường, nếu còn thời gian, họ lại ngồi xuống bên bờ hồ, lặng yên ngắm nhìn mặt nước phẳng lặng. Nhưng cách làm muôn thuở này

không hẳn là sở thích của vị thầy tu: thầy thích im lặng, suốt thời gian cuộc viếng thăm, thầy lấy mũi dép đá những viên sỏi, người ta cảm thấy thầy rất nóng lòng muốn trở lại cuộc nói chuyện.

Khi nghe tin ông bạn già qua đời, tức thì một nỗi buồn choán lấy ông. Vị thầy tu nức nở như một đứa trẻ, rồi ông vội trấn tĩnh trở lại. Ông lấy ống tay áo rộng thùng thình lau nước mắt như một bài thơ vĩnh biệt và xin mọi người thứ lỗi: “Hãy hiểu cho tôi, tôi đã mất người bạn tốt nhất.” Những lời an ủi thông thường, ông gắng gượng nở nụ cười thường nhật, niềm vui giả tạo này muốn nói với khách rằng mặc dù các quy định của nhà thờ là rất nghiêm khắc, song những con người ấy chắc chắn vẫn là những người sung sướng nhất. Thiếu đàn bà ư? Trái lại, những người đàn ông nói, họ không biết tới hạnh phúc của đàn bà. “Thế càng rảnh!”, các bà đàm tiếu kết luận. Và, mỗi người nói điều mà họ chờ đợi ở vị thầy tu, rồi cuộc tranh luận kết thúc.

Thầy sòng Eustache rất ngạc nhiên là thời gian gần đây không thấy ông ngoại tới thăm. Ngoài kỳ nghỉ hè, là điều bất thường có gì đó không ổn. Thầy nhớ lại vào dịp vắng mặt gần đây, ông Burgaud và bà vợ sống nhiều tuần ở nhà cô con gái út, sau khi chồng cô chết nghe đâu mới 40 tuổi thì phải? có 3 con nhỏ, cách đây gần 6 tháng. Đôi khi, Chúa Trời có những thử thách thật khủng khiếp, khó mà có thể theo Người với tình yêu đầy lắt léo của Người. Khi trở về, thầy dòng thấy ông Burgaud có vẻ già đi nhiều. Những nếp nhăn hằn sâu, vẻ mặt ủ rũ, ông không để ý đến các cuộc nói chuyện, trả lời trệch câu hỏi hoặc không trả lời, như ngẩn ngơ. Cái chết của người đàn ông còn trẻ mà ông yêu mến giày vò ông, làm ông suy nghĩ. Sau này, phát hiện ra bí mật của mọi cuộc đời đều do nguồn hung ác này gây nên, vị thầy dòng tư vấn rất nhiều về “tất cả điều này” và với cử chỉ nước đôi như hợp với đạo đời, vị thầy tu nhỏ bé muốn thầy tóm cả nhà thờ, cây cối, mây và hồ nước.

Dần dần, vị thầy dòng gợi lại những cuộc nói chuyện dường như bất tận của họ và như cái máy, ông đi, kéo theo cả nhóm người lặng lẽ bên cạnh. Họ nói về gì nhỉ? Ồ, về tất cả, về âm nhạc chắc chắn rồi, song không chỉ vậy thôi, rất khó đoán ra sự thực. Ông chỉ có một ý nghĩ mơ hồ về những gì sau lễ ca và nếu như họ đồng ý với nhau về Bach, bất đồng về Wagner chẳng hạn, thì ông cảm thấy chán ngán, không buồn nói về những quyền

sách nhỏ trang trọng cầu kỳ nữa. Không, thực ra, nếu không lạm dụng chút ít thuật ngữ với các nhà tài tử, thì có thể cho là họ thuyết lý. Ông Burgaud có tính ham hiểu biết, cởi mở, quá sùng bái thuyết Đề-các-tơ, nhưng tính dè dặt được bù lại bằng sự quan tâm hết lòng vì người khác. Con người và nỗi bất hạnh của họ là đề tài sinh động để tranh luận. Khi có được sự chẩn đoán chính xác, họ cố gắng tìm ra giải pháp cho một tương lai sáng sủa hơn. Chính họ - giờ có thể nói có đủ thời hiệu - đã gửi một bức thư, sau nhiều lần dự thảo, cho tổng thống nước Cộng hòa về việc thành lập cái mà họ gọi là “những chuyến xe vét của lòng từ thiện” (phép ẩn dụ có thể được mượn từ cuộc đua vòng quanh nước Pháp mà chắc là không liên quan gì đến công việc của ông ngoại, người mà cả đời không biết là người ta vẫn đánh cãi nhau trong các sân vận động). Kế hoạch tiên liệu gửi đến các vùng quê những chiếc xe tải nhỏ với sứ mệnh cứu nguy, thậm chí tiếp đón những kẻ bần cùng.

Sự tiết lộ này không lường trước được hiệu quả. Nhưng chúng tôi biết gần đây ông cụ có quan hệ với nhà chức trách cao nhất nước, dấu hiệu của sự già nua nào đó khi không gì làm xúc động những danh vọng trần thế. Một người kỳ quặc, người ta nói vậy, ngón tay đặt bên thái dương. Văn phòng Điện Elysée đã hồi âm lại rằng bức thư của ông đã được chuyển tới những cơ quan chức năng.

Thầy dòng Eustache đã bị ông bạn chinh phục. Nhìn lại quá khứ, ông đỏ mặt vì một sự táo bạo như vậy. Ôi! Cái ông Burgaud này! Vị thầy tu bé nhỏ lắc đầu, mỉm cười rạng rỡ, mắt nhìn lên trời. Ông cảm thấy hết buồn. Ông thấy ông bạn già giữa các thiên thần.

Thầy dòng càng nói càng thấy rõ là ông muốn tách ông ngoại khỏi gia đình và nhận về phần ông. Những lưu ý của vị thầy dòng khi tâm sự: “Thế nào, ông không biết ông ấy à?” hoặc “ông Burgaud không nói điều đó với ông sao?” đã đưa đẩy thầy đảm nhiệm vai trò của một ý trung nhân, người được lựa chọn để chống lại nhóm nhân vật bị áp đặt. Thầy rút ra kết luận rằng chỉ có thầy là hiểu được ông ngoại, chỉ có thầy là giữ độc quyền ký ức về ông. Trong một khía cạnh nào đó, vị thầy dòng có lý. Ông ngoại luôn thấy bên mình một người lắng nghe chăm chú, một tiếng vọng tới nỗi bận tâm trong lòng đất. Những cuộc viếng thăm tu viện của ông là cơ tạo nên những khoảnh khắc thú vị. Từ lâu, người ta biết rằng sự im lặng của ông ấp ủ những suy nghĩ sôi sục. Là nguồn an ủi của ông trong những ngày cuối đời, vị thầy tu đã nhận được sự dịu ngọt đó, có thể coi là một đặc ân. Nhưng lại di vật này cho thầy thật là phải lẽ.

Nhưng như thế là giành lại hạt giống tốt và trao cho chúng tôi hạt cỏ lùng. Xa mọi người và xa những ham muốn của mình, thầy dòng Eustache chỉ có cách nhìn phiến diện về cuộc sống. Những tâm sự kín đáo nhất, những suy nghĩ cao thượng, bao dung, những hăng hái đầy nhiệt huyết huyền bí ấy chỉ có giá khi được nhập vào phần tài sản được bảo tồn của chôn tu viện kín đáo này. Chính nơi đó có một ông ngoại trong sáng thấm thấu vào bản phác thảo của thành Jérusalem tuyệt vời. Ông đặt trên bậc cửa gánh nặng của nhân loại và bên trong thể hiện mặt thánh thiện của mình. Bởi vì, phần còn lại, chắc chắn chúng tôi biết nhiều hơn vị thầy tu và hình ảnh thánh thiện của ông ngoại cần chỉnh lý một chút: ông giấu kẻo để khỏi phải cho chúng tôi hoặc mừng cho chúng tôi một món tiền nhỏ mọn mà bà ngoại có thể sẽ cho nhiều gấp mười lần. Chắc chắn ở bên thầy tu, ông không huênh hoang về sự lẩn trốn của mình hồi mùa hè năm trước.

Mỗi mùa hè, từ khi nghỉ hưu, ông bà ngoại thường đi nghỉ ở miền Nam, ở nhà cô con gái Lucie. Sau chuyến du ngoạn đầu tiên mệt lả bằng chiếc 2 CV, với những lần xe chết máy, với những khách sạn tẻ ngắt, bà đã gắn bó vĩnh viễn với tàu hỏa, vừa nhanh lại vừa an toàn hơn. Còn lại với ông là những lời nhận xét không mấy nhã nhặn của các tài xế về sự chậm chạp của chiếc 2 CV, về vị trí thích đáng của nó ở an dưỡng đường hay ngoài nghĩa địa. Quả thật ông bà không còn trẻ nữa. Họ đồng ý như vậy lúc xuống tàu. Đặt 4 chiếc va li nặng trĩu trên sân ga, ông lau những giọt mồ hôi lã chã

trên vàng trán dưới chiếc mũ panama. Bà mệt lử lấy tờ báo gấp qua loa từ hôm trước làm quạt, khuôn mặt nổi những đường gân giật giật dưới chúm khói đen như bồ hóng của đầu tàu – và trong khi John, anh chồng người Anh của Lucie, xách những chiếc va li đặt lên chiếc xe bò, nhóm người xa dân, những bước chân chậm chạp của ông bà về nơi lồi ra phía có bầu trời xanh tuyệt hảo. Nhìn về mệt mỏi của ông bà, họ bàn tán rằng thà đi qua Lyon dù phải chuyển tàu và chờ đợi ba tiếng đồng hồ còn hơn là đi thẳng ngang qua Bordeaux vì tàu đổ rất nhiều ga. Nhưng với bà đường nào cũng

thế thôi, bà không hiểu người ta chưa cho nỗ lực trung tâm^[20] và cắt thẳng đường. Bà hứa lần sau sẽ mang theo lọ nước xịt bỏ túi để xấp ướt mặt chống lại cảm giác du ngoạn trong oa tàu như là toa dành cho súc vật. Những mùi thức ăn (ôi, đúng là mùi trứng thối xộc vào mũi) thâm nhập vào từng hơi thở. Nóng nực thôi vẫn chưa đủ, thiếu ô xy còn trầm trọng hơn: một số người, từ sáng sớm đã bốc mùi khó chịu và vài ánh hào quang dưới các nách lá vẫn chưa báo hiệu một ngày mới. Nhưng khó chịu hơn tất cả vẫn là sự thô thiển. Trước khi đi, những người hàng xóm của ông bà chỉ lảng máng biết ông bà đã rời khỏi lâu đài (với bà, lâu đài ở Riancé là một trong những gia đình lâu đời nhất ở Pháp): sự lịch thiệp giả tạo, chân bắt chéo, bàn tay che miệng để nén tiếng ho, vẻ lịch sự thanh cao đặt chiếc va li vào nơi để hành lý, và rời qua nhiều cây số, mọi người đều ngả vào nhau, giẫm lên nhau, lên lớp nhau, vẻ lịch sự người Pháp lúc đầu không còn nữa. Từ lâu, bà quả quyết sẽ không ai bắt gặp bà trong trạng thái mệt nhọc, chân dạn ra miệng há hốc Bà cố giữ. Vì thế bà quạt càng mạnh, dường như mượn sự dịu êm của xú Provence để khóa lấp sự chao đảo của cái đêm ác mộng này.

Ông Djon, theo cách gọi của các công nhân Ả rập trong vùng, cho xe chạy chậm trên con đường ngoằn ngoèo thuộc dải núi Maures, cửa kính hạ thấp, cánh tay tì trên cửa xe. Ông cảm thấy hương thơm của những quả đồi, cái bấp lộ thiên kỳ diệu này đã bù lại nỗi buồn tẻ mà cặp vợ chồng già đã phải chịu đựng trong chuyến đi. Khi mọi người vượt qua những quả đồi, sự nức một mùi thơm hòa quyện của xôn, húng tây, kinh giới, hương thảo, bạc hà, nhựa thông với mùi chua của hoàng dương, vị thanh chua của vắ. Xen vào đó là những thân cây sồi bóc vỏ, thân cây lựu khúc khuỷu, lá sồi xanh óng ả, lá nguyệt quế bóng láng, đất màu son, những phiến đá màu đen, bầu trời ngả sang màu chàm bên cạnh màu xanh của thông, trong không gian ấy vắng lên tiếng ve inh ỏi át cả tiếng chuyện trò.

Tại các đường cưa, ô tô chạy dưới bóng mát của sườn bắc, tấp xuống từ những cây dẻ, cây sồi trước khi qua chỗ rẽ phơi mình dưới ánh nắng khủng khiếp của miền Nam. Hai ông bà già tỏ ra dẻo dai, hơi chúi xuống mỗi khi xe qua đường vòng. Họ nhìn lên đỉnh núi ước lượng độ cao xe đang chiếm lĩnh.

Bà ngồi trước, cạnh người lái xe. Trong đời, bà không nghĩ rằng bà sẽ có một chàng rể người Anh. Bà xuê xoa nói với con gái: “Theo mẹ, cứ gọi là Jeannot”. Bà không dám phát âm tiếng nước ngoài sợ buồn cười và theo thói quen, bà dùng cách lựa chọn của người bản xứ. Có thể vì vậy là Jeannot – tức John thích lòng tự ái yếu đuối nơi người đàn bà đầy nghị lực này. Bà là một trong số rất hiếm các bà ít có những nếp nhăn trên hõm má. Bà kết thúc câu chuyện về nỗi khổ sở của mình với một thông điệp khôi hài: Hành vi sỗ sàng của đàn bà làm bà khó chịu nhất là xả ra luồng hơi không thơm tho gì dưới trôn của họ. Hai ngón tay kẹp váy, bà nâng nhẹ lên phẩy phẩy như thể giữ bụi. Ổn rồi, nhưng chưa kịp mừng thì bà lại diễn lại tiết mục ấy. Bà lại phải “giữ bụi” lần nữa. Nhưng cảm giác khó chịu của chuyến đi tan biến khi đầu con đường rải đá được đánh dấy hai cây biển bã xuất hiện lớp ve hồng tường nhà cô con gái. Dưới bóng cây keo cao lớn, bộ ghế mây đang đợi ông già. Ông sẽ qua mùa hè ở đó.

Từ sáng sớm, ông đã chiếm giữ chiếc ghế bành sau một lúc đi dạo trên sườn đồi, giữa mùi thơm tinh tế, dịu mát yên tĩnh của bình minh trước khi lũ ve réo lên inh ỏi – cuộc dạo chỉ dài hơn đường vòng quanh nhà một chút có tính chất tìm hiểu nghiên cứu. Mỗi cây, mỗi con bướm đều có tên, ít ra là trong số những tên ông xác định được trong cuốn từ điển bách khoa toàn thư Larousse. Không những chú ý tới thực vật – vườn nhà ở Riancé là một mớ hỗn tạp lớn – ông còn tìm cách đi đường vòng để hướng dẫn lũ trẻ. Dắt một trong số các cháu đi dạo, ông chỉ đầu gậy vào một cây, bảo là “sariette” rồi đắm chìm trong suy nghĩ. Với phong cách của nhà tự nhiên học, việc truyền thụ kiến thức hiểu ấy cho thấy ông đã hoàn thành vai trò của nhà giáo dục. Vậy, phỏng có ích gì khi yêu cầu ông dạy bà các cháu tốt hơn, nhất là lại càng không nên để ông dạy xướng âm cũng như những khái niệm cơ sở về đàn piano cho lũ trẻ mà Luice đã gợi ý.

Sau buổi dạo, trong chiếc áo trắng và cái quần vải, ông ngồi vào chiếc ghế. Suốt buổi sáng, ông ngồi đọc báo, bắt đầu trò chơi ô chữ mà Luice đã kết thúc từ tối trên giường, dùng mũi gậy vạch trên đất một hình tròn mà ông chính là tâm và vẩy từ chiếc gậy – một chiếc gậy tre mềm mại trong bộ sưu tập của chàng rể - với những chiếc lá khô, xếp thành hình những kim tự tháp nhỏ hoặc làm trạch hướng đi của đàn kiến. Chiếc mũ panama sụp xuống tận mắt nhằm làm tăng độ sáng, ông nhìn ra phía trước, bỏ mũ đáp lại lời chào từ xa của một người trong vùng. Không một ai đi qua con đường dẫn ra cánh đồng nho hay khu trồng sồi lại không có thái độ nhã nhặn, lịch sự với ông. Về bề ngoài của ông già Trung hoa thân nhiên dưới bóng cây biểu lộ sự mầu mịch trước những con người đang vội vã. Ông là cái trục cho cả gia đình xoay quanh. Một công nhân hỏi Djon vì máy kéo bị hỏng, ông chỉ ngay nơi Djon đang có mặt. Và nếu John ở trong nhà, ông làm người đưa tin, cao giọng gọi: “Jeannot, có người hỏi anh đây, vẫn chuyện cái máy kéo”. Làn khói thuốc ông nhà ra nhờn nhờ một thoáng, bị vành mũ chặn lại, bao quanh ông vàng khói trắng tan dần. Giữa lúc ông đang mơ màng, một chút tàn thuốc rơi xuống chiếc quần vải. Ông thận trọng nhón lên để lên bìa các tông cuốn nhật ký rút ra từ túi áo sơ mi (ông ghi trong đó, giữa muôn vàn thứ, những phát hiện về cây cỏ) rồi trút vào chiếc gạt tàn đặt bên cạnh, trên khúc gỗ tròn. Thấy ông không làm gì, bà mang đến một rổ hạt đậu tằm để bóc vỏ, dụng ý là ít ra cũng dùng được việc gì đó. Bà đan và bắt ông chia hai cánh tay để cuộn sợi. Nhưng ông cũng chỉ

tỏ ra ngoan ngoãn mầu mực trong ít phút chẳng qua khỏi phải ngẩng lên để nghe cô con gái quát tháo ông đã quên không dụi tắt hẳn mầu thuốc lá trước khi vứt xuống bãi cỏ. Di Lucie vội vã đưa chân đập mạnh lên đầu mầu thuốc lá tội lỗi chẳng khác gì thánh George đạp lên cổ rồng. Dường như như thế chưa đủ, di còn chỉ cho ông những gốc cây cháy đen trên đồi, dấu vết khủng khiếp của thảm họa kinh hoàng đã xảy ra hồi hè năm trước khi bức tường bốc lửa ngùn ngụt cách nhà di chừng 200 mét được đập tắt, nó gọi lại cái đêm rực sáng bởi hàng nghìn lò than đỏ rực thiêu đốt như một đạo quân tham gia chiến dịch đóng quân dã ngoại trên các ngọn đồi, tiếng cây đổ nghe dễ sợ và giờ đây, vào lúc sáng sớm, ở khu đồi bị tàn phá ấy, vẫn còn phảng phất mùi bánh cháy. Di nói rất có thể thảm họa đó cũng chỉ do một mầu thuốc lá vứt đi như của ông gây ra. Ông già ân hận như thể chính ông đã nổi lửa thiêu sống Jeanne d'Arc^[21]. Đây Luice đã nói rồi đó (bà ngoại tỏ ra đắc thắng), không cần thận ông sẽ nướng tất cả chúng tôi bằng những mầu thuốc lá của ông, rồi bà rượt theo Lucas, cậu con út của Lucie. Thằng bé trần truồng đang chạy chơi trong vườn. Nó hét lên mỗi khi bà bắt nó phải xỏ chân vào chiếc quần tằm bé tí màu xanh bà cầm trên tay. Có lẽ hai bà cháu sẽ cứ tiếp tục đuổi nhau nếu như bà không tóm được Lucas nhỏ bé, vàng từ đầu đến chân, cái chim nhỏ xíu gắn chắc như một cái chốt, miệng lúc nào cũng la hét. Định lánh nạn bên cạnh ông ngoại, cậu rút kẹp vòng chạy nhưng chợt nhớ ra tên các con bướm, các bông hoa làm cậu khiếp sợ. Điều có giá với cậu là từ chối sự hiểu biết, một thứ tai họa. Thực tế, ông ngoại không tham sự vào tằm thảm kịch tới mức làm đứa bé khóc ré lên, báo hiệu như một trong những nổi bất công của con người. Tóm lại, ông sùng ái sự lãnh đạm rất đông phương, nếu như ai đó nghĩ về những tu sỹ đạo phật vắn cổ những con mèo nhằm đặt kỷ cương của họ trên con đường trống rỗng (thì con mèo nghĩ gì về điều đó?).

Ông ngoại thường rời “trạm gác” vào giờ ăn trưa và giờ ngủ trưa kéo dài tới tận giữa buổi chiều khi ngọn gió thốc cuộn cuộn như dưới họng súng phun lửa. Và ông trở lại “trạm” vào lúc tiệc trà, theo lối nhượng bộ của người Anh của bà mà bà chỉ vi phạm vào dịp uống cà phê sữa – điều này gộp phần vào việc thay đổi cái tên áp đặt cho người con rể. Sau đó, dưới bóng râm, trên sân quần được quét tước cẩn thận, họ tranh cãi về các hiệp đấu. Trong các cuộc tranh chấp, họ trịnh trọng mượn ông chiếc gậy, với tài phân xử ứng biến mà chỉ riêng sự hiện diện của nó đã khiến cho những

người chơi có ý thức đúng đắn. Đêm đến, đàn muỗi bay ra xua đuổi Thánh Louis của những vận động viên quần vợt ra khỏi bóng cây của chúng.

Một buổi sáng, chiếc ghế bành bỗng bỏ trống không.

Càng về trưa, bà ngoại càng bồn chồn rộn rạo, đi đi lại lại quanh cây keo. Những người thức dậy đầu tiên nhận ra sự thiếu vắng như một khiếm khuyết hay hay của nghi lễ. Còn bà âm thầm lo lắng. “Alphonse đi dạo chưa về ư?” hoặc “Ông có thấy ông nhà tôi đâu không?” Thậm chí bà còn an ủi cậu bé Lucas đang chơi với bảng đồ chơi của con người sống hòa nhập tuyệt vời với thiên nhiên, cậu là nhân chứng luôn được ưu đãi ở mọi nơi, nhưng thằng bé nghĩ là bà nó đang giăng một cái bẫy, một âm mưu nên quàng chân lên cổ chạy biến mất. Bà đuổi theo định giải thích để nó khỏi hiểu lầm: “Bà chỉ muốn biết ông đang ở đâu thôi”, song thằng Lucas như con mèo bị nhúng nước sôi, không muốn nghe gì hết: nếu lần này không vì chuyện mặc áo may-ô thì cũng vì một bài lên lớp. Những câu trả lời của mọi người cũng không cho biết thêm được gì, tới trưa, cả khu ổ chuột ở trong tình trạng báo động.

John đã theo con đường thường ngày bố vợ vẫn qua. Vòng dạo buổi sáng của ông ngoại bắt đầu từ nhà ra phía sau quả đồi, giữa những cây sồi lá bản, dọc theo dòng suối cạn bên bờ có nhiều cây sậy, qua cánh đồng nho và bán quần hệ sồi – cây bụi ở miền Nam này, nơi ông trau dồi những kiến thức cơ bản về thực vật học. Vừa lần theo đường đi vừa để ý, nhưng John không thấy gì. Bà linh cảm có điều chẳng lành đã xảy ra, Bà mừng tưởng rằng ông bỗng nhiên bị bệnh, bất tỉnh ở một nơi ngoài con đường mà ông đã tránh vì những cái cây chết tiệt của ông, rằng ông, người chưa hề phân biệt nổi cây mùi tây với lá cà rốt, bị rấn cắn, sức quá yếu không thể kêu cứu hoặc ở quá xa, cẳng chân tím đen do một trong những con ong kỳ quái to bằng ngón tay ở đây thường gọi là những “trái bom” đốt và nọc của nó có thể gây tử vong hoặc ông bị bệnh đái đường mà không ai cho là thực và thuốc chữa chạy lại là một vài viên đường cho tách cà phê buổi sáng và vô số kẹo ăn rải rác trong ngày, dưới tác động của cái nóng, căn bệnh càng trầm trọng, đường tràn vào máu và nước tiểu, hoặc ông đang nửa mê nửa tỉnh, tháo bỏ cuốn phim cuộc đời, nằm giữa đám thảo mộc ngát hương, mắt hướng về bầu trời cao xanh như có tiếng gọi ông bay vào khoảng không thăm thẳm của vũ trụ - và trong giây phút cuối cùng, khoác tay người tình

thời 1912 tìm hiểu những cây sim, cây mua, cây cúc gai trong tiếng đàn vĩ cầm du dương bay bổng và tiếng ve ngân.

Mọi công nhân trong vùng, đa số là cựu chiến binh địa phương, đã được huy động. Ai cũng nhiệt tình tìm kiếm ông Burgaud. Bà ngoại yêu cầu sục sạo mọi bụi cây, mò các bể nước, lần theo những con đường hoang vắng. Bà muốn hết thảy phải được nhìn cho thật kỹ và nếu thấy Alphonse bị rấn cấn thì tốt nhất không nên để ông ấy đi vì như thế máu sẽ chảy ra nhiều hơn, thật nguy hiểm. Mà nên kêu to lên để mọi người mang huyết thanh đến. Bà bảo mỗi người hãy mang theo còi, kèn, trống hoặc có thể cất vang điệu hát của thầy tu báo kinh hay tiếng kêu của người tiểu phu như để báo tin, như vậy sẽ tiết kiệm được từng giây quý giá. Bà chia khu vực cần tìm thành bốn phần, phân mọi người thành bốn nhóm. Bà đích thân chỉ huy chiến dịch, thỉnh thoảng hỏi ý kiến John và John vui vẻ tán đồng. Tất cả đàn quân tiến lên theo chiến thuật đã định. Một vài thợ săn lợn rừng, một số thợ săn người Uy-rông ^[22] chính hiệu xứ Maures đã huênh hoang họ thạo vùng này như lòng bàn tay và trước mặt bà, họ bốc đồng: “Bà cứ yên trí, thưa bà Burgaud, chúng tôi sẽ đưa ông nhà về cho bà”.

Nhưng họ chẳng đưa về được gì cả. Lúc ba giờ chiều, nhóm cuối cũng trở về thất bại. Thật khó xử, thời tiết vào mùa này thường rất dễ gây ra hỏa hoạn. mấy hôm trước tình hình yên ổn song nay những luồng gió mạnh, khô lại về nên phải gọi lính cứu hỏa.

Khi nhưng chiếc xe jeep đỏ và xe tải ứng cứu đầu tiên xếp thành hàng một trên đường thì một người đàn ông nhỏ bé đội mũ, mặc quần áo sáng màu đi kiểm tra việc dàn quân oai nghiêm ngày. Chiếc xe ca, vì chiều cổ đặc biệt với người cao tuổi, đã thả ông xuống trước lối đi có đánh dấu bằng những cây bách. Mãi nhìn quang cảnh, ông không kịp nghĩ tới việc dập tắt điều thuốc lá mới hút được phân nửa đang ngậm trên môi. Đề phòng mọi bất trắc, ông giấu mẩu thuốc vào túi, rồi lấy cây gậy tre nâng một góc vải bạt che chiếc cang bỏ không. Ông thấy hình như mọi người náo động cả lên ở trước ngôi nhà có kê cái bàn dài của người hái nho. Những chiếc cốc được rót đầy rượu hồng lấp hình dưới bóng nắng hoàng hôn. Cách đó một quãng, một toán lính tình nguyện xúm quanh ông đội trưởng. Tất cả đều nhìn về phía những ngọn đồi, theo ngón tay chỉ của con người bó chặt trong

bộ quần áo da dày cộp. Vì thế không ai để ý tới người mới đến đang tiến về phía họ, nghe ngóng, và lợi dụng lúc yên lặng. đánh liều hỏi một câu: “Có cháy à ?”

Gần bảy giờ tối. Hàng chục phụ tá tình nguyện tìm thấy ông ngoại.

Khí hiểu ra mọi phiền toái này đều do mình gây nên, ông lẩn vào nhà, giam mình trong đó. Một số người có lẽ muốn biết vì cớ gì họ phải mất cả buổi chiều, coi thái độ của ông như vậy là quá đáng. John cảm thấy đã tới lúc phải mở bình rượu hồng thứ hai, xin lỗi mọi người về sự loạn trí của ông ngoại. Thế rồi họ kể ra một lô xích xông những trường hợp đảng trí, loạn trí đi lang thang, đến tên mình cũng chẳng còn nhớ vì những cú sốc tinh thần, do sung huyết nhũn não. Và cả gia đình, ai cũng hấp tấp muốn đến thăm dò cái gọi là mất trí của ông cụ.

Dì Lucie làm âm làm ĩ hồi lâu trước cửa phòng ông ngoại. Mỗi sau ông mới quyết định mở cửa(bà ngoại phải phai cô con gái tới vì ngờ rằng chính bà cũng chẳng cạy răng ông được). Ông nói ông đã qua một ngày ở Hyères, mà phần lớn thời gian là ở vườn bách thảo bởi lẽ ông đã khai thác hết những nguồn cây trong rừng, thấy cần phải mở mang thêm tầm hiểu biết, và ông bắt đầu nghiên cứu các loài khác, tìm hiểu hệ thực vật nhiệt đới và với chuyên mục này, ông thấy ở đó rất nhiều điều kỳ thú. Ông mô tả cây đa với những chùm rễ khí sinh, cây cù tùng đồ sộ nguồn gốc California, tên của một thủ lĩnh da đỏ nổi tiếng, cây phượng vĩ với những tán lửa đỏ - như cái tên nó vậy. Ông liệt kê một danh sách dài những cây kỳ lạ của khu vườn, và rồi hình như cảm thấy có điều gì đó quá đáng nên ông bực mình, cáu giận. Nhưng mà sao nào, ông có bị cấm đi dạo đâu ? Về việc này thì mọi ông đều đồng ý, và đề nghị lần sau đi đâu ông nên cho biết trước. Hay là ông có điều gì giấu giếm ? Hay ông có quan hệ với một phụ nữ nào đó ?Người phụ nữ đó, bằng thứ ngôn ngữ được mã hóa trong suy nghĩ của chúng tôi, là một người mạnh khỏe, đầy sức quyến rũ, chắc chắn là vậy. Trong khi bà chỉ giống người đó rất ít: hiển nhiên, người đàn bà đó còn rất trẻ, rất gợi tình, bởi lẽ sự tươi mát bao giờ cũng sóng đôi với vẻ duyên dáng nhưng không thể là xinh đẹp, ngay cả với những sáo ngữ cũ kỹ nhất - và hiện tại, bà già khốn này, bước đi ngúng nguẩy, da mặt nhăn nheo, thân hình chẳng còn cân đối giấu trong chiếc áo váy rộng thùng thình in hình sắc sỡ. Phải có hàng mớ trí tưởng tượng mới dám đặt tình yêu ở đó - trong khi người đàn bà ở

Hyères, chắc chắn là trẻ hơn hoặc có một cái gì đó tuyệt diệu, một gót chân mịn màng chẳng hạn mà thời gian thường không thể nào hủy hoại nó, sự trẻ trung này đôi khi vẫn nguyên vẹn dưới chân các bà già, cái xương giữ cân thận cho làm da căng phủ lên nó, nhờ công hiệu của phép đề dụ, chỉ cần tập trung toàn bộ ham muốn theo tôn giáo, và tự thôi miên, để có thể yêu người đàn bà đó suốt đời. Nhưng gót chân thô kệch của bà rơi thẳng vào trong giày, lúc nào cũng quần kín, ngay cả khi trời nóng nực, những đôi tất màu lông chuột pha chút sắc tím bởi vì bà nghi ngờ cái màu trắng của đùi mình, một màu trắng như sữa của tấm thân, như những con vật mù, tái nhợt sống trong những hang sâu nhất không khi nào có ánh mặt trời. Làm thế nào để chống lại người đàn bà bí ẩn ở Hyères với tấm thân được nước biển nuôi dưỡng từ mấy chục năm qua?

Câu trả lời còn chờ bà ngày hôm sau lục lợi các túi áo khoác của ông. Người hùng của ngày hôm trước lại an tọa dưới cây keo như không có gì xảy ra, nhờ sự kiện này, chứ nếu không, ông đã yêu cầu mọi người thu dọn mấy cái bàn thu hoạch nho làm vương tằm nhìn của ông, nhưng ông cho rằng tốt hơn hết là quên nó đi và không nói gì cả, ông bằng lòng xê dịch chiếc ghế bành. Đối tượng chăm chú của ông là những cây nho và rừng sồi. Trên đường đi, ông khó chịu khi phải đáp lại lời chào của mọi người vì họ có vẻ cười trộm, lo lắng cho sức khỏe của ông. Phần đông trong số ấy đã tham gia tìm kiếm ông và hình như không thù oán ông. Ông Burgaud trở lại “trạm gác”, cuộc sống lại tiếp tục hành trình êm ả, làm rạng rỡ chuỗi mộng mơ dị thường của ông.

Bà không muốn để người ta nghĩ bà có thói quen lục soát túi chồng. Bà không phải loại người như vậy. Song cần phải xem xét những tình huống và đây, những cái gọi là lời thú tội kỳ quặc đã làm nảy sinh những mối ngờ vực. Và lại, những nghi ngờ hoàn toàn được làm rõ: bà chỉ cho Lucie mỗi mẫu bì các-tông màu hồng hình chữ nhật, một chiếc vé ghi ngày và nơi đến, một chiếc vé khứ hồi tới đảo Levant^[23] thiên đường của những người yêu thiên nhiên, tấm vé đã tố cáo kẻ bỏ nhà ra đi.

Từ trên bờ, bà thường được ông chỉ cho hòn đảo huyền thoại, hòn đảo tai tiếng và hòn đảo thứ ba ở phía đông Porquerolles, và Port-Cros, âm thầm thèm muốn đến nỗi bà không tự cho mình có quyền ném đá vào ông già. Và

lại, cái tin này lại làm ông thích thú. Chúng tôi thán phục lòng can đảm của ông. Về phần ông, chẳng có chi làm chúng tôi ngạc nhiên cả: Tinh thần tự do, những cuộc dạo chơi đơn độc, làm chán chường người thân trong những cuộc kiếm tìm. Có lẽ chỉ có một người đi tìm chỗ giải sầu kiểu ấy, người đó chỉ có thể là ông. Chúng tôi hình dung ông đang đi thị sát trên đảo, dáng điệu về kiểu cách, thái độ dửng dưng, miệng rít thuốc nhưng cặp mắt đầy nếp nhăn lại dán vào những thân hình đàn bà lỏa thể, những cặp vú đủ kiểu dáng, da thịt đầy nhục cảm. Hít hà làn da râm nắng sức nức mùi kem chống nắng và trên con tàu trở về dần xa hòn đảo. Ông bịa ra những lời tầm phào để đối phó với chúng tôi như; rẽ khí sinh, vàng hoa lửa - đó, ông dám làm như vậy đó. Nhưng cuộc đi tìm chốn xả hơi này để lại mộng mơ. Như thể là ông già ngẫm nhận một giấy ủy quyền để tận hưởng quãng đời còn lại. Cứ đà này, người ta cho rằng ông vì quá si tình mà sống lâu hơn bà. Ông sẽ cưới vợ lần nữa giống như người bạn của ông những năm học ở Paris, khi cả hai mới 20 tuổi, không một xu dính túi, nhận võ tay thuê ở rạp để được xem hòa nhạc. Người bạn ấy, khi vợ mất, vội lấy ngay bà vợ hai, làm đám cưới muộn màng với một phụ nữ đã tới tuổi 50. Nhưng chẳng lẽ điều đó đã gọi cho ông già hồi sinh niềm khích lệ thời 1912 của mình ?

Bà không muốn gây chuyện. Bà dặn tất cả đừng tiết lộ việc này, hãy im đi những điều đã biết. Thế rồi, chưa đầy một năm sau, như để nhanh chóng thực hiện giấc mơ già nua ở đảo Cythère, ông qua đời, mang theo điều bí mật của riêng mình - một buổi tối, trong căn phòng nhỏ, bữa bộn đến nỗi mọi người phải chuyển chiếc đàn piano để đưa chiếc quan tài vào - nhưng tình yêu, tất nhiên còn tồn tại.

II

Đối với bà Marie, đó là thời thơ ấu khó quên. Người ta rút những mũi kim khỏi hai cánh tay xương xẩu đặt thận trọng trên tấm nệm dọc theo tấm thân gầy đét của bà, rút ống dẫn thức ăn ra khỏi mũi, trái tim dừng cảm của bà không hề run sợ, kêu van. Trong vòng ba giây đồng hồ, công việc to tát ấy hoàn tất. Cái đầu bé nhỏ trắng toát của bà ngoẹo sang một bên.

Trong vài tình huống tương tự, đôi khi con người ta tỏ ra ương ngạnh đến kỳ lạ chống lại mọi hy vọng, cơ thể con người đơn độc mạo hiểm trước cuộc thử thách để tồn tại thật nghiệt ngã, đôi khi hàng năm trời trước khi đầu hàng - cho đến 20 năm, điều đó được thấy rõ, như cuộc sống của cô cây, ẩn chứa trong những hiện bộ ^[24]: móng và tóc. Sự ngoan cố này ăn sâu trong bản tính của bà, thậm chí người ta còn thấy bà vui đầu hàng giờ để giải một bài toán đại số theo kiểu số học, trong khi đó có thể giải một cách đơn giản hơn dưới dạng hệ phương trình đã lập sẵn rất rõ ràng. song vì niềm kiêu hãnh của cô giáo già, bà không để lũ trẻ tự phụ nói lại cách giải với bà bởi vì chúng mới học bậc trung học mà lại muốn áp đặt điều đó với bà, chắc vì tính bảo thủ ấy mà bà đã bị hôn mê ba tuần lễ liền.

Đối với cả làng, bà là cô Marie, một dị bản của vị cha xứ. Cha Random mà bà là người phụ tá ân cần, đã bắt đầu bài diễn văn như sau: “Cô Marie đã từ biệt chúng ta”. Giọng nói kiểu Bossuet khiến chúng tôi động lòng đôi chút: tuy thế nỗi buồn đó không giống nhau ở mỗi người. Thực tế, bà bao giờ cũng chỉ có hai đứa cháu: cha chúng tôi và người em họ của cha là chú Rémi - con của hai người em trai Pierre và Emile của bà. Chính Pierre không hề ngại việc đo đạc đất cát và giấy phép của chính quyền đã cho xây cất cho bà một ngôi nhà ngay trong vườn nhà. Ông quyết định như vậy để kéo người chị gái thoát khỏi những phiền nhiễu của những nhà tu nghiêm khắc bắt bà phải chịu khi làm gia sư trong nhà họ. Nhưng đó cũng là cách tổ chức lại đội quân gia đình thu nhỏ sau những tàn phá của cuộc chiến tranh thế giới.

Nếu hồi đó bà không hề có ý định lấy chồng thì nay thật khó có thể lập gia đình: Bà không có dịp gặp những người đàn ông sống sót sau những cuộc tàn sát và họ cũng không tìm thấy bà. Căn nhà bé nhỏ 2 phòng là sự phản ánh chính xác cuộc sống tu hành của bà: bếp núc sơ sài (đặc sản duy nhất của bà là món nước xốt trắng, dính và vón cục, nhưng thông thường chỉ ba hoặc bốn quả hồ đào là đủ nuôi sống cơ thể bé nhỏ của bà) và một phòng rộng hơn chút ít đặt chiếc giường, cái tủ com-mốt, một tủ lớn, chiếc bàn bằng gỗ du sáng án ngữ trước chiếc tủ có kính nơi bà để sách giáo khoa, vài cuốn kinh thánh và chiếc ghế quỳ cầu kính. Những vật dụng đơn sơ không đáng giá mà một người gom đồ cũ do chủ Rémi gọi đến để lại sau khi bà mất.

Những bức tường trắng không tô vẽ làm tăng thêm vẻ kiên tín của căn phòng được bài trí những đồ vật theo suy nghĩ của bà, tạo thành chúa Ba ngôi: một cây thánh giá, phía sau, trên đỉnh cây thánh giá là một cảnh hoàng dương được ban phép thánh từ Hội Cánh, hàng năm được thay mới (chúng tôi rất tự hào vì cây hoàng dương trong vườn cung cấp cành cho cả thị trấn) và mặt trước là hai bức tranh khác uy nghiêm của Đức mẹ ở Lourdes, và thánh Thérèse ở Lisieux [\[25\]](#).

Nhân dịp kỷ niệm một trăm năm ngày xây dựng nhà thờ Đức mẹ ở Lourdes, một cuộc thi tầm cỡ quốc tế đã được tổ chức (giải thưởng cho người thắng cuộc là chuyến hành hương 8 ngày). Bà đã giật giải chẳng mấy khó khăn: bà trả lời vanh vách về lưu lượng của sông Paul [\[26\]](#), về dung tích hang Masselbielle và màu mắt của Bernadette [\[27\]](#). Sau chuyến du hành, bà mang về bức chân dung Đức mẹ như một giải thưởng tuyệt hảo có ghi nắn nét tên họ và thứ hạng: giải nhất trong số hàng triệu người tham dự - là tấm giấy thông hành trên con đường tuyết vời. Ở góc trái, thấp xuống một chút là hình một cô gái chần cừ bé nhỏ quỳ gối bên dòng suối, chiếc váy tời tàn trải trên cỏ, đầu đội mũ chùm, hai tay giữ chuỗi tràng hạt. cô bé ngược khuôn mặt sáng sủa về phía người phụ nữ trắng ngần, trên đầu phủ một vòng hào quang ánh bạc, từ mỏm đá cao đang mỉm cười với cô, bà ta thanh lịch như người mẫu ở hiệu may cao cấp, thân hình nổi bật trong chiếc áo choàng xanh với các dải bó khít. Bởi vì, dù vẻ bề ngoài thanh khiết, con người trong trắng này giấu trong tấm áo một thân hình đầy quyến rũ. Để

thấy rõ, chỉ cần để đôi bàn chân trần bước ra khỏi đường viền, (độ nghiêng của núi đá tạo nên hiệu quả của gót chân), chỉ cần vén vạt váy lên để lộ cặp đùi thon dài, cái hông hẹp, nửa thân trên dẹt (Đức bà xứ Lourdes không cho con bú) và vượt nhẹ cái cổ cao thiên nga, đắm chìm trong nguồn ánh sáng của đôi mắt đang nhìn đưa trẻ với cái nhìn của một tình yêu trong sáng. Sự bí ẩn hiện thân ẩn chứa nơi thân hình. Đức bà xứ Lourdes là người đẹp nhất trong số những Đức bà, hay chỉ ít là trong số những Đức bà nhưng nhúc như hiện hình trong mắt những nông dân hèn mọn, mang lại cho đời biết bao cái tên đẹp đẽ trong vùng: Nôtre - Dame du Bon-Secours, de Toutes-Aides, de la Peinière, de la Salette, những cái tên từ lâu đã cắt đứt sợi dây liên kết họ với Đức bà-cô gái-mẹ, người phụ nữ xứ Galilée với tình yêu bồ câu.

Niềm vinh quang của Lourdes mờ nhạt đi chút ít trước sự nổi trội của người đối diện trung chiếc khung đen và vàng óng: Thérèse, người vừa được phong thánh. Uy tín của bà thật rộng lớn từ khi bà cứu nhà thờ xứ Lisieux khỏi bom đạn năm 1944- nhà thờ duy nhất còn trụ lại giữa những đổ nát điêu tàn, như một dự báo về bom notoron, và bà cũng giúp cho những ngôi nhà xung quanh tránh được phần nào thiệt hại, văn thời điểm ấy, việc đó thế là đã tốt lắm rồi.

Trong những bức ảnh, con gái ông Martin có khuôn mặt tròn của vùng Normandie, hai má màu rượi táo. Nhưng người nghệ sỹ của giáo đoàn thánh Sulpice, do có thiện hướng phổ quát, đã gắn những nét đặc thù của địa phương vì lợi ích của con người xinh đẹp, yếu đuối nắm trong tay bụi hồng huyền thoại như vận động viên đua xe đạp. Phía sau chòm mũ chùm của nữ tu sỹ dòng Các-men, một vầng hào quang vàng xỉn tạo thành vòng tròn hoàn hảo có tâm ở chính giữa trán. Nữ thánh được gióng khung theo bố cục kiểu Mỹ -nghệ sỹ đã cắt nửa thân, có người đoán là ông dè chừng bàn chân. Người ta có thể tạo cho khuôn mặt cái vẻ trong trắng, kéo dài đường nét, cho bộ ngực dẹt dí, bảu bết hông, nhưng thói khiêu dâm của cổ chân thì không thể chế ngự được. Qua giải phẫu thẩm mỹ, hồi phục sau cơn bệnh lao phổi, cô em gái cậu bé Jésus có khả năng hoàn thành những điều kỳ diệu.

Bà Marie lưu giữ một vuông vải nhỏ tẹo mỗi cạnh chừng năm milimét, mảnh vải đó đã từng chạm được tới quần áo của Thánh. Có phương tiện cứu cánh này, bà hứa sẽ chữa khỏi mọi chứng sốt rét ác nghiệt. Khi một trong ba

chúng tôi ôm, bà lợi dụng lúc mẹ vắng mặt trong phòng để bắt chúng tôi ôm hôn miếng vải rồi lấy miếng vải đó lau trán cho chúng tôi, hứng lấy một giọt mồ hôi nhỏ bé coi như tập trung thần ôm lại. Zizou, đứa em út, chế giễu, còn Nine, chị cả, thì tức tối, nhưng trạng thái lạc ý thức do con sốt gây ra cho phép bà hành động theo cách của mình để chúng tôi khỏi bệnh. Sau đó, bà đi kiểm mẹ cố thuyết phục mẹ cấp lại nhiệt độ cho chúng tôi. Mẹ cau kinh vặn lại bà rằng con sốt 40 độ không thể hạ trong năm phút được. Song bà cứ nài ép. Thật không thể tin được là một mảnh váy áo lưu giữ hơi Thánh Therese lại hiện nghiệm hơn cả thuốc aspirin.

Nữ thánh xứ Lisieux dập tắt những vinh quang xưa cũ. Những kẻ tử đạo chắc không phải là những con người khổ hạnh như Thérèse d' Avila, Jean de la Croix^[28]. Catherine de Sienne Dominique^[29], những người đi tìm ánh sáng trong những tâm hồn tối tăm, mà là những thánh phục vụ trong gia đình, những thánh mà hiệu lực của họ không chỉ được minh xác một lần. Đó là Corneille, Christophe, Antoine de Padoue, Barbe, Eloi, Yves, Joseph và tất nhiên là cả Victor, vị tu sỹ đáng kính của giáo phận này. Bà đã làm một bộ phích đại loại như Thánh Albert vĩ đại, tuyển tập những công thức bí hiểm này thường được dùng ở các vùng thôn quê. Tất cả những người chân phúc, những người sẽ được phong thánh đều được ghi vào danh mục, những hình ảnh sùng đạo được xếp hạng, cũng với một bài tựa danh mục mà trong đó mọi triệu chứng được liệt kê theo thứ tự chữ cái thành một danh sách khổng lồ khiến mời gọi tham khảo các thánh chuyên môn cho từng trường hợp cần điều trị. Đó là công việc của cả một đời người.

Ngoài việc sắp đặt, chúa lòng thành còn dâng hiến cho loài người trái tim vẽ vang lấy ra từ lồng ngực mà không để lại vết thương như các nhà pháp thuật Salman ở Philipin. Chúa vạch chiếc áo sơ mi của người như có gái trong trắng táo bạo để lộ bộ ngực mình cho mọi người thấy cái thập giá được cắm giữa tâm nhĩ, kéo dài nỗi thống khổ của dự vọng đến bất cũng tận. Nhìn nước da đánh phấn, tóc cắt kiểu Louis XIII, ngày thứ Sáu đen tối^[30] hình như còn rất xa xôi. Lời cầu nguyện phía sau bức hình hứa hẹn với người đọc vài vạn ngày xá tội. Bởi vì Chúa quan tâm trước hết tới việc cứu vớt linh hồn. Còn đối với các vấn đề cụ thể, như “đường ruột” (bị đau) thì đưa tới thánh Mamert, bệnh “glocome” chuyển tới thánh clair, “chứng mù” tới thánh Lucie, “bị ong đốt” chuyển tới thánh Fríord, “gặp cướp” vùng

Saxon (có thể là người du lịch) cầu viện thánh François,” công lý” tìm đến thánh Yves, “sự nuôi dưỡng” tới thánh Nome, “mồ côi” tới cha Brottier, “huynh đệ” (hòa thuận) tới thánh Donatien và thánh Rogatien, “cưới hỏi” tới thánh Barbe và “hạn hán” tới thánh Vio, ở hạ lưu sông Loire thánh Vio thường không để phải cầu nguyện lâu. Ở mục “lợn” chắc chắn phải tin vào đại thánh Antoine và những cảm dỗ của Người, ngoài ra còn một vị thánh Gourin nào đó nữa. Trong khu rừng sâu thuộc vùng Armorique^[31] cổ xưa, vị ẩn sĩ này đã nói với con lợn rừng đang tấn công mình: “Đồ lợn con, hãy liệu hồn, mày làm Gourin rồi đấy”. Con vật sừng sờ ngoan ngoãn nằm dưới chân ông chủ mới. Bình thường, nếu con lợn giống tỏ ra khó tính một chút, vị tu sĩ khuyên nó hãy đi ba vòng xung quanh bãi đầm, vừa đi vừa kể lại thói bất nhã. Nhưng thực tế, bà lại có ý thái thịnh nộ làm patê. Bà viết chữ “ngghi ngờ” trước một vị thánh loại như Gourin. Bởi vì, nỗi lo lắng của bà là làm sao phân biệt được kẻ tà đạo tuyệt vời với thông điệp của đạo Kitô. Bà đã chịu ơn giáo hội thiên chúa duy nhất thuộc tòa thánh và giáo hội La mã về những điều kỳ diệu, chứ không phải là một vài nỗi bất hạnh nào đó của Belen và Gargan, những cái gọi là của dân tộc Celte. Cha thích trêu chọc bà hàng cách nhắc đi nhắc lại: “Hãy nâng thánh Michel^[32] lên, quý vị sẽ thấy Mercure^[33]”. Bà nhún vai vẻ coi thường nhưng chúng tôi cảm thấy sự lợn xộn này làm bà hơi bối rối.

Đến bàn chuyện học hành của một trong những học trò gái của bà, các bà mẹ nhân cơ hội đó để kiểm tra hộp phiếu. Họ bàn về chính tả, về những cái khó của môn đại số, kết tội việc chữa răng kém hiệu quả và rồi nguyện cầu thánh Fiacre^[34] giúp sức. Ngược lại, chẳng cần phải yêu cầu thánh Coloban^[35] điều gì cả. Một số người nguyện cầu cho sự mỏng manh sáng láng đến với những đầu óc u tối, bởi vì bà hoàn toàn tin tưởng vào tính hữu hiệu của các phương pháp bà sử dụng nhằm lấp những lỗ hổng. Thế kỷ ánh sáng ấy là mặt tốt của bà.

Khi cần, nếu lời cầu nguyện không hiệu nghiệm, bà đọc thêm bài thơ mà chính bà là tác giả:

Thánh Christophe, bốn mạng công nhân cảng
Xuống nước, hãy coi chừng

Đứa bé ngồi trên lưng
Sức nặng khôn cùng của chúng tôi vơi bớt.

Những cô gái Random đã từng học với bà đều thuộc lòng các câu xướng đó, có thể họ lại đọc cho các con - và bây giờ là các cháu họ - Do không biết ai là tác giả bài này, họ liệt nó vào những bài thơ khuyết danh do dân gian sáng tạo, một câu ngạn ngữ có nhịp phách gần với làm điệu hát đồng dao, một chậm ngôn điển hình:

Thánh Antoine de Padoue ^[36]
Tên kẻ cắp già kia
Hãy trả lại bọn ta
Những gì người lấy cắp.

Bà chúng tôi mặt đỏ như trước những lời chúc mừng, như một người chịu lễ ban thánh thể. Bà cho sự nhún nhường, đức tính chủ yếu không thể phù hợp với niềm vinh quang của một danh tiếng văn chương, dù ở tầm địa phương. Cũng có thể lo ngại làm sút mẻ giáo lý. Việc năng lui tới của các xơ kết thúc bằng việc thuyết phục được bà rằng tội lỗi bắt đầu xung quanh sự hài lòng về bản thân mình. Như bà đã từng đóng thập giá lên những mối tình của bà, lên tình mẫu tử và hầu hết những thú vui trần tục, kìm nén mọi khát khao nên nhờ đó mà điệu hát đã nảy sinh. Và lại, quyển ghi lời cầu nguyện của bà gồm nhiều cách giải thích về thánh Christophe. Trong một bản, thánh là người lái đò từ sông Loire tới Pèlerin, nơi mà, thực tế, chỉ thấy con đò ngang. Nhưng không thể vượt qua con sóng lớn một cách dễ dàng như qua biển Đỏ và bà thay đổi ý kiến: phải có một đôi cà kheo dài 20 mét cho người khổng lồ để không bị lún xuống đáy cát. Bà coi Christophe là thánh bốn mạng của công nhân cảng (sự sáp nhập khu vực kín đáo cho những ai biết lắng nghe) và trở lại truyền thuyết cũ. Cậu bé Jésus ngồi trên vai người khổng lồ hình như không xúc phạm tới chính giáo của mình. Với mỗi chiếc ô tô mới của cha, bà đều chủ ý gắn lên bảng điều khiển một huy hiệu bằng đồng in hình người khổng lồ mà đến tận lúc đó rất thành công đối với bà. Và sự thực là qua hàng vạn cây số, cha vẫn chẳng hề bị một va quệt dù nhỏ nhất. Việc đi lại chưa được như yêu cầu nhưng đường đi cũng có tốt gì đâu. Thánh Christophe là một giá trị chắc chắn.

Thánh Antoine de Padoue được chứng thực sinh ra ở Lisbonne, bạn của thầy dòng François, nhà du lịch, nhà thuyết giáo vĩ đại, tên ông được liệt kê

trong danh sách các nhà truyền giáo cơ đốc. Làm sao mới chỉ vèn vèn biết về ông như vậy mà đã giao cho ông chức danh thượng thư phụ trách việc tìm kiếm những đồ vật đánh mất ? Con đường của chúa thật khó dò. Dù chúa là thế nào đi chăng nữa thì chỉ có được Người giúp đỡ chúng tôi mới tìm được chìa khóa ô tô của cha trong chiếc cốp đựng đồ khăn vải, chuỗi hạt rửa tội của chị Nine ở bụi cây trong vườn, kính của bà treo trên cổ bà, hạt đậu tằm trong chiếc hành, tên lưu manh ăn cắp tiền của nhà thờ, một kẻ đã thề sống thề chết sẽ không tái phạm song vẫn chứng nào tật ấy; không có sự giúp đỡ của Người thì chúng tôi làm sao tìm được đường khi bị lạc. Bà rất khó chịu khi có người coi một tay cự phách như vậy là một tên “lưu manh già đời”. Bà nảy ra một cao kiến hơn là can thiệp giúp. Và bà đã sáng tác theo sách thánh truyền một bài văn vần cầu nguyện bốn câu, trái với bài dành cho Christophe, không bao giờ được phổ biến ra ngoài gia đình:

Hỡi thánh Antoine de Padoue
Khi con cúi lạy trước người
Xin người hãy soi đèn xuống thấp
Để con tìm lại đồng xu nhỏ.

Nhờ đó, chúng tôi tưởng tượng ra Diogène đang bước dài trên đường phố Athènes, tay cầm đèn lồng, đang làm cái việc gọi là đốt đèn đi tìm loài người nhưng thực ra là tìm vài đồng tiền lẻ đánh rơi tối hôm trước vì say khướt, lăn mình trong rãnh nước lề đường. Bỗng nhiên, hình ảnh của kẻ lang thang trác tuyệt này không gây một chút xúc cảm nào: Diogène nằm gần cạnh những đồng xu của mình, tất cả là vậy.

Điều gì đáng tiếc có thể đến với chúng tôi ? Một cây nến cháy sáng trước bàn thờ chuẩn bị cho kỳ thi đồ đạt, thánh Joseph chăm lo về gia đình, thánh Christophe về xe có, thánh Thérèse về sức khỏe, ông Victor thiết lập trên bầu trời giáo phận một vi khí hậu đặc ân, và thánh Vierge, quyền hành tuyệt đối trong muôn vàn sự hiện thân của mình, đảm bảo cho một tháng năm tươi đẹp, một vụ mùa bội thu, việc trở về của tân binh, sự thai nghén đầy hạnh phúc và phân phát hàng ngàn liều thuốc len lõi qua giữa những tai họa của loài người mà không gây thiệt hại gì. Sau khi bà Marie qua đời, chúng tôi đã tìm thấy dưới đủ loại các pho tượng thánh bà đặt trong hốc tường xây ngoằn ngoèo rào vườn cũng như sau các khung ảnh thành kính hàng chục mẫu giấy nhỏ được gấp lại – trên mỗi mẫu giấy đều có ghi một yêu cầu, một ước nguyện cần được chấp thuận. Không phải cho bà mà cho những

người thân của bà. Mong sao J. tránh được mọi tai nạn, cầu cho công việc buôn bán lại hồi phục, ước sao N. đỗ lớp ba, X. tìm được việc làm, Y. khỏe mạnh, cầu cho con hấp hối của Z. được êm dịu và cuồn tín về phục sinh. Nếu việc can thiệp giúp không mang lại được gì, thánh tẩy chay, thì pho tượng quay mặt vào tường như học trò hư bị phạt đứng xó. Ngay sau ngày cha mất, thánh Joseph, ông thợ mộc vạm vỡ trắng nuột, một tay bế con phải nhìn đày hốc tường. Sự thất bại có tính quyết định này chỉ rõ rằng cái thời của những điều kỳ diệu vĩnh viễn qua rồi. Nhưng bà lại nghĩ bà là người duy nhất có lỗi. Bà hối hận đã quên không cầu khẩn vị thánh chuyên trách để người ngăn hờn máu xen vào giữa trái tim và khối óc. Làm sau có thể nghĩ vào tuổi 40, linh hồn lại có thể được cọ rửa một cách đến đại dột như vậy ?

Bà Marie, chúng cháu hy vọng trung chốn linh thiêng, hãy thương chúng cháu. chúng cháu đi thi mà không có hương khói của bà, đương đầu với cuộc sống mà không có lời nguyện cầu của bà, và theo chặng đường của người lính chiến thiếu hành trang, tay buông xuôi, không sức lực cũng như chẳng có tấm gương của người cháu bà tức cha của chúng cháu. (một trăm năm khoan dung, độ lượng).

Sau những tháng lạnh giá, trời trở nên mát mẻ đôi chút, bà Marie để ngõ cửa cho ánh sáng rọi vào và để nghe tiếng mưa rơi. Sáng nào cũng vậy, bà thường vớt những vụn bánh mì rơi vãi từ bữa điểm tâm lên bậc cửa. Về nguyên tắc, mọi chú chim đều là khách mời dự tiệc, song những chú chim cô đồ coi sóc cây lê cho bà ngăn không cho mấy chú sẻ ngổ tị tẹo lại gần và chỉ dành cho chúng những hạt thừa còn lại. Chú chim cô đồ nổi giận khi một kẻ không mời lò dò đến. Nhảy nhót trên gờ xi măng lỗ chỗ tổ ong, chú bình tâm dùng bữa, tự tin ở sức mạnh của mình. “Con chim cô đồ của tôi”, bà thường nói - một từ sở hữu bất thường vì đối với bà chẳng có gì sở hữu (bà thường gọi chỗ ở của mình là “ngôi nhà trong vườn Joseph”). Là người dịu dàng nhưng nghiêm khắc với trẻ nhỏ và các con vật (cả chú chó săn Pyrrhus đáng thương của Rémi, thường bị bà lắc chuông bên tai buộc phải ngậm miệng mỗi khi rống lên như còi), bà biết thỏa hiệp với các chú chim: không phải vì lòng yêu thương tràn đầy mà đơn giản chỉ vì cuộc sống chung cho cả hai bên có được yên tĩnh và tôn trọng lãnh thổ của nhau - cùng thân hình nhỏ bé, đầu rụt trong hai vai, cùng cung cách trang điểm, cùng bữa ăn đạm bạc (nếu phải dự một buổi lễ hay sinh nhật, sau những lời mời mọc đưa đẩy dài dòng, bà đành chấp nhận nêm một chút rượu mùi, một miếng thức ăn bằng quân cờ), thức dậy và đi ngủ vào những giờ nhất định, cùng vẻ hoảng sợ kín đáo. Bà kể chú chim cô đồ của bà mạo hiểm đến tận bàn ăn, nơi bà nấu nướng mà không thấy phiền nhiễu, hình như nó rất chăm chú, cái đầu luôn ngo ngoáy như thể lo lắng đến việc vì sao phải làm và làm cái gì vậy. Nhưng chúng tôi vẫn phải tin lời bà mặc dù lúc chúng tôi có mặt, chú chim bằng lòng nhặt những vụn bánh mì chua và cũng với chiến lợi phẩm thu được bay lên, ẩn mình trong cây lê. Cả hai ai việc này không ngó ngàng gì nhau.

Đi trong vườn, chỉ thoáng qua cánh cửa rộng mở là thấy bà trong công việc quen thuộc, hoặc ngồi ở bàn ăn hoặc bàn làm việc chăm chú - một sự cần mẫn được bộc lộ ngay cả trong những công việc nhỏ nhất, trừ việc nội trợ và khâu vá là bà làm qua quýt để giết thì giờ. Để mạng một chỗ rách, bà túm 2 mép chỗ rách lại, lấy chỉ dính thật chặt, vì thế, trên áo váy của bà xuất hiện những đường thật kỳ quặc. Thứ năm, ngày nghỉ của học trò, bà giành để chuẩn bị bản tin của xứ đạo và buổi chiều, phân phát tới từng nhà kèm một lời thông báo giống nhau trước ngõ mỗi nhà: “Người đưa thư” rồi bà hóm hỉnh thêm vào “của thượng đế đây”. Câu nói trở thành như mật hiệu,

một thành viên mới được đón nhận vào cuối câu đồng thời với sự xuất hiện bà. Cứ như vậy với mọi nhà, đôi khi có thay đổi chút ít để đỡ nhàm tẻ. Không ai bắt bà phải gấp tờ tin làm tư, cuốn dải băng giấy có đề tên người nhận bên ngoài, chẳng qua bà muốn tạo cảm giác đây là bản tin của Chúa Trời.

Trước khi ngồi vào bàn, bà lồng chiếc găng cũ màu đen vào bàn tay phải. Chiếc găng chỉ được sử dụng vào dịp này để các ngón tay bà không bị đen nhem vì mực ướt khi vuốt các nếp gấp với những động tác chính xác có phương pháp trên chiếc bàn thô sơ choán hết cả chiếc bếp chắt chội nơi bà thường quay mặt vào tường, trang trọng làm lễ trong không khí u tịch. Thời gian như dừng lại mỗi khi các bản tin có màu hồng, vàng thẫm, xanh hoặc xanh da trời thay đổi theo tuần chất đóng trên tấm vải dầu với từng gói mười bản một- thì phía bên kia, những chồng tin cũng sụt xuống.

Đôi lúc chúng tôi muốn giúp bà. Bà dành cho một chỗ và cả bốn chúng tôi sắp lại theo ba cạnh bàn. Một mắt nhìn bà làm, một mắt liếc nhìn tờ tin, chúng tôi cố gắng bắt chước một cách trung thành nhất những thao tác của bà nhưng không thể được. Chúng tôi chẳng cảm thấy từ cái bề ngoài này có một cái gì trong trẻo, dịu êm mê hồn cả. Đó chẳng khác gì những trò chơi trong những ngày hè trống rỗng mà việc đề xuất ấy như một cái phao cứu đắm, một liều thuốc hiển nhiên chữa nỗi buồn cho chúng tôi và liều thuốc ấy, vừa ném phải đã lộ rõ là còn xa mới thỏa mãn được sự mong chờ của chúng tôi. Vả lại, bà nghi ngờ sự nhiệt tình của chúng tôi và dè chừng những gói báo có thể rơi. Tuy nhiên trong chừng mực nào đó, bà hài lòng về sự giúp đỡ tự giác và cảm động về sự quan tâm của chúng tôi đối công việc thiện nguyện của bà, công việc của con kiến hèn mọn với sứ mệnh to lớn về đạo pháp của bà. Bà không thể từ chối ba lính mới chúng tôi gia nhập quân của Chúa. Hơn nữa, bà không bao giờ từ chối điều gì đối với những đứa con của Joseph. Song bà biết đó là lời hứa rất hão huyền.

Gấp được khoảng hai chục bản tin, một số bản gấp rất cầu thả là kết quả công việc của chúng tôi. Bốn góc tít giấy đáng nhẽ phải đặt chồng lên nhau theo góc vuông duy nhất thì lại xô xệch lung tung. Một vài bản lúc đầu trông chẳng khác gì cái quạt. Bà thở dài, vội vuốt gấp lại bằng chính bàn tay đeo găng của bà, và lại dạy chúng tôi làm lại từ đầu: Đây, các cháu cứ làm theo bà, chẳng khó gì, cứ gấp tờ giấy làm tư. Được, được rồi. Lần này

chúng tôi đã nắm được cách làm, hồ hởi bắt đầu làm lại nhưng ngay sau đó, nổi nhàm chán lại ập đến. Các góc lại nhanh chóng méo xệch, xiên lệch với lại giống hệt cái quạt. Nhưng có sao đâu, khi một trong số những tờ tin bị gấp xòe ra một cách đặc biệt, chúng tôi lấy che mặt vờ làm điệu bộ tu sĩ dòng Các-men. Đến nước này, bà không giữ bình tĩnh được nữa. Con sẽ nhỏ giận dữ khuấy động vũng nước. Bà giật tờ tin trong tay chúng tôi, giậm chân, tay sửa lại cặp kính gọng vàng óng: như thể là tăng công việc của bà lên gấp đôi rồi đấy, thà để bà tự xoay xở còn hơn. Bà nói thêm khá to, như độc thoại trên sân khấu để chúng tôi thấy rằng bà có thói quen làm một mình. Sau lời trách móc che giấu sự bí ẩn buồn bã của cuộc đời, bà từ chối mọi tiếng thơm hạnh phúc. Chúng tôi hiểu lơ mơ khi nhìn cái nội thất chật hẹp không có trang trí nào khác ngoài tấm lịch bưu điện treo phía trên chiếc bàn, khi nhìn cái bóng dáng màu ghi, lom khom, vào cuộc sống khổ hạnh, eo hẹp và đơn điệu của bà - trong chốc lát, chúng tôi ân hận và tự hứa sẽ không làm như thế nữa.

Sau khi gấp xong, bà cắt các băng giấy trắng để cuốn quanh mỗi bản tin, rồi lấy hồ dán hai đầu lại. Bà dùng con dao bằng nhựa để phết hồ song dao cứ gãy luôn vì bị ấn quá mạnh. Bà liền thay bằng các que diêm và không quên bẻ lấy đầu que tẩm lưu huỳnh. Bà không vứt gì đi cả, những que diêm đó được tận dụng để châm bếp ga. Sau khi châm bếp, những que diêm không chịu rơi mà cứ dính chặt vào các ngón tay khiến bà thổi phù phù. Bà đã gắng chịu đựng sự quấy nhiễu của chúng tôi, nhưng đến nước này thì không thể chịu thêm được nữa –đóng giấy trắng mà bà mất bao khó nhọc thu gom lại đã bị hỏng. Bà lo lắng quan sát chúng tôi tay lăm lăm cầm kéo, đứng lệch hướng với dải trang trí, những vòng hoa và khăn trải bàn dưới lọ hoa quen thuộc: những tờ giấy được gấp làm tư, làm năm, cắt xén góc, khoét rồi mở ra tạo nên chiếc đăng ten thật đẹp. Chúng tôi rất tự hào, phô trương tác phẩm của mình trước bà cô tội nghiệp. Bà cố tỏ ra đồng tình, gượng cười nhìn chúng tôi chăm chăm qua các lỗ khoét rất nghệ thuật trên tờ giấy đẹp của bà.

Màn cuối công việc, chúng tôi tỏ ra có ích. Bà mở cuốn sổ có ghi danh mục những người nhận tin đưa cho chúng tôi bảo đọc lần lượt chậm rãi cái danh sách dài đặc được chép rất chân phương, nét thanh, nét đậm bằng bút lông của cô giáo già. Bà hơi dừng lại khi chúng tôi đọc quá nhanh hoặc

không để ý đến chữ “đã chết” ghi thêm trước chữ Untel—bằng ba chữ viết tắt. Chiếc băng hồng đó bà giữ lại làm giấy nháp.

Sự tập luyện này có tác dụng trấn an. Chúng tôi còn đùa thể khi đọc đến hai hoặc ba lần cái tên buồn cười, rồi tên nào cũng vậy và cuối cùng danh sách phải đọc cũng hết, chúng tôi buộc phải nghiêm túc. Giữa những lời đọc, chúng tôi nghe thấy tiếng ngòi bút lông sột soạt trên giấy, tiếng tíc tíc như chim gõ kiến trong lọ mực, tiếng bàn tay chạm nhẹ trên giấy thấm mực, tiếng thở dài của bà cô. Mái đầu trắng xóa cúi sát xuống tờ giấy bà giục chúng tôi tiếp tục công việc. Việc ghi chép cực nhọc này là những giây phút rất bận rộn của bà.

Xong đâu đấy, bà dồn chỗ mực còn lại vào lọ, làm ngòi bút và cuộn vào trong một vuông vải nhỏ để ngòi bút không đâm phải gỗ của lọ đựng bút. Bà không muốn nghe nói về hút bi, mặc dù sự xuất hiện của nó làm cha thích đến mức ngòi đầu cũng tán dương. Ông cho đó là một cuộc cách mạng, một tiến bộ khoa học đã hơn một lần bẻ gãy cái ách nô lệ. Đã hết thời những chiếc bút mực chảy nhòe lẩn túi trong áo vét, làm bẩn măng sét áo sơ mi của ông. Các nhà đại diện thương mại, những người tiêu biểu cho sự hiện đại cá cược về sự đổi mới. Cha cố thuyết phục bà rằng bút bi là tương lai, rằng chẳng bao lâu nữa ngay cả học trò cũng sử dụng nó, rằng người ta đã từ bỏ bút lông ngỗng để dùng ngòi kim loại mà không còn giữ lại gì của bút lông nữa, rằng cần hòa nhập với thời đại mình. Song bà cho rằng đã và đang làm tốt công việc hàng cái bút của mình và giả điếc trước những lý lẽ của người cháu trai. Không thể lung lạc được. Đối với bà, bút bi bắt đầu một kỷ nguyên suy thoái, từ bỏ những nét thanh, nét đậm, và do đó, bà linh cảm tới những lỗi ngữ pháp về việc hợp giống, hợp số của phân từ quá khứ và hợp thời động từ, những trường hợp ngoại lệ và dấu mũ “chiếc mũ trên đỉnh chóp rơi xuống vực”- tất cả những cái hay của động từ làm chóng mặt học trò được bà truyền thụ dưới dạng những công thức huyền bí (“Tôi bắt đầu nhận ra động từ “nhận thấy” chỉ có một “P”). Bút bi, đó là con ngựa thành Troie đồ sộ với bốn kỵ sỹ của Ngày Tận Thế, một loại tháp Babel cuối cùng, nơi tiếng nói và con người bị tiêu tan. Bởi vì tiếng nói là trật tự của tạo hóa tức Chúa Trời. Số phận của nhân loại giữ được cân bằng trên ngòi bút lông hiệu Sergeant-major.

Bà ngỡ rằng người ta không cần đến tài năng của mình nữa. Bà đã kéo dài thời gian làm việc thêm 5 năm sau tuổi nghỉ hưu một cách giấu diếm, rồi cục trưởng dòng đã trao tặng bà một tấm huy chương vì thành tích nữa thế kỷ giảng dạy của bà. Lời mời thuộc dòng tên được gửi đi và kèm theo một nghi lễ nhỏ, khuyến khích bà, nhân chứng không còn tái hiện nữa, bằng những lời tiễn biệt. Thị trưởng, mục sư, các thầy trợ-tế, các bà xơ của giáo đoàn được phép ra ngoài, các đạo sỹ ghé qua, các nhà quý tộc, hầu hết số học sinh cũ của bà - ba thế hệ, một ít trong số đó đã làm bà, và những người không đến được đã gửi thư đến chúc mừng, các thư đó được đọc trước công chúng -, những kỷ niệm và xúc động trào dâng làm ngón tay bà lóng ngóng như một cô bé trên chiếc bục dựng ở sân trường, tại đó bà cô mảnh dẻ nhận những lời chúc tụng. Mặt bà đỏ bừng khi một người khách dự lễ ôm hôn bà (chúng tôi nghe tiếng hôn rất kêu phát ra từ đôi môi khô nứt của ông ta trên loa phóng thanh). Rồi sau đó bà mạnh dạn áp úng nói lời đáp từ, bày tỏ sự nuối tiếc phải rời sự nghiệp của cả một đời - nhưng cũng phải nhường chỗ cho thế hệ trẻ chứ? Bà không nghĩ tới việc đó, chắc chắn vậy. Bà tin rằng sau bà là một nạn hồng thủy, ý muốn nói là những cây bút bi và những lối ngữ pháp hợp giống hợp số - bà kết thúc bài nói với một lưu ý rất hài hước rằng những người đặt bản tin xứ đạo sẽ gặp lại người đưa thư của Thượng đế ngay ngày thứ năm tới. Và đây, bà đã sắp đặt điều này. Hãy nghe đây: các vị chưa thể chôn cất được tôi. Đừng vội rơi nước mắt, khi bà nghe những tiếng sụt sùi, đừng gì cả. Bà hờn dỗi lạnh lùng rời khỏi bục.

Những ngày sau đó, bà nhiệt tình gấp bội trong việc hoàn thành sứ mệnh của mình về xứ đạo và sự nhiệt tình thái quá này của bà đã kéo theo những lời châm chọc của Mathilde, người vợ góa của Emili em trai bà, thái độ suồng sã với tôn giáo của Mathilde làm bà khó chịu. Bà lên án sự lãng mạn và chờ đợi thời vận của mình. Bà hờ hững nói rằng cây thuốc lá cảnh trong vườn cô em dâu, người say sưa chăm sóc vườn cảnh, không đẹp không bằng những cây thuốc lá của ông mục sư. Phản ứng lại, Mathilde nói mình không tưới cây thuốc đó bằng nước thánh. Bà cô nhún vai, khinh bỉ “xì” một tiếng làm bắn ra một đám nước bọt rồi càu nhàu bỏ đi giữa những khóm hoa. Các vụ cãi cọ giữa hai người còn đi xa hơn, song chúng tôi không cho những cuộc cãi cọ ấy của các bà già là quan trọng - số phận của họ giờ đã được định, dính vào nhau, là địch thù của nhau, từ khi mà một người, là em trai của người này và là chồng của người kia cố kết họ lại với nhau. Các cuộc cãi cọ của họ mượn những ẩn khuất từ sự âu yếm vòng vo.

Khi sau vài giờ bà chị chồng không xuất hiện, bà Mathilde đến tận nhà đưa cỗ súp còn lại cho bà chị mà nếu không bà đã đổ đi, điều đó cho phép bà chị coi là bằng chứng của lòng tận tụy khi nhận súp. Một lần khác, bà Mathilde đến cho bà chị chiếc khăn san, lấy cớ bà Marielàm họ xấu hổ vì quần áo rách rưới trên vai bà. Và vẫn những lời phê phán dai dẳng không thôi về sự ngu tín của bà chị chồng. Một cách trở lại thời hai mươi của họ - những tính toán được so sánh bằng sự triu mến cho và nhận - trong một cuộc cãi cọ, trách móc, nay đã chìm vào dĩ vãng, rằng người kia đã góp phần vào nỗi bất hạnh giáng vào họ. Nói một cách văn hoa, sự việc những cây thuốc lá cành nói hộ điều đó.

Thời gian phụng sự việc đạo của- bà đã đến hồi kết thúc, bà buồn phiền tự hỏi sau khi bà qua đời ai sẽ giương tiếp ngọn cờ. Thật đơn giản, sau khi bà khuất núi, những bản tin được đặt hàng chồng ở nhà người bán bánh dùng để gói những chiếc bánh bán. Chỉ có những người ở xa, đôi khi tận “chân mây cuối trời” là khổ vì chúng, đã yêu cầu gửi theo đường bưu điện để biết tin tức xứ đạo chủ yếu là những buổi lễ, chẳng hạn như vào ngày mừng 5 lúc 7 giờ 30, buổi lễ tạ ơn chúa đã được thông báo cách đây một năm, sẽ được tổ chức, rằng ngày 7 lễ cưới của người con trai này với cô gái kia sẽ được cử hành hoặc để bày tỏ lòng xót thương đối với một cụ già tuổi 75 nào đó, một người tận tâm với xứ đạo, bị đột tử - nói chung là những lời tưởng niệm, những lời cầu nguyện, và lời mời đến dự lễ.

Sau khi cha qua đời, một cảm giác hoang tàn ngự trị. Mọi việc vận hành đều có khuynh hướng trì trệ cùng với sự tự do quá trớn phản quy tắc: vườn, cỏ lẩn; lối cũ, rêu phủ xanh rì; cây hoàng dương, không được cắt tỉa; đá lát sàn, không được thay và đầy nước đọng; tường gạch, thùng lỗ chỗ; đồ đạc, ngổn ngang, vá víu tạm bợ. Chẳng gì cưỡng lại được sự suy tàn từ từ này.

Những ngày sau khi chôn cất cha, Julien, người đào huyệt, đem tới nhà chúng tôi ba đồ vật giá trị mà lão đã đào được trong hầm mộ của gia tộc: hai chiếc nhẫn của ông nội và bộ hàm răng giả bằng vàng của bà nội. Lão ngưng ngưng đặt cái kho báu tìm được lên bàn ăn với vẻ nhún nhường của kẻ biết mình có lỗi. Lão nguyên là công nhân nông nghiệp thuộc đẳng cấp thấp nhất trong các đẳng cấp ở nông thôn, một kẻ cho thuê cơ bắp, được ngủ trong nhà nuôi gia súc và trả công bằng những bữa ăn. Đối với lão, leo đến cái chức thợ đào huyệt thành phố đã là cả một sự thăng tiến quá sức mong đợi, một kiểu lễ trao binh giáp. Lão được tuyển mộ dựa vào một phép ẩn dụ. Do cách đưa tiễn ông chủ về nơi an nghỉ cuối cùng, đáp ứng được những yêu cầu của ông thị trưởng, nên ông ta đã khích lệ lão: “ Những người chết chẳng khác nào những hạt giống đem vùi xuống đất và sau đó tất cả tùy thuộc chúa trời”. Bởi có thể lúc đầu những người đầu tiên chôn người chết và tin vào sự phục sinh đã bịa ra việc vùi hạt giống xuống đất với hy vọng tràn trề cho ngàn năm sau. Dù sao chăng nữa, cái giai thoại truyền lại ấy có giá trị đáng kể đối với Julien. Người ta thấy ở lão từ trong sâu thẳm, có sự giao du với người chết. Trong các lời bình luận, lão tự nhủ rằng khi gần gũi với thiên nhiên, sự cô quạnh thường đạt tới tầm vóc vũ trụ - và điều đó còn rõ ràng hơn cả việc quả táo rơi gợi ra định luật vạn vật hấp dẫn. Chức người đào huyệt thành phố còn bỏ trống, ông thị trưởng và viên cố vấn của ông, xúc động trước nền đạo lý mẫu mực của người dân ở đây, đã lập tức gán ngay chức vụ đó cho người làm công nhật thích triết lý vật đang vô công rồi nghề.

Thời gian đầu, lão nghĩ người ta còn đợi ở lão một vài câu châm ngôn. Không bao giờ lão quên nhắc câu: “Đá là xương của đất”, nhưng nguồn cảm hứng lúc đầu biến mất, lão lánh mình trong vòng đất phong của lão. Vì gần gũi với người chết, lão tự cho mình đặc quyền cao giọng khi chỉ đạo công việc, át tiếng thăm thì của khách và như vậy thể hiện uy lực của địa phương. Lão đi lại như mèo giữa những mớ mã trong quần thể màu xanh

lốm đốm và màu xỉn của đất, chiếc mũ sùm sụp xuống tận mắt, bước những bước dài với đôi ủng cao su xanh. Khi thời tiết nóng nực, lít rượi của lão tắm mát trong xô nước cạnh cái vòi duy nhất trong khoảng đất có rào xung quanh mà trên vòi nước đó lão thường treo chiếc áo vét. Lão nhắc chiếc bình bị gió làm đổ, nhổ một nhánh cỏ, cào cào lớp cát phủ trên một mộ phần, uốn thẳng lại một cây thánh giá, nhẹ nhàng xếp bó hoa bằng đôi tay chai sạn co quắp do liên tục cầm cuốc. Là ông cai nhỏ của đội quân âm binh, lão có thể tùy ý kéo tai người chết mà không ngại rằng cái tai sẽ nằm lại trong những ngón tay lão.

Ngày vinh quang của lão là ngày lễ Các Thánh ^[37] lão tính sẽ tổ chức bán những bình hoa cúc đặt trên tấm gỗ gồm 3 mảnh ván ghép lại, kê trên hai chiếc kê trước cái cửa lưới sắt ở lối vào nghĩa địa. Được cậu con trai Yvon giúp đỡ, thực ra Yvon không phải là con lão, lão hài lòng bắt chước các thương gia. Ngay khi có ba khách hàng, lão đi từ người này qua người khác, với điệu bộ của kẻ đầy tớ trong hài kịch, luôn khúm núm, không ngừng lấy ngón tay cái nâng chiếc mũ lên đỉnh đầu ra tuồng bận rộn đến mức không còn thời gian để thở. Đó cũng là cách làm thông đầu óc, để lão có thì giờ suy nghĩ khi ký kết, giao dịch, bởi lão gặp chút khó khăn với những con số. Để thuận lợi cho công việc tính toán, lão làm tròn tất cả giá tới 0. Lão rút từ túi sau chiếc quần đựng sa đến đầu gối một chiếc ví da dày cộp bên trong nhét những tờ giấy bạc. Chiếc ví da như sự đảm bảo của một kẻ trung gian ranh mãnh. Còn Yvon thì bằng lòng với một bản sao bằng bìa, một vỏ hộp đựng đường Chantenay có thể gấp qua gấp lại tạo thành hai cái túi nhỏ, một cái đựng tiền giấy, một cái đựng tiền xu. Hắn thường đến làm vườn ở nhà bà Mathilde vài giờ một tuần, và bà đã cho hắn cái ví cũ của chú Rémi, con trai bà. Chiếc ví được đánh xi, làm mới lại nhưng mỗi khi bỏ tiền vào ví, hắn lại khéo léo gấp qua gấp lại như muốn giới thiệu cái môden mới phát minh, là bằng chứng của bộ óc khôn ngoan của hắn. Thực ra, hắn giống người khéo léo hơn là một người thông minh: không biết hắn là con trai của chú hay của ông nội hắn. Nhưng di sản của vua Ai cập xưa nay đã để lại những dấu vết không thể chối cãi được. Cha nuôi hắn đã sai hắn đi giám những bình hoa cúc không giành cho nghĩa địa Ramon. Yvon bê cái sọt, xếp bừa lên cái đèo hàng, đẩy chiếc xe đạp, xoay ngược chiếc mũ lưới trai ra sau gáy và vừa phóng hết tốc lực về phía thị trấn vừa kêu: “Đi năm Bobet”.

Ai cũng trêu chọc Yvon. Lúc nhỏ, nó đã là đứa trẻ bị bạn học bắt nạt. Khi tan trường, chúng thường dồn nó vào chân tường tháp cổ Enfer, di tích rệu rã của một thành lũy thời Trung cổ, và ném đá vào nó. Trong lớp, có thầy giáo giám sát, nó được hưởng sự ân xá tương đối, dù sao cũng không đến nỗi tồi, trừ khi trời mưa: lúc ấy, đứa nào cũng tìm cách đá chân vào vũng nước bùn để nước bắn lên người nó. Nỗi cực khổ dai dẳng thực sự của nó bắt đầu từ lúc năm giờ sáng. Nó đứng ở chân tháp, núp sau chiếc cặp sách nâng cao ngang mặt như một chiếc khiên và đợi đến khi hình phạt ném đá bắt đầu. Những hòn đá bay tới tấp như mưa, đập vào tấm chắn phát ra những âm thanh lộp bộp. Sau một hồi né tránh, nó can đảm chống lại, chửi rủa những đứa áp đảo nó. Những lời chửi rủa ưa thích của nó bằng thổ ngữ là một loại từ tượng thanh, những từ này thay cho biệt danh của nó khi gặp việc không hay. Đôi khi một hòn đá rơi trúng vào chân và lũ trẻ thấy nó bắt đầu nhảy nhót như một thổ dân da đỏ. Nhiều lần khác, nó quỳ sụp gào thét, đáng lẽ phải làm những kẻ tấn công động lòng thì lại khiến tất cả phá lên cười. Nó không tìm được người nào để xoay hướng sét vào cột thu lôi lý tưởng ấy, vì nguyên cớ như vậy mà nỗi bất hạnh ấy đã phô trương một cách hào phóng những mưu kế vô tận của nó. Mười lăm tuổi, nó đã nhìn thấy những con thần lẩn trốn trên tường và toàn bộ những truyện ngụ ngôn quái dị của chúng sáng rọi cấp ^[38], và không quên những con chuột đang chạy dưới gầm giường. Khi Julien chết, người ta không thấy một mảnh khăn trải giường nào sạch trong ngôi nhà nền đất nện. Yvon thừa kế gia sản của lão. Hẳn hơi vênh váo. Phụ nữ gặp hắn coi hắn là hư hỏng vì hắn dán mắt vào họ bằng cái nhìn rất xảo trá và nhất là đầy thèm muốn. Đáng thương thay cho Yvon, mọi cô gái đều chạy trốn hắn. Người ta thấy hắn chết trong một cái hố, bị xé gan ở giai đoạn cuối, nằm gần chiếc xe đạp - người bạn trung thành của đời hắn - chiếc xe chắc bị ô tô hất ngã, kết thúc công việc mà hắn đã bắt đầu từ khi rời ghế nhà trường. Cảnh sát nhanh chóng phân loại vụ việc và không có ai để kháng nghị. Mọi người đều nhất trí cho rằng cái kết cục này là điều tốt nhất cho hắn, Yvon, chết lúc 29 tuổi, chỉ hơn một con chó - cuộc đời ngắn ngủi.

Hắn đi cùng Julien khi cha hắn mang hàm răng vàng của bà Aline và hai chiếc nhẫn lại nhà chúng tôi. Đứng ở lối vào bếp sau khi đã đặt hiện vật thu nhặt được lên bàn, lùi lại một bước, hai cha con hắn chờ đợi một cái gì đó hơn là lời cảm ơn. Mẹ giúi cho mỗi người một đồng tiền. Một đồng có giá hơn cho người cha, một cho Yvon - tiền này để mua kẹo - mẹ nói rõ vậy. Cả

hai hình như không muốn nhúc nhích. Mẹ nhận ra là đã quên điều cơ bản. Mẹ xin lỗi nhưng đầu óc để đầu đầu và đôi mắt mệt mỏi lóe một tia yếu ớt như mặt nước lặng buồn rầu lưỡng lự giây lát. Được ôm hôn, Julien đáp ứng nói lời chia buồn, cái thể thức được tu chỉnh qua đó lão cố tỏ ra tao nhã điều vượt quá khả năng của lão, rồi kiểng có tháo lui. Mẹ cố nài, lão cầm một cốc rượu, bề ngoài giả bộ lưỡng lự, không muốn làm phiền nhiều hơn, nhưng sau cũng không từ chối. Còn thằng con trai lão thì sao? Ôi, cũng một giuộc, hấn có thói quen nghiện ngập. Một cốc rượu đối với hấn thì chả mùi mẽ gì. Với cách đồng ý và mái tóc dày bết trên trán cho mọi người thấy thực tế, Yvon không hề sợ rượu. Mẹ hãi quá, nên đề nghị hấn dùng xì-rô bạc hà mà trẻ con vẫn uống. Hấn có thích hơn không? Yvon đỏ mặt, cúi đầu không trả lời. Không, chẳng rắc rối, phức tạp gì đâu, như cha nó thôi -lão Julien nói.

Thực ra thì không phức tạp gì cả: xì-rô bạc hà dùng được cho tất cả mọi người. Mãi sau, mẹ mới nhớ là nhà không có sẵn rượu, gia đình chỉ uống nước, còn rượu thì chỉ trong những dịp lễ lạt bà mới mua để đãi khách. Lúc mẹ sắp pha nước vào xì-rô, Julien ngăn lại cứ như thể người ta sắp pha nước vào rượu a-nít của lão. Đối với lão, điều này thật mới lạ, chỉ nỗi buồn của người đàn bà góa là kéo lão về với cái việc phải làm: chuồn khỏi đây. Lão nệm, chép miệng và tuyên bố cũng không tồi. Một sự đổi hướng tác chiến rất tạm thời - lão sợ sệt tháo lui.

Đặt cốc rượu xuống, tay chống nạnh, Yvon bắt chước điệu bộ của cha hấn, dặng chân ngạo nghễ trong đôi ủng cao su đang bốc mùi dần khắp căn phòng. Để phá tan sự im lặng, mẹ khen người đào huyết về sự trung thực: vào địa vị lão, những người khác có thể sẽ không chu đáo đến như vậy.

Đó là một cách nhìn nhận. Một cách khác có thể nghĩ rằng lão Julien đã che giấu tội lỗi trong ngôi nhà rách nát, tìm cách nấu chảy vàng và điều đình một nén nhỏ với người thợ kim hoàn trong vùng tên là Rémi, có cửa hiệu ở gần nhà chúng tôi. Với một kẻ làm vườn thạo nghề luyện đan thì quả thật đơn giản khi tự mình thoả mãn với một món tiền puốc-bova và một ly rượu. Vật tìm được ấy, sau thời gian ra đi, lại được đặt trên tủ buýp-phê, giữa những đồ vật và mớ giấy tờ cần xếp dọn hoặc lựa chọn. Khối núi hỗn tạp sứt lở mỗi khi bị lấy đi một mẫu gì. Chiếc cốc đựng hoa quả, thứ vật dụng xa hoa có họa tiết từng mảng màu. Hoàn toàn hiện đại, bằng sứ bị mẻ, nay chìm ngập trong mớ hỗn tạp đó. Những quả hồ đào là thứ quà duy nhất

luôn được đón nhận trong bụng rỗng của nó. Vào thời hoàng kim của chiếc cốc xa hoa ấy. Chúng được đặt trong cốc như những vật trang trí. Chiếc cốc và những quả hồ đào được đặt ở vị trí độc tôn chính giữa tủ buýp-phê, những quả ấy, mấy năm sau, bị moi ra vào mùa hè, nhân khi John ghé qua nói rằng chủ có thói quên tráng miệng sau bữa ăn bằng một nhúm nho khô. Ai đó nhớ lại những quả hồ đào, gần đây thoáng thấy trong khi cái mớ hỗn tạp sứt lở. Đào bới tìm kiếm nhưng thực tế những quả hồ đào như một chiến tích với thời gian vẫn yên nghỉ trong đáy cốc, trắng tinh, sạch sẽ, được khử trùng bằng nước Ja-ven. Nhưng rồi chả mấy chốc mà xuống cấp: bên trong đầy bụi bặm và vài quả hạnh sót lại khô cong, teo tóp tạo nên cảm giác như những tên cướp phá mộng hiển ngầu bữa cơm tang ngay cạnh xác chết để phòng trước một chuyến đi xa.

Nếu cần một chiếc đinh vít, một đai ốc, một tuýp hồ dán, một viên bi, một lưỡi dao cạo, một lò so đồng hồ, một chiếc kẹp giấy, một cái bút chì, một đồng xu có lỗ (thay cho một chiếc rông-đen) hoặc cái tuốc-nơ-vít thợ đồng hồ để vặn lại gọng kính, thì chỉ cần sục vào cái cũi sinh thái học nằm giữa mái tường, và hốc tủ tường phía trên, định vị cái đĩa thủy tinh trước đây dùng làm chậu tắm cho những con chim bé nhỏ lông trắng, mỏ đỏ thắm không hiểu vì sao đã theo nhau chết trong đáy lồng. Chính trong cái đĩa chậu tắm ấy người ta để đồ đạc với ý nghĩ một ngày nào đó có thể còn dùng đến. Cũng tại đây, bộ hàm răng hạ cánh. Cái nghề làm bộ phận giả chắc chắn đã chấm hết, nhưng cũng như một biến cái kèn hiệu thành cái đèn để đầu giường, cái ách thành đèn chùm, người ta luôn có thể hy vọng một sự tuần hoàn lại trong tương lai.

Lúc đầu, chúng tôi rất khiếp sợ khi nghĩ rằng một vật kỳ quái như vậy lại ở trong miệng một con người. Cái của nợ ấy giống như một dụng cụ tra tấn vậy mà chúng tôi thấy nó sờ sờ như cái kẹp trong miệng. Hoàn toàn bằng vàng: răng, vòm miệng, lợi - nặng, thô kệch, công kênh, thô sơ. Được tìm ra trong một cuộc khai quật, người ta giao cho nó thợ kim hoàn người Xi-tô^[39] hoặc cho các phẫu thuật viên triều đại thứ 18. Song nhờ cái đã từng gọi lên sự kinh ngạc thán phục trong miệng hoàng hậu Hatchepsout chúng tôi không còn lo ngại về thứ tiện nghi hùng biện của bà nội chúng tôi.

Bà Aline chắc chắn không thuộc dạng người phải phàn nàn. Bà đã trải qua nhiều bi thương trong cuộc đời, cũng một thảm kịch cứ tái diễn, tất cả các con của bà đều bị chết sơ sinh, mãi mới sinh được người con muộn màng và kỳ diệu tên là Joseph, cha của chúng tôi. Mặc dù vóc người cao lớn, cha cũng không qua được tuổi 40 vì thể trạng ốm yếu.

Bà Aline âm thầm chịu đựng nỗi buồn sâu thẳm, nỗi buồn chiếu dội vào những ai tới gần bà, nỗi buồn làm tăng thêm sự dịu êm của giọng nói. Ôi giọng nói của bà - mọi lời chúng đều khớp nhau- vừa thoát ra khỏi cái miệng bằng vàng là người ta quên ngay những nét thô kệch của bà, quên cái cơ thể vạm vỡ mà người phụ nữ bất hạnh di chuyển giữa những quầy hàng với ý muốn nhẹ nhàng của những người tể nhị nhất, sợ cơ thể của họ chiếm chỗ quá nhiều.

Hàm răng thể hiện phong cách của bà. Được ngâm trong chiếc đĩa - chậu tắm, nó như nói hộ bà. Những ốc vít, bu-lông, những hòn tẩy giờ đã đầy ắp. Dù chỉ một xáo trộn nhỏ trên tủ buýp-phê cũng đủ làm chúng tung tóe trên tấm thảm phủ nền bếp màu ghi, những con chim nhỏ bị con chim cu tổng cổ không một chút nể nang. Cần phải can thiệp. Góc trước chiếc đĩa được dọn dẹp và hàm răng nặng trĩu được đặt ở đó để với sức nặng của nó có thể đề phòng sự sụt lở ở phía dưới.

Rồi chả mấy chốc chúng tôi không để ý đến nó nữa. Thỉnh thoảng, chỉ có cái nhìn lo ngại của khách khứa mách bảo chúng tôi về hình hài bất lịch sự của nó. Rồi về sau, nó được phát hiện làm chức năng chặn giấy. Một bức thư, một hóa đơn mua hàng khăn được đặt rõ ràng dưới hàm răng vàng chóc. Chúng tôi ngồi ăn cơm ngay cạnh mà chẳng mấy may bị phiền nhiễu hay có xúc cảm gì.

Tan hoang và đổ nát. Khi còn sống, không bao giờ cha chịu để cánh cửa bị phá vỡ. Người theo dõi sát sao, không cho phép một lỗ hổng tồn tại, một bức tranh bị tróc, một mái nhà bị đột, một ống nước bị tắc. Người ta đưa cho cha bể non bộ thành Venise, ông cứu nước cộng hòa khỏi cảnh ngập lụt bằng việc gắn xi măng mặt nước, bọc lại formica, làm khô các kênh rạch, tạo ra những chiếc thuyền Gôn-dôn trên đường ray rồi Venise được cứu thoát. Đối với mảnh vườn, cho có một dự án thể kỷ với những núi đá, thác nước, những hốc tường đầy hoa. Bà cô đã lo lắng về chỗ mà cha dành cho những pho tượng của bà. Chứng kiến sự mê say này là nhóm động vật tảo tĩa trên chiếc lá và vài viên đá hoa cương nhặt từ vùng nội Bretagne, chất đóng sau cốp xe sát bức tường trong cùng, nhanh chóng bị khóa lấp dưới đám cỏ.

Những công việc lao khổ cật lực này che lấp đỉnh cao tinh tế công việc phục chế của cha: sửa chữa búp bê cho các cô con gái của cha, chắc chắn rồi, nhưng khi tiếng tăm của người lan truyền, thì cả cho các bé gái trong vùng nữa, bọn trẻ tràn trề hy vọng mang đến cho cha một con búp bê chột mắt hoặc cụt tay. Cha chỉnh lại những bộ phận bị mất. Trong xưởng sửa chữa, giữa những hộp định. Cha thu thập các bộ phận lấy ra từ những con búp bê hỏng, cũ kỹ để bổ sung cho những con búp bê đuôi què – nào mắt, nào đầu, nào tay, nào chân, thật chẳng khác nào một cuộc triển lãm các vật tạ ơn. Đôi khi các búp bê ra về với một mắt khác màu, một chân ngắn hơn hoặc hông hơn hay mập hơn cái kia nhưng các cô bé hình như chẳng nhận thấy có sự khác biệt.

Được xây dựng từ thời ông nội, căn nhà để xe nằm ở cuối vườn ngăn cách với đường phố bằng một cánh cửa sắt. cánh cửa thể hiện rõ sự tàn bạo vào thời ông nội. Luận chứng của Eiffel^[40] và thành công của Wendel^[41] chắc chắn đã được ông cân nhắc lựa chọn. Ông sợ không theo kịp bước tiến của thời hiện đại - vì người ta đã thuyết phục ông rằng sắt bền hơn, rằng cái khung đó sẽ bảo vệ nhà ông tốt hơn với thời gian.

Không được bảo dưỡng - lẽ ra cánh cửa phải được cạo rỉ và sơn lại ba năm một lần -, rỉ dễ dàng ăn đến miếng sắt cuối cùng. Những đảo san hô vàng nhuộm màu đất sơn lúc đầu tiên nhô lên xung quanh những chiếc đinh

tán rồi lan dần ra tạo thành những quả đồi rồi những lục địa làm hư hỏng mặt hàng màu xanh của cánh cửa như biển san hô. Cuối cùng, chỉ một vài vết sơn cặn là còn gợi nhớ lại quá khứ của thành Pompéi^[42]. Chỉ ấn nhẹ ngón tay là chúng tôi có thể đục lỗ qua tấm tôn. Những tấm kim loại bị ô xy hóa, ăn mòn, tróc vảy như vỏ cây tiêu huyền. Trước khi được thay, cánh cửa nguy hiểm đến mức chúng tôi được lệnh không được tới gần. Ngoài mối đe dọa của bệnh uốn ván vì một phôi sắt đâm, chúng tôi có thể bị chết bẹp dưới những tấm sắt nặng hoặc bị lưỡi dao lam nằm giữa mỗi hàn đâm thủng. Nhờ những kiện hàng to tướng quá cảnh qua mảnh vườn bên cạnh của chủ Rêmi, nên những con chim én có cơ hội làm tổ dưới những chiếc dầm kèo ở nhà để xe. Không bị làm phiền, chúng lượn vòng trong cái nhà kho bỏ hoang, hót lích chích.

Chiếc cửa sắt sử dụng rất khó, được gấp lại như tấm bình phong và để đóng được cửa, tốt nhất phải có hai người, nếu không thì phải là người to lớn như người vừa từ già chúng tôi. Muốn đóng cổng thì khi kéo những cánh cửa về phía mình, phải khớp những cái then gắn chặt chúng vào đất và trần nhà. Những cánh tay rất mỏi vì phải giữ những tấm kim loại cao đến hai mét rưỡi, máu từ bàn tay đưa lên cháy ngược trở lại và thường thường, chúng tôi phải dán mắt vào những lỗ đục trên chiếc xà của to tướng nên rỉ sắt rơi vào mắt. Thế là chúng tôi cúi um buông tất cả để dụi mắt và khó hy vọng sẽ dựng lại được mấy cái tấm cửa sắt to tổ bố ấy. Công việc này sẽ rất bình thường khi cha đảm nhiệm với sức lực đáng gờm của những người lớn. Sau khi cha mất, nó đã dạy cho chúng tôi rằng từ rày cuộc sống sẽ đầy gian nan, trắc trở, để đương đầu với những gian nan ấy, chúng tôi cần có một tinh thần như tàu phá băng, rắn rỏi và quả quyết mà hiện giờ chưa có, chỉ biết khóc nhè trong vai Robinson buồn rầu bỏ tàu lên hoang đảo.

Cái cửa gỗ nhà xe ở góc vườn sẽ tiêu tan giống như mũi tàu tấp vào bờ biển đầy tảo lục từ từ mục ruỗng: kết quả hợp tác của những trận mưa vùng Atlantique và những cú ném bóng va mạnh lên nó, làm rung chuyển những mảnh ván lát cũ kỹ. Đầu tiên có hàng loạt tiếng răng rắc, tiếp theo là những đường nứt đầu tiên xuất hiện, rồi đến một ngày, quả bóng xuyên thủng cánh cửa bay qua nhà xe đập mạnh vào tấm tôn. Năm tháng dần trôi, những tấm ván treo ngày càng ít đi trên nẹp sắt, chúng rơi ra và rút cục rơi xuống cỏ, yên nghỉ ở đó như một dải trang trí ít được chú ý ở đầu tàu Mikado.

Mấy năm sau chiến tranh, một chàng trai 20 tuổi đã giặt về quê hương không một xu dính túi. Anh hầu như mất phương hướng đến mức người cha phải cho anh dùng cái nhà xe che chắn các bức họa, và những chiếc bút lông, thực hiện các bản vẽ và những công việc khác để kiếm sống. Lúc đính hôn, chàng trai đã họa tên cô vợ chưa cưới bằng thứ chữ màu vàng lên mặt trong cánh cửa mà anh thường dùng làm bảng màu khổng lồ để thử màu. Sau này, có thể vì một cuộc cãi cọ mà anh đã phủ đen dòng chữ ấy bằng một hình chữ nhật kín đáo, đến mức làm mọi người quên hẳn. Tới giờ, mưa thau đi rửa lại những tấm ván cũ kỹ. Hàng chữ ấy lại tái hiện như con ngựa thành Troie gọi như tình yêu.

Bà cô không dung thứ sự bừa bãi. Làm khuynh gia bại sản này, nên bà bắt đầu ngăn chặn sự phá hoại của thời tiết bằng thứ nghị lực mà bà đã dùng khi lau khô những lít nước đã biến căn nhà nhỏ của bà thành một bể tắm do chỗ nối rãnh thoát nước ô bép bị vỡ. Bà đã chiến đấu dũng cảm suốt một đêm chống lại con dê của lão Séguin ^[43], chỉ một mình với những mảnh vải lau nhà, chân dầm trong nước, bà tát nước, vắt khô, đổ hết xô nước này đến xô nước khác theo thói quen không muốn làm phiền ai, chỉ nhờ người khác sắp đặt tốt hơn mục “Tác hại của nước” vào giữa vị trí hộp phích của bà. Ngày hôm sau, mệt lử, bà báo trước với chúng tôi rằng chắc chắn bà sẽ cần tới Joseph ngay khi ông trở về. Bởi bà sợ đồng giẻ vô tích sự của bà không chống cự được lâu. Được kéo đến để đánh giá tính nghiêm trọng của thảm họa, Joseph bày tỏ lòng khâm phục trước sự ngoan cường và tài tháo vát của bà cô, cái đã đặt bà vào bậc thiên thần. Nhưng những lần khác, và do nhiều lần hờn dỗi, Joseph lại chằm chọc tính bảo thủ giữ lại mọi thứ của bà khi một vật ông đã vứt đi nay lại thấy trong kho ngôi nhà nhỏ hoặc khi bà khẳng khẳng dùng chất giả đá hoa cương dán lại hàng ngàn mảnh vỡ của bức tượng nhỏ Nữ Thánh Anne bị đổ khỏi bệ một cách thần bí (một ước nguyện không được chấp thuận, sự giận dữ của Chúa chăng?), một sự ghép hình theo không gian ba chiều mà bà đã làm mấy tối ròn để cho một kết quả không lấy gì làm mỹ mãn: một thánh Anne đầy sẹo đáng thương, do cách xếp, ghép quá tồi, hồ phôi ra từ tất cả các vết thương làm cho khuôn mặt thánh nhợt nhạt bên cạnh người con rể thợ mộc của bà. Nhưng bà không từ bỏ một thứ gì chẳng hạn như một nắm thạch cao vụn, một phiên bản vẽ mẹ của Chúa, người mà chú bé Jésus gọi là bà ngoại.

Bà Marie sẽ chi tiêu rộng rãi để phản đối việc đưa mảnh vườn tới chỗ tàn tạ. Với những lọ cồn, băng dính dán cầu may và những tiếng gọi Chúa, bà tự coi là có nghĩa vụ tiếp tục sự nghiệp của người cháu trai đã khuất. Bà làm việc này để tưởng nhớ tới người cháu đó.

Và rồi, bà cũng là người đầu tiên buông lơi. Qua Năm mới – như cái mốc cuối cùng, tự hứa là sẽ vượt qua, rồi bà thấy cần nghỉ ngơi đôi chút và từ sáng mùng 2, người ta không thấy bà với công việc ấy nữa.

Đã gần trưa mà bà cô Marie vẫn nằm bẹp dí. Bà vốn không có thói quen như vậy. Dù luôn muốn tỏ ra là người độc lập, bà vẫn rất sợ nỗi cô độc đến mức không thể giam mình suốt cả buổi sáng trong căn nhà bé nhỏ mà không chạy ra ngoài mua bán một thứ gì đó. Để rời khu vườn, bà có thể ra theo hai lối: Đi qua nhà chúng tôi hoặc nhà chú Rémi. Lúc đó bà chỉ còn phải qua mỗi con phố là tới được nhà thờ – nơi mà từ lúc nghỉ hưu, bà toan chỉnh đốn lại mọi chuyện theo tinh thần dòng tu Clu-ni. Song do muốn chứng tỏ với chúng tôi rằng bà còn có những hoạt động khác, thành thử mỗi lần xuất hiện ở hành lang, bà đều thông báo lý do đi qua. Bà thò cái cổ gầy ngằng nhằng qua cửa nhà bếp tắt bật thông báo như một người đàn bà vội vã, với một giọng nhỏ nhẹ và rời rạc: “Bà đi mua bơ đây”, hoặc “Ông cha xứ cho vời bà”, hoặc “Nếu ai cần bà thì nói là bà ở nhà cô Untel nhé”. Thường thì chưa có ai trong nhà bếp. Chúng tôi nghe thấy từ trên tầng hai bà khe khẽ giao nhiệm vụ cho những chiếc bát nằm trên bàn ăn chờ chúng tôi ở bữa điểm tâm. Chẳng hề chi. Bà biết được những gì bà làm và bà nấp dưới sự che chở của Đức Chúa Trời, bởi vì sự ngự trị, sức mạnh và niềm vinh quang là chính thuộc về Người.

Do vậy đến tận tối, trước lúc đi ngủ bà còn làm cái việc tựa như cảnh tượng trong bức tranh minh họa con đường mà Chúa Jésus đeo thánh giá đã trải qua. Quỳ trên chiếc ghế cầu kinh bằng gỗ đã ngả màu đen, hai cánh tay mở ra, lòng bàn tay hướng lên trời trong tư thế của những con người có dấu thần trên thân thể với bàn tay bị những tia la-de xuyên thủng, bà vừa lần tràng hạt vừa rì rầm những lời cầu nguyện bất tận. Trên chiếc ghế cầu kinh người ta thấy rõ những dấu ấn chứng tỏ nó đã được sử dụng nhiều năm: Đệm đã bạc hết màu và sơn tới mức người ta cảm thấy được sự thô ráp của xơ sợi vải len pi cốt dưới đầu gối. Cái tỳ tay của ghế ở trong tình trạng khá nhất, vải nhung xanh bọc chỉ bạc đúng chỗ bà đặt cuốn sách kinh. Bởi vì bà không tỳ tay vào đây. Bà không cầu nguyện với hai bàn tay đỡ mặt như ở nhà thờ, ở đó hai cánh tay mở ra, một mình bà phải dùng tới ba chiếc ghế nếu không bà sẽ bọp tai người bên cạnh. Trong thâm tâm, đây có thể là một dấu hiệu buông thả, phóng túng rất không mấy xứng đáng với Đức Chúa. Người đã chịu biết bao đau khổ để bà và chúng sinh được cứu rỗi – những tội lỗi của chúng sinh là chính, chứ nếu chỉ vì những tội lỗi của bà thôi thì chắc chưa đủ để Người phải bị treo cổ trên cây thánh giá. Bà nghiêng đầu lệch sang một bên như bà vẫn quen làm mỗi khi ăn uống điệu bộ kiêu cách

hoặc khi chụp ảnh, thành thử ở tất cả những bức ảnh chụp hình bà, bà đều nghèo cái cổ quá dài, quá mảnh để có thể giữ cho đầu thẳng đứng, hình như bà cổ nhìn phía sau ông thợ chụp ảnh, cứ như thể giữ cho đầu thẳng đứng, hình như bà cổ nhìn phía sau ông thợ chụp ảnh, cứ như thể ông ta đứng giữa bà và một cái gì đó quan trọng, cứ như thể trong đêm tối của căn phòng – giáo đường của mình, bà cố né tránh lớp bóng tối để mong bắt được tia phản chiếu từ nguồn ánh sáng thánh thượng.

Mặc dù chẳng còn gì bắt buộc, trừ buổi lễ ở nhà thờ đầu tiên trong ba buổi lễ không hát mà bà tự ép đặt cho mình, bà vẫn tiếp tục thức dậy sớm. 50 năm lao động làm bà không thể nằm ườn trên giường. Đã thành nếp rồi. Ngày của bà do vậy càng dài hơn ra. Bà dùng thì giờ cho những cuộc chạy ngược chạy xuôi liên miên vì chúng cho bà cảm giác luôn hoạt động bận bịu, ngay cả nếu mọi người có biết rõ rằng những lý do viện dẫn cho những cuộc xuất hành của bà chủ yếu được sử dụng như là những phương cách giải trí khỏi nỗi buồn rầu xuất hiện muộn màng này.

Để tỏ ra là người không hay quấy rầy quá đáng, hoặc để tránh cái mà bà cho là những điều rất tế nhị nên khi đi mua bán về, bà không bao giờ đi trở lại lối cũ. Bà đến đứng trước chú Rémi đang cắm cúi trên bàn thợ, chiếc kính lúp của thợ đồng hồ gắn trên mắt, bà lắc lư miếng bo như một bằng chứng: “Cô đã mua được bơ đây này” (và chú Rémi hiểu là chú đã biết chuyện bà cô ra khỏi nhà là để tìm mua bơ), hoặc “cha xứ đi vắng” (và vì không muốn người ta tưởng tượng ra rằng cha xứ đã không giữ lời hứa với bà, bà vội vã kể lại việc cô hầu Anastasie đã phải chờ đợi bà như thế nào với lời xin lỗi của cha xứ, cha vừa được vời khản cấp đến chỗ bà gì đó để, than ôi, có thể đấy là buổi lễ cuối cùng trong đời bà ta). Và thế là chú Rémi, người mà qua lớp voan trắng Tesgal không có cái gì ở thị trấn có thể lọt khỏi mắt chú, lần này đã làm to, ngẩng đầu lên, chú tháo chiếc kính lúp khỏi mắt lo lắng hỏi: “Bà nào vậy?” Tốt hơn là không nên hỏi bởi vì một khi bà cô đã gợi ra chuyện thì sẽ không buông tha nó quá sớm: bà gì đó ở làng gì đấy trên con đường gì ấy, vợ của, con gái của – những lời giải thích xuất phát điểm quá xa xăm (ít nhất từ ba thế hệ đời sau với việc ra đời, cưới xin, hoàn cảnh, nguyên nhân chết), phá hệ có những chi nhánh rối rắm tới mức chú Rémi mệt mỏi, phải kiên nhẫn hàng nửa giờ đồng hồ trước khi hiểu ra được rằng đó là một cụ bà lộm khộm tới cả trăm tuổi. Rồi vừa nguyên rủa cái bà Gì đó, nguyên rủa cả bà cô và tất cả những gì vào hùa với

nhau làm chú mất thì giờ, chú Rémi lại tiếp tục công việc của mình, hoặc nữa, với giọng nói đanh thép, chú đưa ra lời phán quyết cục mịch và chắc nịch: “Cái cô Untel này thật đần độn.” Câu nói này, suy cho cùng, chẳng có gì làm ô danh cả.

Tất cả những lần đi đi về về dần dần làm cho đầu óc bà lẫn lộn. Bà nói đi mua bơ, song lại trở về nhà ông cha xứ, bà hành động như một người bận ngập đầu, bà gõ gõ vào trán như nhân vật chính trong vở bi kịch: “À vâng, bà quên, còn miếng bơ”, và bà lại tất tả ra đi, cổ rụt so so trên vai, bóng dáng nhỏ bé của bà in khắp thị trấn với những bước đi ngắn vội vã mà mọi người gọi bằng từ đáng yêu là chuột nhất. Một lần rõ ràng là chúng tôi đã nghe thấy bà nói bà đi đọc Thánh ca^[44], song lại thấy bà vội vã lao vào nhà vệ sinh trong sân. Nhờ vậy mà thành kỷ niệm, trong nhiều năm mỗi lần đi đại tiểu tiện thì chúng tôi lại nói đi đọc Thánh ca. Nhiều lần chúng tôi đã rung chuyển Thánh ca bằng những cố gắng về lòng thành kính chúa kiêu này, những cố gắng ấy được kết thúc ở trên gác trong thác nước của hệ thống dội nước. Nhưng rõ ràng là chẳng bao lâu nữa bà sẽ mất trí thôi. Cái vận hạn ngày 26 tháng 12 chỉ làm cho quá trình lão hoá và những triệu chứng già nua của bà nhanh mạnh thêm lên.

Trong thời gian năm ngày từ lúc cha tôi mất đến năm mới bà ở trong một trạng thái nhập đồng đứt đoạn hầu như bị kiệt lực hoàn toàn, chúng tôi bắt gặp bà lả đi trên ghế tựa, đầu cúi gập gần như gù về phía trước y như Đức Chúa Jésus của bà, hai bàn tay đan vào nhau đặt trên vạt váy đen nhàu nát chẳng ra hình thù gì, mũi bàn chân hơi chạm lướt mặt đất, dáng vẻ dờ dẩn cứ như thể cái kết cục phũ phàng của sự kiện đã gây ra sự rệu rã trong trường tư duy của bà. Đầu óc bà luôn quay cuồng với những câu hỏi mà không tìm được câu trả lời, nó lờn lên trước cái chết này, không chịu hoà nhập vào cái không thể tưởng tượng nổi. Sự suy sụp tách bà khỏi những người đang sống và rồi, do một thôi thúc nào đó, bà lại ra đi với những hoạt động bí mật, với một nghị lực phi thường. Bà nói rằng bà lo liệu tất cả, rằng những gì liên quan tới tang lễ bà thu xếp với ông cha xứ để chọn bài cầu kinh, nhạc, hoa và với Julien để lo về nghĩa địa. Chúng tôi có thể thanh thoi mà khóc, bà chịu trách nhiệm phần việc còn lại. Bà đi đi lại lại như một người máy, và rồi, khi hết dây cót, lại đổ mình xuống chiếc ghế tựa, ngây dại, mắt đỏ hoe hằn lên vì đau khổ và những đêm không ngủ, những lúc đó

bà nói năng cộc lốc bất nhã với Đức Chúa Trời, đề nghị với Người một giao kèo cồ lỗ nhất thế giới là đổi mạng bà cho đứa cháu trai mà hình như Đức chúa Trời đã làm lẩn về con người, định mệnh đã nhắm trật mục tiêu, chính bà mới là người cần nhắm vào, như vậy cần trở lại mà tìm bà, mà sửa chữa sự lẩn lẩn này, và không việc gì phải xấu hổ khi phải nói rằng Chúa cũng có khi lẩn. Đó ít nhất là những gì mà bà không ngớt nhắc đi nhắc lại với chúng tôi, nhưng cái thân thể to lớn đặt trong căn phòng trên gác hai mà mẹ con tôi canh suốt 60 giờ liền không nghỉ, vẫn luôn là cái xác chết cứng đờ, thậm chí về sau còn bốc ra một mùi khả nghi, cái mùi mà thoát tiên chúng tôi gán cho sự thay đổi thời tiết. Khi đổi sang hướng tây, những cơn gió mang theo những hơi khí thải hoá chất từ bờ sông Loire ngược lên vùng thượng Saint-Naraire: mùi hôi của các cây đèn lớn, của amôniắc, của lưu huỳnh, của SO₂, chúng làm bầu trời phía cửa sông ngả màu xanh và màu vàng hổ hách mà chúng tôi đinh ninh ấy là dấu hiệu trời sắp mưa. Nhưng cửa sổ phòng đóng kín, bít khe, không để những gì từ cái hơi lạnh mùa đông lọt vào. Và, sau khi xác minh, biết được bên ngoài không khí vẫn toát ra sự mát mẻ tinh khiết, sự sống đã cuốn gói ra đi thật rồi.

Giữa hai lần đi mua bán, bà Marie trèo lên gác xem bản giao kèo của bà thực hiện đến đâu rồi, xác minh xem có đúng là cha tôi không còn ngồi trong giường chờ đợi bà đến vực dậy không. Nhưng bà không thể tự lừa dối mình được nữa. Một cái gì đó đã tan vỡ: suốt đời bà đã thương lượng điều đình với các vị thánh – các vị cũng có tính người, nhạy cảm với những lời thăm hỏi, với lòng tôn kính và với những cuộc mặc cả. Do khôn khéo cư xử, bà chỉ có việc thu nhận từ phía các vị mà thôi. Song ở đây, mệnh lệnh dội từ phía trên cao quá – không thể mua chuộc, không thể với tới. Thành thử bà tiến lại gần, với bước chân lướt nhẹ, một chiếc ghế tựa trong số những chiếc dành cho người chăm sóc đặt xung quanh giường. Bà thận trọng ngồi xuống mép ghế, nhắm mắt lại và lần chuỗi tràng hạt giữa những ngón tay. Bà rì rầm cầu nguyện không ngớt – Tiếng rì rầm của bà làm nhức cả đầu, bắn cả nước bọt, gây nhiễu tạp, làm mẹ tôi phát cáu – chúng tôi thấy rõ như vậy – mẹ phải cố lắm mới không bắt bà đi ra chỗ khác mà cầu kinh, mặc dù ở những nơi khác cái nhìn đáng thương mỗi một cầu xin chắc cũng vẫn thế thôi. Chúng tôi để bà được một lần cuối cùng, như là một đặc ân sau cùng, yên thân bên cạnh cháu bà. Mặc những lời khuyên của mọi người trước bộ mặt tan nát của bà, bà vẫn không chịu đi nằm một chút, vì muốn phục dịch đến phút cuối cùng người cháu thân thiết của mình – nhất là bây

giờ khi mà sau cái mùi hôi, có lời xì xầm đáng lo ngại nói cần phải nhanh
nhanh đẩy nắp quan tài, có nghĩa là lúc nắp áo quan đóng lại, người cháu
của bà sẽ ra đi vĩnh viễn.

Chú Rémi là người đầu tiên tỏ ra lo lắng. Chú rình ông cha xứ Bideau qua tấm ri-đô và gọi giật giọng khi thấy cha đi vào nhà thờ. Vị cha xứ khẳng định buổi sáng không hề có công chuyện gì với bà Marie cả. “Cái ông Bideau ngu ngốc này – theo chú Rémi – chẳng thấy gì bất bình thường ở đây ư, khi mà bà Marie luôn bám riết lấy ông”. Chú Rémi là người chơi đàn ống chính thức và duy nhất trong vùng. Chú tự an ủi cho những lần phục vụ không công dành cho nhà thờ bằng thói đoạn đôi chống giáo quyền – một cuộc chạy marathon hàng tuần: 3 buổi cầu kinh thường kỳ cộng với những buổi kinh chiều tối, chủ nhật; mỗi sáng hàng tuần có kinh nhật tụng lúc 7 giờ, thêm vào đó còn có những buổi lễ cầu kinh cho người sống và người chết. Bài hành khúc lễ cưới do chú sáng tác rất nổi tiếng, được nhiều người yêu cầu. Chú hơi phật lòng khi những cặp vợ chồng trẻ lại thích bài hành khúc của Mendelssohn, mà chú cho là khoa trương, hơn bài của chú. Nếu ai đó muốn chú đảm nhiệm cho phần nhạc của một buổi kinh nhật tụng mà chú không có hợp đồng, thì chỉ cần nài nỉ một chút là không bao giờ chú có thể từ chối. Chú tự trách mình về chuyện này và thông báo rằng, lần tới, khi cha Bideau và các tu sỹ hầu lễ của cha đi qua cửa hiệu của chú thì họ sẽ phải ngã chổng gọng. Thế nhưng, lần tới mọi người đều nghe thấy: “Cám ơn ông Rémi, chúng tôi biết là có thể trông cậy vào ông.”

Việc bà cô Marie đến trưa rồi mà vẫn không đi ra phố đã khiến chú Rémi khá lo lắng. Chú muốn giải bày với mẹ tôi điều này, song không biết phải bắt chuyện với bà ra sao. Nói với bà như nói với những người vừa cầm vừa điếc, phải đến gần sát sạt mà nói. Chú hỏi chúng tôi sức khỏe mẹ ra sao, và mẹ thì đứng cách đấy 2 mét, như kẻ đi đày, rất xa xôi. Bà đã mất nhiều năm để tái hoà nhập với thế giới của những người sống.

Thế là Rémi phải tự quyết định, bắt chấp tất cả, với sự chi viện của mẹ chú. Theo thói quen, chúng tôi ở trong bếp – căn phòng duy nhất thực sự có hơi ấm trong mùa đông. Ở đây, ngoài ăn uống, chúng tôi còn chơi đàn, cãi lộn, làm bài tập – hoặc chẳng làm gì cả, và thường thì như vậy. Khi thấy cả bốn chúng tôi thu mình trong nỗi đau vừa xảy ra, bà Mathilde tỏ ra rất thông cảm đến mức chúng tôi hiểu rằng nỗi đau đớn này còn khủng khiếp hơn cả chúng tôi tưởng tượng. Chú Rémi xin lỗi vì đã đến quấy rầy chúng tôi, hỏi nhanh về những tin tức, bỏ qua câu trả lời mà từ đó đi đến lý do chú đến thăm: Sáng nay các cháu có nhìn thấy bà Marie không? Nay, bà không

đi qua đây, thật đấy. Các cháu không thấy chuyện này đáng lo ngại sao? Đúng, hiển nhiên là đáng ngại rồi, song chúng tôi không còn biết thật rõ là phải lo lắng ra sao. Bởi vì bà Marie, trong trò chơi ú tim quen thuộc, luôn luôn hết sức điệu bộ để xuất hiện đúng lúc mà chúng tôi báo động về sự biến mất của bà. Tuy nhiên chú Rémi muốn biết rõ đích xác và do chúng tôi không phản ứng gì, chú đề nghị đi thám thính ngôi nhà nhỏ bị cây hoàng dương trong vườn che khuất một nửa. Đoàn thám hiểm lên đường theo lối giữa các khóm cây hồng mà những cành héo quăn vào nhau trên vòm giàn, dẫn đầu là chú Rémi, bước chân nhún nhảy, theo sau là bà Mathilde và mẹ tôi, cả hai đều mặc đồ đen, và sau đó, chẳng mấy chốc chú chó săn Pyrrhus búống bình cũng nhảy vào đoàn viễn chinh. Chú Rémi phỏng đoán có thể có nguy hiểm nên yêu cầu bọn trẻ con chúng tôi đi tụt lại phía sau. Đến trước ngôi nhà nhỏ, chú cố ghé mắt nhìn qua cửa sổ, nhưng những tấm ri đô kéo che kín, từ đó chú suy ra rằng bà cô đang ở bên trong. Bất chợt, chú khuyên chúng tôi quay về nhà, song không ai nhúc nhích và mẹ cũng chẳng nói gì, nên chú khuyên chúng tôi đứng ra xa. Cửa nhà vẫn đóng im ỉm. Cần phải đập vỡ miếng kính chỗ ngang núm cửa. Bà Mathilde cúi xuống nhặt một viên đá đưa cho anh con trai, song chú Rémi tính hay tởm mẩn theo thói quen của người thợ chữa đồng hồ. Chả là bà Mathilde thuộc nhóm người phụ việc mà lại. Để khỏi vướng víu, chú Rémi ném viên đá ra xa. Con Pyrrhus hiếm khi hiểu được những gì người ta chờ đợi nó, co cẳng chạy vút đi, dùng mõm nhặt viên đá về. Giờ đâu phải lúc nô đùa, nên nó bị một cái đá vào mõm. Khi bà Mathilde, 70 tuổi, quay lại, thở hổn hển do phải chạy tìm dao, chú Rémi hiểu ra rằng chú lại phải mất thêm thì giờ đi tìm dao, bởi vì bà Mathilde nói không có con dao cắt kính trong ngăn kéo phía trên cao, bên trái. Chú Rémi muốn biết ai đã không để nó đúng chỗ nên có ý tìm kiếm thủ phạm trong ba kẻ tình nghi: bà mẹ, chú và con chó. Phía bên trong cửa kính, chấn tràm kín tận cằm, bà Marie đang ngấm nhìn bầu trời sau hàng mi khép kín. “Con đã sẵn sàng đây, lạy Chúa. Nếu Người muốn. Hãy cử các thần đến mang con đi với Người, thưa Đấng Tối cao. Nhưng con nghe thấy cái gì ấy nhỉ? Có phải các vị sứ giả của Người đã đến đấy không? Cái tiếng kèn kệt trên kính, tiếp theo là tiếng lách cách khô và vỡ ấy? Các vị, những người chuyên cướp đi những linh hồn báng bổ, đã bẻ khoá cửa xông vào từ khi nào vậy?” Chú Rémi, bị đứt tay vì phải luồn tay vào vạy nắm đầm chốt cửa khế chữi thề. Sau khi chú mở được cửa sổ – điều này chúng tôi rất tán phục – chú ngồi trên mép cửa, dùng móng dít làm điểm tựa để xoay người, hai tay túm căng chân ôm yếu nhét qua khung cửa và

khi lọt sang phía bên kia, chân chú lại vướng vào tấm rèm ri đô, và ban mai lợi dụng cửa mở lọt vào trên giường, chú như gặp một ảo giác: Bà Mathilde, tai dán sát trên bộ ngực lép kẹp của bà Marie, theo dõi rất kỹ lưỡng theo kiểu người Ấn Độ hơi thở cuối cùng của sự sống. “Mẹ vào lối nào vậy?” - “Im nào”, bà Mathilde nói - “Cô ấy chết rồi à?” chú Rémi hỏi - “Vào qua lối cửa chính”, bà mẹ trả lời – Câu trả lời chậm lại này, suy ra là trái tim của bà Marie vẫn còn đập. Cánh cửa ra vào đặt đúng hướng tây (mặt trời lặn soi rõ bữa ăn chiều đạm bạc của bà cô già cô đơn), gỗ phòng rộp vì những cơn mưa mùa đông nên luôn luôn phải xô đẩy mới mở ra được. Cứ xem bà Marie thường vẫn tỳ người vào mở cửa ra sao thì rõ. Thật đáng sợ khi nghe thấy xương cốt bà kêu răng rắc. Song, nhờ kinh nghiệm thực hành lâu năm, bà hưởng được sức lực vào đúng điểm và tỏ ra khá tự hào về tài năng của mình. Vả lại, không bao giờ bà đóng cửa ra vào, trừ những đêm giông bão, khi bầu trời vỡ tan ra thành những mảnh vụn trên biển Đại Tây Dương. Lúc đó thì cả lời cầu nguyện lẫn lời cầu xin Đức mẹ đồng trinh Biển cả phù hộ đều không làm tiêu tan được nỗi sợ hãi của bà: bà vận một vòng ổ khoá để trấn an. Mắt nhắm nghiền, không đeo kính gọng kim loại mạ vàng, tóc bạc trắng bết lại dưới chiếc mũ lưới ngủ, trông bà lúc này như một người khác, gần như xa lạ, cứ như thể đêm qua người ta đã bày trò đánh tráo – bà cô Marie của chúng tôi là người không thể chết (làm sao bà có thể chết với cái tuổi không tuổi này và bà lại được các Đấng Tối

Cao che chở?) sau giấc ngủ cuối cùng như Đức Mẹ Đồng Trinh ^[45], bị đánh tráo bằng một thi thể tầm thường có những nét hao hao giống. Đây không phải là bà cô mà chúng tôi quen biết bà vốn là một người nhanh nhẹn hoạt bát, bận rộn với đôi mắt tinh ranh và với ngôn từ bồ bã cơ. Bà cô của chúng tôi làm sao có điểm chung với cái con người bất động và im lặng kia? Bà làm sao có thể giống với vẻ xanh xao trắng như ngà kia, vì do cứ thoăn thoắt đi lại trong gió tây đôi má mát mẻ của bà đã bị sùi đỏ như vải gai thô cơ mà? Con Pyrrhus trèo vào qua cửa sổ như người chủ của nó, nhảy lên giường. Bà Marie bật nảy người lên như lò xo, đến mức chúng tôi đã chột tướng bà tỉnh lại, sững sốt do thấy mọi người vây quanh bà, nhưng rồi bà lại đổ người xuống, đầu đè ngang chiếc gối. Cái mũ ngủ bằng lưới tụt xuống che chụp mắt bà, bà Mathilde nhẹ nhàng khéo léo sửa lại cho ngay ngắn. “Muốn hử?” chú Rémi rít khê, tay giơ lên dọa chú chó to xù lông đỏ hung ư ử nằm ẹp xuống tấm thảm dưới chân giường. Nó vẫn không hiểu. Nó muốn, như thói quen, làm vui lòng bà Marie bằng những cử chỉ âu yếm bông bột, những biểu hiện khiến bà Marie phát sững sốt, kính bị xiên xẹo cả đi.

Chúng tôi đưa bà giáo già đi cấp cứu ở một bệnh viện gần nhất. Chú Rémi qui tội cho cái lò sưởi than. Chú nói là khi bước vào trong ngôi nhà nhỏ đã ngửi thấy một mùi khác lạ, không phải là mùi thức ăn mà bà cô Marie vẫn nấu nướng. Cả ông bác sỹ Maubrilland khi vừa mới đến đã lập tức được mời hít ngửi. Trước đây, người ta không bao giờ lại dám cho phép dẫn dắt ông bác sỹ vào một con đường tầm thường như vậy, nhưng, sau cái chết của cha, sự linh thiêng huyền thoại về khám bệnh của ông ta đã tan tành mây khói. Trước đây, mỗi khi ông đưa ra lời phán xét là với sự đảm bảo chắc nịch và quả quyết. Từ nay đứng trước chúng tôi, có lẽ ông ta sẽ phải dùng một giọng khiêm nhường hơn: chẳng gì thì chúng tôi vẫn có thể đọc được trong cuốn nhật ký của cha những buổi hẹn mát-xa vào thời gian sau ngày cha chết. Ông bác sỹ đã khuyên chữa bằng vật lý trị liệu như là liều thuốc cho những cơn đau lưng kinh khủng của cha. Không còn chuyện phó thác mù quáng vào lời phán xét của ông ta nữa. Chính vì vậy, cả bảy chúng tôi có mặt ở đây, mũi héch lên trời là cố để phát hiện loại xạ khí chết người đang làm tắt thở chúng tôi có vẻ choáng váng. Chúng tôi lần lượt nâng nắp lò sưởi để bổ sung thêm thông tin. Nhưng chẳng thấy gì có sức thuyết phục cả (vả lại, ô-xít các-bon không có mùi) và bằng một lối thoát theo kiểu Zola – một tác giả ở thư mục sách cấm – có lẽ không hoàn toàn hợp với bà cô của chúng tôi.

Khi bà cô Marie mở mắt lại, nhà thương kết luận bà đã khỏi bệnh và trả bà về cho chúng tôi.

Con người ta, sau khi qua đời, sẽ phục sinh mang trên mình một cơ thể hoàn toàn mới mẻ, giống như những kẻ non choẹt, cử chỉ lóng ngóng như người đi mượn. Chúng tôi biết được điều này từ bà cô Marie, từ tư thế khác thường của bà khi đợi chúng tôi trong căn buồng trên gác hai trông ra phố mà mẹ đã thu xếp cho bà sau khi từ bệnh viện trở về. Một tay bà tì vào thành giường như Talleyard^[46] lúc đã chán ngấy mọi thứ, dường như bám vào thì ít mà tìm kiếm một tư thế, một đường cong mới trong không gian thì nhiều. Trong đường cong đó đặt nội tiếp cái lưng cong, đôi chân và đôi tay khẳng khiu, cái tư thế đầu ngoẹo của bà. Bà bối rối vì đã chơi chúng tôi một vở, như muốn xin lỗi vì đã vờ ra khỏi nhà, nhìn chòng chọc vào mặt chúng tôi, ghé sát sát như những người đã mất cảm giác khiến người ta phát hoảng. Cảm nhận trên của chúng tôi được khẳng định khi thấy bà đứng bất động: đây đâu phải là bà cô của chúng tôi, dưới mắt chúng tôi cái phân để nhận dạng đã bị mờ nhạt, tẩy rửa trong bóng tối chập chờn – và, trước bà cô lạ lẫm này, chúng tôi, vâng, đúng vậy, giống như những kẻ vô tri vô giác.

Không hiểu thánh Jean^[47] nói gì về sự tái hiện của Đức Chúa Jésus vào cái buổi sáng đầy ảo giác ấy, lúc mà công việc cứu rỗi chúng sinh đang vấp phải trở ngại? Thánh Jean sẽ nói gì về việc Thánh Marie-Madelaine^[48] sáng ra chạy tới ngôi mộ và thấy nó trống rỗng? - Thánh Marie, kẻ sùng chúa Jésus cuồng nhiệt, dùng cả loại nước hoa đắt tiền vùng Galilée^[49] để rảy lên đôi chân Đức Chúa cao cả bằng cách phủ mái tóc có xúc dầu thánh của mình lên đó khi Đức Chúa bách bộ đến thuyết giáo. Thánh Marie-Madelaine hỏi người chết đã được chôn ở đâu, bởi vì thánh muốn mang nó đi, bảo đảm cho nó thoát khỏi cái chết bằng tình yêu vĩnh cửu của thánh. Thánh Marie-Madelaine chẳng phàn nàn là người ta đã đánh lừa thánh về việc phục sinh. Thánh không tỏ ra xúc phạm cũng chẳng cứ khư khư với niềm hy vọng ân xá. Thánh điều cốt những lời dị nghị làm các tông đồ nản lòng. Đối với thánh, chỉ thể hiện tình yêu cũng là đủ rồi và thánh sẽ còn thể hiện tình yêu này cho đến tận cuối đời. Và Đức Chúa, Người đã thấu hiểu, nên sử dụng – chính xác là lần đầu tiên – một từ âu yếm: “Marieam”, Người chỉ nói đơn giản vậy, và thánh Marie ngoái đầu đáp lại: “Mon rabbi”, tiếng do thái có nghĩa là vị chúa tể của con, cũng có nghĩa là người đàn ông của em, con người tất cả của em, nổi cô đơn của em, bởi vì Đức ngài là người

duy nhất chặn lại được nó sau khi, trước Người, tất cả những kẻ đàn ông khác lèn lấn nhau chặt ních trên giường thánh mà vẫn không chặn lại nổi. Và bây giờ, hãy thử giao kích bản này cho một nhà đạo diễn và xem những gì ông ta sẽ làm (lạy chúa, hãy tha thứ cho họ, bởi vì họ không hiểu được những gì họ làm) “ông ta sẽ xô người nọ vào người kia, rồi tỉnh rồi mù, yêu cầu họ ôm ghì xoắn tít lấy nhau thật hăng say trong niềm vui tái ngộ, và cả Đức Chúa Jêsus lẫn thánh Marie-Madeline cũng như ông đạo diễn có lẽ đều đã không hiểu nổi cái từ Phục sinh tinh tế. “Các con hãy ôm hôn bà Marie đi”!, mẹ nói với chúng tôi.

Chúng tôi không dám – không muốn đụng vào cái phế quản bị khói lò sưởi làm thương tổn của bà, không muốn tin vào người bà hiện hồn trở về này. Hơn nữa, bà chưa bao giờ biết ôm hôn: bà áp chiếc má khô lên gò má mà người ta vội chìa ra thật nhanh như sự lướt qua của tĩnh điện – bà chút chút đôi môi vào khoảng không và điều này rất có giá đối với một cử chỉ bày tỏ âu yếm. Không bao giờ bà bế ẵm hay vuốt ve ai cả, chẳng bao giờ bà ôm ghì ai, với Đức Chúa Jêsus của bà, người mà ôm ghì trong vòng tay giang ra cũng không, không cả với những đứa trẻ mà bà túm lơ lửng như một khúc củi trên thành gác trong lò. Có một bức ảnh chụp bà trong sân đang giơ cao bé Nine hai tháng tuổi trên cánh tay đưa cao ngang mặt như nhà vô địch nâng cao chiếc cúp. Bé Nine được xoay về phía ông thợ ảnh – là cha, dĩ nhiên – và bà thì e thẹn như gái về nhà chồng nấp sau bé.

Tình cảm khô khan như vậy thì làm sao gây được mối rung cảm. Chúng tôi lần lượt từng người tiến lại gần bà. Bà rời tay khỏi thành giường đặt lên vai chúng tôi. Cách thức ôm ghì này – bà không thể làm tốt hơn – đó là điều mới lạ chưa từng thấy đối với bà. Chúng tôi cảm thấy bà muốn đánh dấu sự kiện trở về không chắc chắn này, bằng một cử chỉ thừa. Suốt đời nhỏ bé, những ngày ở bệnh viện càng làm cho bà nhỏ bé hơn, tưởng như bà đã bắt đầu sự co lại bên trong.

Những cái ôm hôn kiểu này đặt ra vấn đề cho những ai đeo kính. Họ phải lo sao lẩn tránh khuôn mặt thật khéo léo, sao cho giữ khoảng cách đủ rộng để gọng kính không tụt rơi. Bà cô của chúng tôi lo tránh sự cố – và cả lời bình phẩm bà hay thốt ra theo thói quen – bà không thích thú với tiếp xúc xác thịt, khiến mỗi lần ôm hôn bà đều phải thao tác luồn vòng ra phía sau nhiều hơn là cần thiết làm cho chúng tôi ôm hôn vào cái núm gấn trong

tai bà. Đồ trang sức này không phải là đồ trang điểm: thời bà co tục khâu tai các bé gái mà không cần hỏi ý kiến chúng, không hơn gì đối với những kẻ bị xẻo tai. Mũi kim mạ vàng khâu tai sau vài tuần, với cái giá làm máu chảy ròng ròng, cắm sâu trong tai cho tới lúc chết. Một kiểu lễ nghi bộ lạc khiến bà cô rành rành là người thiên chúa giáo của chúng tôi thành một nàng công chúa quê mùa. Chúng tôi chào cáo biệt bà với cái cảm giác lạnh lạnh của thứ kim loại đó trên môi (“Lạy chúa, họ đã quên cái đinh trong vết thương của Người” Thomas nói).

Sau đó, bà Marie trở nên mất trí. Lúc đầu chúng tôi cũng chẳng tỏ ra lo lắng gì cả. Khi bà hỏi Joseph đâu, nếu tính đến tuổi già cộng với nạn động đất ập đến với chúng tôi ở ngoài vòng địa chấn, chúng tôi chấp nhận kiểu đãng trí này hoàn toàn chính đáng. Ngay cả khi xác chết đã đặt trước mũi, cái chết vẫn không bị xoá sạch. Tôi nhớ đã có lần, vào một tối chủ nhật khi đang xem vô tuyến ở nhà chú Rémi, tôi đã vội đứng vụt dậy chạy đi báo cho cha về kết quả một trận đấu mà ông từng quan tâm. Khi bừng tỉnh lại thì tôi cũng đã đặt tay trên nắm đấm cửa ra vào. Như vậy chúng tôi giải thích với bà Marie rằng cha đang đi kinh lý và rằng những công việc ngày càng kéo ông đi xa nhưng ông cũng trở về rồi. Bà giả vờ nghe theo những lập luận của chúng tôi. Rồi sau một lúc hành xác, bà lại tiếp tục hỏi về cha. Bà thấy rõ có cái gì đó không ổn.

Chúng tôi thoả thuận là bà cô Marie sẽ sớm tới sống ở nhà chú Rémi sau khi chú hoàn tất việc dọn dẹp một căn phòng. Bà sẽ không trở lại căn nhà nhỏ cùng với chiếc lò sưởi chết tiệt của bà nữa. Ở nhà chúng tôi cũng không được vì mẹ không đủ sức trông nom bà. Chúng tôi phải tìm kiếm ở nhà bà những đồ vật thân thuộc của bà đem để ở nhà chú Rémi để bà đỡ cảm thấy lạ nước lạ cái hơn. Đó là cây thánh giá, những khung ảnh nhà thờ Lourdes và Lisieux, chiếc hộp gỗ nhỏ đựng những phiếu ghi chép hàng ngày của bà, cộng với vài thứ đồ mỹ nghệ và một mớ phù hiệu thánh đặt vào trong tủ và dưới gối cho bà. Trước tiên bà quả quyết rằng cây thánh giá không phải của bà, cây thánh giá của bà đã bị người ta đánh cắp và bà sẽ phàn nàn với chú Joseph về chuyện này ngay sau khi ông trở về. Chú Rémi có sức chứng minh ngược lại, song trước lý lẽ bướng bỉnh của bà, chú đành chỉ biết giơ tay lên trời, chán nản và tuyên bố xin thôi nhiệm vụ này. Bà Mathilde bảo chú trở về với bàn chữa đồng hồ của chú và bình tĩnh thay thế chú. Thực vậy, cây thánh giá đã bị đánh cắp, nhưng tên kẻ cắp hãy coi chừng, bởi khi

Joseph trở về sẽ tóm cổ hắn. Bà Marie nói rằng bà biết đích xác điều này và rằng bà không điên trong khi chờ đợi, bà không thích cây thánh giá mới. Bà Mathilde hiểu rằng cô em chồng không thể ngủ cùng với một kẻ xa lạ thoát y nửa người, nên nhét cây thánh giá vào ngăn kéo tủ.

Con Pyrrhus mừng rỡ vì được gặp lại người bạn già của nó. Cả ngày nó ở trong phòng, nằm phủ phục trên chiếc giường, thỉnh thoảng mới nhảy xuống chạy loăng quăng qua chỗ chú Rémi ở cửa hiệu, đón nhận vài cái vuốt ve thân mật, đôi khi cũng được bà Mathilde vuốt ve, và khi thấy mọi việc đều ổn nó lại trèo lên gác về chỗ nằm cũ của mình. Nó tỏ ra khá thấm nhuần vai trò của nó, rất có trách nhiệm đến mức chỉ cần ai đó nói “con Pyrrhus đang ở chỗ bà Marie” là mọi người hết phải băn khoăn.

Bà cô Marie luôn miệng hỏi về Joseph. Mọi người đều trả lời như nhau: ông đang đi kinh lý, ông gặp bất trắc, không lâu nữa ông sẽ trở về, vì chán nản, chúng tôi suýt đã thú nhận tất cả. Dần dà chúng tôi nhận ra có sự hiểu lầm to. Ở những điều huyền thuyên trong những câu nói của bà, bà muốn tới gặp ông, yêu cầu đưa bà tới Tours – và cả chuyện về nước Bỉ nữa chứ. Nói đến Tours thì đúng rồi, sông Loire thì cũng tạm khiến cưỡng chấp nhận, vì ở đây có Orléans, Beaugency^[50], như phần kéo dài lê thê tới miền đất cửa sông. Nhưng tại sao lại nói đến nước Bỉ ở đây cơ chứ? À mà phải rồi, có lần cha đã thử tham gia nhất thời ở bên Bruxelles, hồi mà cha đề nghị đưa những bức ảnh có tính giáo dục vào các trường tự do (do chẳng mấy thành công nên vẫn còn cả một đồng tranh lù lù để trong nhà kho ở vườn, toàn bộ tập cựu ước 30 bản khắc màu) nhưng có nhiều năm cha chỉ dành cho bát đĩa và vùng Bretagne. Chúng tôi phải công nhận thói gàn dở của bà ghi chép những câu chuyện trong các cuộc trưng bày tác phẩm rộng lớn là có lý, như thể đây là cách thức chắc chắn nhất để bà được gặp lại cha còn sống, lùi lại điểm xuất phát từ phía sau, đảo ngược lại dòng đời của bà từ điểm số 0, lắp ráp lại thời gian như lắp ráp lại những gì đã được tháo dỡ. Chúng tôi công nhận rằng bà đã hoà trộn tất cả với nhau, và giờ đây, với một nghệ thuật điều luyện – nếu có thể nói -, nhưng đầu óc bà đã ngấm sâu cái lý thuyết về không gian – thời gian tương đối nên không thể theo dõi được câu chuyện của bà. Tuy nhiên bà nhấn mạnh: Joseph bị thương. Dường như bà bị các ảo giác ám ảnh, hay là bà nhận được qua kênh đồng cốt tiếng gọi của cha đang gặp nạn, có thể đang bị bỏ rơi không ai giúp đỡ

ven rìa đường, đang hấp hối trong khung chiếc xe con bị nghiền nát của ông. Chúng tôi phải tự trấn an với ý nghĩ hể nơi nào cha đến thì không thể có gì có thể xảy ra với ông.

Chính bà Mathilde đã tháo gỡ cho những suy nghĩ rối tung rối mù của người tòng phạm già của bà. Bà lần lượt rút từng sợi chỉ và kết cấu lại dàn ý cho trí nhớ của bà Marie. Mọi chuyện thế là xong. Bà Marie chỉ mất trí để mà tìm lại nó hoàn hảo hơn. Sự nhầm lẫn không phải từ phía bà mà từ phía chúng tôi, từ sự cảm nhận của chúng tôi về ảo ảnh của bà. Cái nút vấn đề là tất cả do nỗi đau của chúng tôi, chúng tôi đã nghĩ như thể cha là ông Joseph duy nhất đã chết kể từ khi khai thiên lập địa ra vũ trụ này, có nghĩa là từ thời điểm mà đầu óc chúng tôi có thể biết tới. Đối với bà Marie, ông còn là người thứ hai: Joseph bị thương ở Bỉ, được chuyển về Tours và chết ở đó lúc 21 tuổi, ngày 26 tháng 5 năm 1916^[51].

Từ sau đó, chúng tôi để mặc bà nhón nhor theo trí nhớ cô lỗ của bà. Một khi nguyên tắc đã được xác lập, chúng tôi hầu như có thể nối lại cuộc thoại. Thật lạ lùng khi nghe chú Rémi hỏi bà về những tin tức ngoài mặt trận và bà nhìn chú với vẻ suy nghĩ: đầu óc cái thằng đáng thương này hoàn toàn gàn gở rồi. Những điều bà nói có thể coi là một sự lang thang theo dòng những kỷ niệm. Chúng tôi khá khó khăn để thông hiểu được bà, bởi vì bà không gọi lại quá khứ theo mạch liên tục. Chúng tôi nghĩ là bà bị ám ảnh bởi cái âm hưởng ảo não của phố Verdun, nhưng bà lại ở với chúng tôi và khóc thương cái chết của cha. Chúng tôi mừng với điều tốt lành hơn này – với nỗi đau mà chúng tôi cùng chia sẻ với bà và bà lại khóc những người thân đã khuất:

Joseph và Emile^[52], cả hai hy sinh ngoài mặt trận, cách nhau một năm và sau đó là cô em gái Eulalie – bà Mathilde giải thích cho chúng tôi biết cô ấy chết sau Emile một năm do bệnh dịch cúm từ Tây Ban Nha tràn tới, - Cuối cùng bà khóc Pierre, một thần đồng của năm Mười bốn^[53], người em trai sau cùng của bà, chết vì không chịu đựng nổi sự qua đời của người vợ Aline. Về ông Emile, bà là người đầu tiên gọi lại chuyện du hành của Pierre tới Commercy, với những lời nguyên rủa: “Một cuộc mai táng vội vã, như một diễn viên hài kịch”. Đoạn này, bà Mathilde tỏ ra kín đáo hơn nhiều và

có vẻ không nắm rõ. Bà thú nhận rằng về điểm cụ thể này, bà Marie có thể làm nhằm một cách đầy đủ. Nhưng ngược lại, về phần mình, chúng tôi bắt đầu xem bà đại loại như một bà cô bói toán mà từ miệng cô chỉ có thể phát ra những chân lý. Bà là bã cà phê^[54] hiệu nghiệm chúa sùng của chúng tôi giúp biết được quá khứ. Đơn giản là những giải đáp cho các câu hỏi của chúng tôi nêu ra một cách lộn xộn, và cuối cùng vấp phải cái vùng Combecy thần bí, giống như trong cái trò chơi ghép hình chúng tôi rơi vào tình cảnh có một miếng gỗ ghép hình thừa. Cứ như vậy thi thoảng bà lại lược từ trước ra sau, lôi tuốt chuyện từ thời cổ lai hy ra kể vanh vách, rồi lại thu mình lại. Đây là một lối thoát Giăng-xen. Suy cho cùng có thể đầu óc cuồng nhiệt của Pascal^[55] cũng đã lôi cuốn cả ông vào một vài trò hề khiến gia đình Périer phải cười như nắc nẻ, nhưng người cháu gái từ bi đã rất đúng khi không phổ biến những trò hề này. Có lẽ người ta chỉ nhớ được mỗi đoạn về chuyện bắt đưa bé già thần đồng^[56] phải câm họng, trong không gian vô tận và trong im lặng vĩnh hằng. Và do vậy, trước câu pha trò của bà Marie, chúng tôi không biết nên cười hay mỉa. Từ những chuyện nhỏ nhất vô thưởng vô phạt như lần đầu trong đời thử dùng môi son lấy từ quầy hàng mỹ phẩm của bà Mathilde, hoặc nói rằng cha xứ Bideau đã câu thân với bà, hoặc nữa đòi một điều thuốc lá và, đáng nhẽ châm lửa hút (điều mà bà hoàn toàn không thể) thì lại giắt vào tai như ông bán hàng rong rau quả với cây bút chì.

Bà cũng thường xuyên đòi chúng tôi đưa bà trở về nhà mẹ bà. Trở hết các ngón ngoại giao, chúng tôi vẫn hoài công để giải thích rằng cụ ấy không thể đón tiếp bà mà vẫn không muốn nghe gì sất, và vì không ai muốn làm phúc đi kèm bà, bà đi một mình. Bà mặc áo măng tô, hấp tấp đội mũ. Không ai có thể giữ bà lại. Bà đi lang thang giữa thị trấn như một bà già lạc đường, thậm chí không đáp lại cả câu chào của những người qua đường mà nhìn chăm chăm vào mặt họ như những người kỳ lạ, dẩu mắt né tránh mỗi khi họ hỏi chuyện. Thế là chú Rémi lấy xe, đuổi kịp bà và họ cùng trở về trong im lặng, chậm rãi cứ như đang tìm kiếm một địa chỉ. Theo đầu óc bướng bỉnh của bà có thì họ đã hai, ba lần đi qua quảng trường. Lúc về trước nhà, chú Rémi nói là đã tới rồi và bà tỏ ra an tâm. Một vài lần khác, dường như bừng tỉnh lại, bà thở dài thốt ra “Ừ nhỉ” và đổ sụp xuống. Song những suy nghĩ ngông cuồng lại xâm chiếm bà: hãy dẫn bà trở lại nhà mẹ

bà, không ai tưởng tượng mẹ bà sẽ khủng khiếp như thế nào khi bà đến bàn ăn chậm.

Lần cuối cùng, bà cô Marie ăn tối cùng với chú Rémi và bà Mathilde, chú chó Pyrrhus nằm phủ phục dưới chân bà. Bây giờ thì các bữa ăn luôn mang dáng dấp của một vở diễn ngẫu hứng. Bà Marie chẳng bao giờ thiếu trò, bà ứng tác chơi trò ảo thuật với chiếc cùi đĩa, đặt cái ga men dành cho con Pyrrhus vào trong đĩa của bà, nhắc lại rằng mẹ bà sẽ không hài lòng hoặc tức giận nếu bà ăn miếng pho mát mà theo bà đã bị tẩm thuốc độc. Tối đó, bà cầm chiếc khăn ăn nhúng ngập sâu trong bát súp rồi phủ lên chiếc ti vi đang mở. Sau một thoáng kinh ngạc, thường xuất hiện sau mỗi phát minh mới của bà, chú Rémi sợ chiếc ti vi mới tinh của chú bị đập mạch, vội vàng nhảy tới chiếc công tắc đặt phía trên bồn rửa bát và ngắt điện. Tức thì trong bóng đêm có tiếng động như một vật gì đó đổ ngã khe khẽ và tiếng chó sủa. Bà Mathilde mò mẫn tìm ngọn nến, thắp lên, và trong ánh sáng xanh yếu ớt chập chờn, hiện ra một bức tranh thế kỷ: bà Marie ngã quỵ trong chiếc ghế bành bằng liễu giỗ, hốt hoảng, đầu đội mớ quần áo ướt nhỏ giọt xuống mặt và mắt kính, đây đúng là Đức Mẹ đang đau khổ đầu đội những cọng rau loa xoà. Chú chó Pyrrhus to lớn lông đỏ hung đang đứng chồm hai chân lên người bà, liếm láp những cọng rau trên đầu bà một cách âu yếm.

Chúng tôi đưa bà Marie tới bệnh viện “Cầu nối-của-tình thương – như chúng tôi đã nói trước khi xảy ra đoạn kết kỳ cục này-nơi của những người điên.

Khi các sự kiện bắt đầu không ổn đối với bà cô Marie, lo ngại một nỗi đau mới nữa cho con gái mình (cha chúng tôi qua đời chưa đầy 2 tháng), ông bà ngoại đề nghị sẽ đến ở nhà chúng tôi để giúp đỡ mẹ trong cơn khốn đốn. Mẹ không dám từ chối. Ông bà chất chiếc va li to tướng lên chiếc 2 CV và bắt đầu cuộc viễn chinh phi thường từ Riancé đến Random: 80km đường cấp hai qua một vùng quê đâu đâu cũng giống hệt nhau với những cánh đồng bằng phẳng thẳng băng, hàng rào được cắt tỉa khéo léo, cây cối thẳng tắp, những thị trấn không có gì đặc sắc, những nhà thờ không theo một lối kiến trúc nào, những ngôi nhà không kiểu cách, những con người không rõ nguồn gốc. Suốt chặng đường, bà ngoại đắm mình trong những suy nghĩ sâu kín của những bà vợ tuyệt vời vùng hạ sông Loire.

Việc ông bà đến ở nhà chúng tôi thật là món trời cho đến bất ngờ, dù rằng nó chả to tát gì cho lắm. Ông bà vừa tới nơi, lập tức chúng tôi vội vã giúp tháo gỡ đồ đạc. Zizou, cô em gái chúng tôi, sức vóc nhỏ bé, tay nắm chặt chiếc va li to tướng đặt lên ghế sau xe, kéo xềnh xệnh được 2 mét, khiến ông bức tức gất gồng nó hãy cẩn thận. Thái độ cẩu kính của ông như gáo nước lạnh thật sự dội vào nỗi phần khởi của chúng tôi.

Vừa tới bệnh viện “Cầu nối-của-tình thương”, bà cô Marie của chúng tôi chìm ngay vào cơn hôn mê hoàn toàn, những trò khôi hài sau cùng của bà chấm dứt ở đây. Bởi vì lần này nguyên nhân đã rõ, chắc sẽ không có điều kỳ diệu hồi sinh thứ hai, nên 5 người chúng tôi cố chen chúc trong chiếc xe 2 CV để đến thăm bà lần cuối cùng.

Thời tiết lúc này vào cuối đông: mưa to và gió lớn, bầu trời đảo lộn quay cuồng, từng đám mây âm u lũ lượt theo nhau bị xé vỡ, bời tung và cái lạnh ảm lợm vào chiếc xe khốn khổ của chúng tôi qua vô vàn những kẽ hở. Bốn chúng tôi nệm cứng người trên ghế băng phía sau mà vẫn không xong. Vóc người nhỏ bé của mẹ cũng chẳng giúp ích gì lúc này. Cũng số người ấy, chúng tôi có thể ngồi thoải mái trong chiếc xe DS, nhưng trong xe của ông ngoại, chúng tôi trở nên như những con cá xác-đin đóng hộp. Bà ngoại nhanh chóng tìm ra giải pháp: ngoại sẽ không đến bệnh viện nữa, chỉ đơn giản có vậy. Và lại, bà Marie chắc gì còn đủ minh mẫn. Ngoại có đến hay không thì đối với bà Marie cũng chẳng hề có chi khác nhau. Ngược lại, mẹ cứ nài nỉ để mọi người trong chúng tôi có thể ôm hôn lần cuối cái con người

mà chẳng bao lâu nữa sẽ rời bỏ thế giới này. Chúng tôi trở thành những chuyên gia về ôm hôn lần cuối.

“Các con hãy ôm hôn cha đi!”, mẹ đề nghị chúng tôi trước cái thi thể được mặc quần áo, thắt cravat, hai bàn tay chồng lên nhau nằm ở giữa giường, một tư thế cho thấy tính chất bất bình thường (thường thường cha ngủ ở phía bên trái). Cái hôn thứ nhất, cha vẫn còn giữ được chút hơi ấm. Làn da trên đôi má vừa được cạo râu của ông vẫn còn thoảng mùi nước xà phòng, vẫn còn chút ít mềm mại. Lúc đó việc ôm hôn cha chẳng khó khăn gì hơn ôm hôn một đứa bé đang thiêu thiêu ngủ: chúng tôi cúi xuống rất thận trọng, hôn lướt nhanh, môi chỉ vừa chạm, cảm thấy hơi ấm cơ thể là, hấp, nhiệm vụ đã hoàn thành, chúng tôi quay ngay lại nép mình quanh chiếc ghế bành mà mẹ như luôn dính chặt ở đó. (Lần thứ 2, đứng trước lúc đóng nắp quan tài, một mùi chua chua bốc ra từ bụng cha, chúng tôi nhất quyết lần trốn).

Chiếc xe Bobosse cũ kỹ bị nê chặt lóc cọc trên con đường ẩm ướt. Chỉ một làn gió hơi mạnh cũng đủ níu bước nó lại. Chúng tôi tự an ủi với ý nghĩ rằng lúc trở về sẽ khá hơn. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cảm thấy tủi nhục khi những chiếc xe khoẻ hơn (ba mã lực trở lên) cứ vượt lên, coi xe chúng tôi như thứ giẻ rách, như thứ mấp mô lỗi lổm của vệ đường, họ găm vào chúng tôi những cái nhìn giễu cợt hoặc đầy vẻ lạnh lùng. Những người nhả nhặn nhất ra hiệu cổ vũ dẫn đường chúng tôi, những kẻ tử tế thì bằng cách uốn éo người trên ghế xe, lấy làm phiền lòng khi phải vượt chúng tôi. Tất cả những chiếc xe hiệu Samaritain có tốc độ tốt đó mỗi khi vượt qua đều làm bắn nước lên chúng tôi, chắc những người trong xe lấy làm thích thú lắm vì chúng thuộc về kỷ nguyên vệ tinh, trong khi ở phía sau là cái xe cà tàng như cái hang biết chạy của những người du mục thời tiền sử. Cả ba chúng tôi ngồi chen chúc phía sau, như bị tra tấn, người lắc lư, có lẽ họ nghĩ rằng chúng tôi bị bắt cóc và cái ông già mặt lạnh tanh ngồi trước vô lăng không phải là ông ngoại chúng tôi. Ngồi ghế trước bên cạnh ông, mẹ cũng giữ thái độ im lặng như ông. Người mẹ bật nảy trên lò so chiếc ghế con như một con rối thảm hại, cái cười nhăn nhó ở khoé môi mẹ không thể hiện trách cứ hay phiền lòng, không thể hiện gì khác ngoài sự khắc khổ cần thiết phải chịu đựng, chẳng hứa hẹn vợi vàng điều gì trong mọi trường hợp để rồi phải thêm một lời hứa thứ hai vào lời hứa trước – cái nỗ lực phi thường này, đó là tất cả những gì chúng tôi có thể đòi hỏi ở bà. Chiếc xe 2 CV cứ nảy chồm

chôm làm cho cái tang của mẹ mất đi chút ít sự trang nghiêm. Mẹ phải chỉnh lại chiếc mũ đen khi xe ngoặt gấp làm nó tụt thấp xuống trán. Trong cử chỉ của mẹ có một phản xạ tự nhiên của sự sinh tồn. Tuy nhiên, chúng tôi đồ rằng những lúc thế này chắc mẹ phải thấy tiếc cái xe DS màu đỏ sẫm đang để trong gara chờ người mua mà bây giờ không có người lái nó trở nên vô dụng đối với chúng tôi. Xe có bộ dây chằng chống sóc được lót lớp dạ phớt thật êm, động cơ kêu ro ro với tốc độ lớn, những cú tăng tốc ngoạn mục. Xe được bọc kính bốn phía, ghế xe mềm mại, tiện nghi và cha thường ngả lưng vào đó nghỉ ngơi. Cha mới dùng nó chưa đầy 3 tháng. Ngồi trên xe, chúng tôi trở thành thượng đế. Nếu lái nó, chắc cha đã vượt qua nhẹ nhàng cái xe 2 CV này như vượt qua đám hồ rãnh và ném ra lời chế nhạo về cái xe thảm thương cùng những người ngồi trong đó, giống như cha đã từng làm cho bầu không khí trong làn sương mù ở Tourmalet vui nhộn hẳn lên bằng cách đánh xi nhan ra hiệu cho ông ngoại, con người gan dạ bé nhỏ đầu đội mũ cát-két trắng của những tay đua ngựa, ngồi trước vô lăng chiếc xe cỏ lỗ sỷ như ở trong bộ sưu tập lao xuống cái dốc tối mù. Bất hạnh và gia thế sa sút, nỗi đau khổ của chúng tôi càng dày thêm.

Bệnh viện “Cầu nối-của-tình thương” gồm một tu viện cũ và phần làm thêm sau này khi cái nhà đón khách thập phương đó biến thành trung tâm cai nghiện cho những con bệnh trong vùng. Cổng chính có mái đua vươn ra kiểu La Mã, xe ngựa bốn bánh có thể đi qua. Sân trong bị các toà nhà cao che khuất tối âm u. Ở những toà nhà này, mặt tiền luôn sũng nước mưa, các cửa sổ có hai lớp chấn song làm những người đến thăm cảm thấy một nỗi buồn nghèn nghẹn ở cổ. Những khóm dương Ý mọc thành rừng trên nóc nhà. Chiếc chuông thỉnh những tiếng ngân trầm đục bị gió làm cho méo mó. Các nữ tu đi qua sân, vội vã, vòng qua những vũng nước, hai tay giữ chiếc áo dài đen bị cơn gió lốc thổi tốc lên và, khi tấm khăn voan trắng trên mũ bị gió cuốn phủ che mắt, do không còn tay để gỡ ra, họ quay trở lại, lùi lại vài bước trước khi ulla cả vào trong cái hành lang có những cửa sổ rộng mà qua đó thấy cả một bầu trời hỗn loạn. Mùi sơn có silic, mùi khai thổi từ những người già ỉa đái dầm dề không tự chủ được, người ta phải đồ ngáp lênh lảng cả hàng tấm lát chất tẩy uế, mùi hôi lộn mửa của căng tin (cái món súp buổi chiều có hương vị muôn thuở mà người ta vẫn phục vụ trong trường học), bóng dáng bận rộn của các bà xơ loắt choắt đi như trượt trên thảm linoléum^[57], những người bệnh mặc pyjama đi lang thang tìm kiếm cái mà họ không biết rõ là gì, và đây là điều bóp chết họ, những cái nhìn điên loạn

toát ra hàng nghìn nỗi đau đớn, day dứt, một sự kết tủa những lo âu mà vĩnh viễn không một hoá chất nào có thể chất lọc được, những bàn tay co rúm các ngón cái nọ ngoặc vào cái kia như hai mắt xích của một dây chuyền chạy rầm rập không ngớt, những dáng đi ngập ngừng, sợ sệt, những lời nói ảo tưởng, những cử chỉ thô bạo của những kẻ sa sút trí tuệ, và khu hành lang phía sân trong tu viện là dành cho bè cánh những người cứng đầu cứng cổ: những dòng giống của Napoléon và của Louis XIV, tất cả các nữ thánh Anastasia^[58] và các công chúa giả mạo trong một cuốn Almanach de Gotha^[59] tưởng tượng, những triều đại hoang đường của vương quốc những kẻ ngây ngô. Tóm lại là cả một dòng họ những kẻ bịp bợm mà Đức Mẹ Marie^[60] đồng Trinh tối cao của chúng tôi không thể chịu quá lâu.

Chúng tôi chen chúc trong cái xà lim bé tẹo dành cho nữ tu kín có các bức tường và đồ đạc cũng màu trắng toát, nhưng đứng cách xa chiếc giường đặt đối diện cửa sổ nơi có những cây dương bị gió thổi dạt nghiêng ngả. Chúng tôi không dám lại gần vì sợ làm rối loạn việc truyền huyết thanh, sợ vướng vào ống dẫn khi cúi xuống ngó cái hình hài bé nhỏ tím nhợt có đôi cánh tay gầy khẳng khiu trắng muốt. Vóc dáng bà quá mảnh dẻ, bất động trên tấm ga trải giường đến mức chúng tôi nghĩ rằng bà Marie đã chọn cách tự xoa mình nhẹ nhàng chứ không phải là chết. Khuôn mặt mang kính của bà tan ra trong màu xanh nhợt nhạt của chiếc gối, thân hình bà làm ga trải giường trĩu xuống thành hình một cái sàng nhỏ. Bà chỉ còn là cái nẹp hằn bé tí của sự sống được nối liền với thế giới bằng những ống nhựa trong suốt mà một làn gió siêu phàm sẽ chẳng mấy mà xoa nhoà đi.

Mẹ trở nên lạc lõng trong bộ đồ tang. Chúng tôi đang đứng bên bờ vực của vũ trụ mà toàn bộ những gì thuộc về bề mặt đều phải rơi lọt xuống. Chúng tôi gần như nín thở, cảm thấy tan ra trong cơn bão đang sắp cận kề này. Các tu nữ, thông thường rất cương quyết với bệnh nhân, lần này đi rón rén trên mũi ngón chân để không quấy rầy giấc ngủ của con người đang đi dần vào cõi cực lạc. Khi một trong số các tu nữ khám bệnh cho bà, mẹ tôi ra chiều đã rất sốt ruột, phát lệnh rút lui. Chúng tôi từ biệt người bà trắng bệch đang hấp hối mà không hôn vĩnh biệt.

Từ bệnh viện trở về, ông ngoại trèo ngay lên gác thượng giấu mình. Từ ngày đến ở nhà chúng tôi trong khuôn khổ và sứ mệnh giúp đỡ nhân đạo, ông ngoại tự đặt cho mình hai chức trách, còn ngoài ra thì chẳng nên yêu cầu ông bất cứ việc gì. Hai chức trách này bao gồm đi mua bán vào buổi sáng (“ông Burgaud” nhanh chóng quen thuộc với những người bán hàng, họ khen ngợi ông tận tụy) và sắp xếp căn gác thượng – một sáng kiến của riêng ông là dành các buổi chiều để thực hiện. Xin hiểu cho rằng: đi mua bán là để được ra ngoài, và sắp xếp căn gác thượng là để có sự yên tĩnh. Ông cũng tự giao cho mình một sứ mệnh mà nó làm hỏng cả những ngày ông sống tại nhà chúng tôi và làm cho những ngày này nhanh tới chỗ kết thúc ấy là thay thế quyền lực của cha mẹ hoàn thiện việc giáo dục đứa cháu ngoại Zizou. Nó nhanh chóng trở thành người để ông bắt nạt. Rằng không được đặt khuỷu tay trên bàn ăn, không được nhai há mồm ra, không để thìa chạm lách cách vào đĩa, không được ngắt lời, không được nói leo, vân vân. Mẹ tôi bị giày vò trong nỗi đau nên chẳng hề nhận thấy gì cả. Chính chị Nine, với tuổi 14 kiên kỳ, trước việc đứa em gái bị đầy đoạ đã đứng ra lo toan mọi việc. Hôm bà Marie chết, chị cho mời ông bà lại và thông báo họ cần nghỉ ngơi ngay sau khi chôn cất bà cô Marie. Nếu mẹ lúc nào cũng nhận thấy sự có mặt của hai ông bà già bên cạnh mẹ, thì có lẽ mẹ sẽ phải hỏi lý do họ ra đi.

Đi mua bán, đối với ông ngoại, cũng là cách để giấu điếm mua bánh kẹo, thứ mà thầy thuốc khuyên ông không nên dùng từ lúc phát hiện trong máu ông thừa glucô, tuy chưa đến mức hàng ngày phải tiêm insuline – nên dùng những viên đường nhỏ Sacarin, loại ông chẳng hề thích, thay cho tám viên đường cho cốc cà phê. Suốt đời ông tự an ủi theo cách của những người sầu não như vậy. Trước kia, ông mua lẻ từng lạng kẹo một, không để ai phải mất công chọn lựa hộ. Ông có một địa chỉ mua kẹo ở thành phố Nantes. Đó là một cửa hàng cổ lỗ, tối om, một thứ dị bản thời thực dân có từ hồi thành phố còn trong cảnh nghèo nàn tối tăm, nằm ở phố Verdun, gần nhà thờ lớn. Cửa hiệu đầy ắp hàng hoá như một kho ở ngoài đảo xa. Trong cửa hiệu luôn sực nức mùi cà phê chưa đóng gói để lộn xộn bữa bãi, mùi chè, mùi mứt kẹo. Các liễn thuỷ tinh xếp thành hàng trên ba giá hàng ở lối ra vào. Quả là khó lựa chọn trong đồng vô khối thứ ngon tuyệt những kẹo thơm beclingô, kẹo mật, kẹo bạc hà, kẹo gôm bồ phôi màu xanh, kẹo viên sôcôla, kẹo lạc, kẹo thơm violette, mứt quả thực quỳ, cam thảo, kẹo viên

Vichy và những thứ khác nữa. Ông ngoại muốn tự phục vụ nên cầm ngáp chiếc thìa đồng hình máng cân đối vào giữa những thứ tuyệt diệu này, song những người chủ cửa hiệu với làn da phủ đầy bột, lọt thỏm trong chiếc áo blu màu ghi rộng thùng thình, đã không để ông rảnh tay lựa chọn. Đó là nhiệm vụ của họ. Quả vậy, họ luôn phải canh chừng để ý. Họ xúc ước lượng vài gam gần sát với trọng lượng cần bán và chỉ cần thêm 1 hay 2 chiếc kẹo vào nữa là đạt được sự thăng bằng hoàn hảo của hai chiếc khay trên cái cân to kéch xù loại Roberval. Sự chính xác này là niềm vinh quang nghề nghiệp của họ. Sẽ là bất công nếu không để họ được thực hành cái tài nghệ mà họ đã phải trả giá bằng cả thế kỷ bán mút kẹo. Từ nhà chúng tôi ông ngoại trở về Riancé mang theo những chiếc túi xách nhỏ màu trắng được cột kỹ lưỡng. Vừa về tới nhà, ông nhét ngay chúng vào cái hộp đựng đồ dự trữ riêng của ông. Chiếc hộp hình trụ có các hoạ tiết cổ lỗ được giấu phía trên tủ buýp phê, ngoài tầm với của bọn trẻ cháu ông. Chỗ giấu chẳng mấy may bí ẩn với ai cả, nhưng nó thuộc về nếp nhà. Ông chờ mọi người rời khỏi bếp để bóc lấy một nắm kẹo to dùng cho cả ngày làm đường dính bết cả vào túi và bà ngoại phát cáu. Người ta nghe thấy tiếng kéo ghế dựa trên lớp gạch ca-rô. Như vậy, ông đã thay đổi cách thức sắp đặt lại nhà cửa, song điều cốt yếu chính là ông muốn tập thể dục theo kiểu đưa trẻ-già nua, như là cách để làm thời gian ngừng lại.

Dù không thể hút thuốc trong xưởng may ngón ngang vải vóc, cũng vì tay phải bận rộn với công việc, môi thì ngậm kéo, vì thế, để bù lại, ông ngậm mút kẹo. Người ta có thể nghe thấy tiếng róc rách khe khẽ của nước bọt, tiếng nuốt ực ở cổ họng trong khi khuôn mặt trắng ngà của ông vẫn tập trung chăm chú vào mũi kim. Lúc đó, ông mất đi cái vẻ hơi hồng hách, ngạo mạn thường thấy khi môi ngậm điếu thuốc lá và đôi mắt ti hí hần nếp nhăn của ông toát ra một cái gì đó như sự nhẫn nhục cam chịu.

Nhưng ở nhà chúng tôi, sau giấc ngủ trưa, ông lên gác hai. Từ đó thỉnh thoảng lại phát ra một tiếng động nặng chịch lúc nghe như tiếng kéo lê một đồ vật bằng gỗ, lúc như tiếng đất đá sụt lở, lúc nữa như tiếng thủy tinh vỡ, khiến mọi người khá lo ngại. Chúng tôi thường chỉ phí công vô ích khi giống tai lên thì lại chẳng thấy động tĩnh gì nữa, hình như ông đã ngà ngà ngủ. Bà ngoại tỏ ra lo âu: Nhưng mà ông ấy làm cái trò gì ở trên đó thế nhỉ? Bà sợ là ông đã khám phá ra trong các mớ hỗn độn rối tung rối mù của chúng tôi một hòn đảo khác ở Levant. Chúng tôi thêm đến chết muốn trèo

lên gác thượng xem sao, song lại bị cấm, tuy không chính thức vì không có chỉ dụ nào bắt như vậy, nhưng một khi ông ngoại đã ở trong lãnh địa của mình thì không phải là người để người ta quấy rầy. Thái độ im lặng của ông, cách ông nhìn người khác mà không thêm thấy với con mắt nheo nheo sau làn khói thuốc lá, dựng lên quanh ông một vòm an toàn. Chỉ có thể vượt qua cái vòng an toàn ấy với sự đồng tình của ông. Ông xuống gác một giờ trước bữa ăn chiều, mạng nhện dính trên tóc, bụi bám bám trên chiếc áo vét, ông cẩn thận chải chuốt quần áo, dùng hai móng tay là lại đường li trên ống quần (bà ngoại đã gợi ý ông mặc một bộ đồ khác thích hợp hơn mà chẳng ăn thua gì). Sau đó, ông yêu cầu chúng tôi rửa tay cùng với ông.

Một buổi tối, tại bàn ăn, bà ngoại đánh liều hỏi ông vài câu về những việc làm của ông trên gác thượng. Ông không trả lời trực tiếp bà ngoại mà lại quay ra hỏi mẹ có biết câu chuyện về vùng Commercys không. Mẹ ngẩn đầu lên, ngạc nhiên sao ông lại hỏi chuyện lần thân như vậy. Ông thôi không nài hỏi thêm nữa. Tuy nhiên, vào một ngày chủ nhật, người ta thấy ông nói gì đó với bà Mathilde qua hàng rào cây thăng ở ngoài vườn. Bà Mathilde xua tay như muốn xoá đi cái điều gì đó mà bà không còn muốn nghe nhắc tới nữa.

Thế rồi, bà Marie qua đời, hôm đó là ngày 19 tháng 3, ngày thánh Joseph^[61], cứ như thể trong suốt chuyến công du vô ý thức của mình, mỗi ngày bà đều xé một tờ lịch để cập bến đúng vào ngày mà đối với bà nó gắn bó đứa cháu trai vừa mới chết với kỷ niệm xa xôi về người em trai của bà^[62].

Hôm chôn cất bà Marie, trời nổi gió. Áo lễ khoác ngoài bị tốc lên cùng lúc với những chiếc váy của các bà. Bọn trẻ trong ban hát đồng ca xúm xít túm giữ lấy cái cán lá phướn cao chót vót có diềm hình giọt nước bạc óng ánh. Lá phướn xoắn vặn trong cơn gió lốc, cuộn lại, phồng lên, như sắp sửa bay khỏi cán. Người cầm cây thánh giá đi đầu đám tang, chúi mình trong gió bão trông giống như người lính cầm kích đi đầu đoàn quân, cây thánh giá bằng đồng chĩa ra phía trước. Cha xứ Bideau không còn có thể giữ được chiếc khăn lễ trên cánh tay, đành quần nó xung quanh cổ như quần chiếc khăn quàng. Chiếc khăn bay lất phất sau lưng cha lấp lánh váy vàng. Gió liên tục thổi lật các trang cuốn sách kinh của cha khiến cha không đọc kịp.

Vì sợ trang giấy mỏng tang bị rách, cha gấp sách lại và đọc ngẫu hứng những lời cầu nguyện. Những bài Thánh ca cha bắt nhịp rống lên bị cơn gió mạnh quăng quật trên đường phố Paris cuốn đi khiến mọi người không kịp hát đồng thanh. Vị tu sĩ phụ trách về nước thánh đã rảy cả xô nước quý lên chiếc áo lễ của cha. Thành ra khi tới nơi, đến lúc cần rảy nước phép, phải chia nhau số nước còn lại, và nhúng que rảy nước phép vào xô chỉ để làm vơi. Gió gào rít quật vào đám tang dậm chân tại chỗ. Mọi người bước đi lảo đảo, đầu cúi gằm, hơi thở đứt quãng, nhắm mắt đưa chân theo người đi trước. Họ chỉ lo sao cho không để gió cuốn bay. Bà ngoại và mẹ đã bỏ mạng che mặt. Ngoại giữ chặt chiếc mũ trong tay, khá nhiều người khác phải chạy đuổi theo những chiếc mũ bê-rê hay chiếc khăn bị gió cuốn bay. Chiếc xe tang được con ngựa của ông Biloché kéo đi cứ chòng chành lắc lư, những bức trước đen ở xa bay phân phật, giống như bầy quạ bầu xung quanh xác chết. Tới khúc quanh gấp dẫn tới nghĩa địa, chiếc xe chỉ thiếu chút nữa đã lật nhào (đây là chuyến đưa tang cuối cùng của nó – sau đó, người ta dùng xe cứu thương đưa người chết). Anh con trai ông Biloché cho rằng nếu xe tiến thêm lên nữa sẽ đặt sự an toàn của người chết vào vòng nguy hiểm. Anh chọn trong đám người đưa tang ba người đàn ông khoẻ mạnh, để cùng nhau khiêng chiếc quan tài ra khỏi xe tang. Sau khi đưa mất thoả thuận, họ nâng vút chiếc quan tài lên vai dễ dàng tới mức phải ngạc nhiên. Sức nâng quá mạnh mà quan tài lại nhẹ tựa lông hồng khiến nó bật lên giống như cú nhảy của người tình nguyện trên chiếc thảm được căng ra trong ngày hội cứu hoả. Ngự trị trên lưng những người đàn ông, áp chặt vào má những người khuôn vác, có lẽ thi thể bà lẫn trong chiếc áo quan quá rộng, đến nỗi Đức Mẹ Marie Đồng trinh của chúng tôi đã vượt qua ngưỡng cửa nơi yên nghỉ cuối cùng như một nữ hoàng, gương mặt ửng hồng vì những người đàn ông hết sức tuấn tú đã tôn cái nữ tính e lệ của bà lên cao như vậy.

Từ nghĩa địa trở về, ông ngoại trèo lên căn gác thượng lần cuối cùng, lôi chiếc hộp đựng giấy ra, trở xuống, ông đưa cho mẹ tôi kèm theo vài lời giải thích. Mẹ nghe với vẻ rất chăm chú khúm núm và rồi không biết để chiếc hộp vào đâu, mẹ nhét vào góc gầm bàn, ở đó sẽ chẳng mấy chốc nó bị biến mất, ngấp dưới đồng giấy má. Đôi vợ chồng già xếp va li đồ đạc lên chiếc xe 2 CV. Cảnh tiễn đưa diễn ra rất chóng vánh ngay trên vỉa hè trước cửa hiệu (chòm râu ông ngoại thì nhọn và bà ngoại thì quá dịu dàng), cuộc chia tay diễn ra rất vụng về lúng túng, thể hiện rõ một cảm giác thất bại. Chiếc

xe vừa mới khuất sau chỗ ngoặt là chúng tôi lập tức lao lên gác hai đánh giá bình phẩm những bố trí sắp đặt mới trong căn phòng.

Thực vậy, chúng tôi không còn nhận ra căn gác thượng được nữa. Nếu coi sự ngăn nắp chỉ là một biến dạng thuộc về thuật toán học chủ quan của sự lộn xộn, thì có thể nói rằng căn gác thượng được sắp đặt ngăn nắp theo ý ông ngoại, vẫn y như trước, song theo một trật tự lộn xộn, có nghĩa thay thế vào sự hỗn độn này bằng một sự hỗn độn khác, chỉ khác là sự hỗn độn sau không quen thuộc đối với chúng tôi. Trên giá được chất chồng theo thời gian những cặn bã quý giá thuộc nền văn minh, tạo thành một bản liệt kê địa tầng những thế hệ nối tiếp nhau cùng ý nghĩa sơ đẳng về sinh tồn của họ. Trong khi sắp đặt lại cái đồng ngáo ộp này, ông ngoại đã đảo lộn rồi mù thời gian ngày tháng, đã xáo trộn các quân bài in hình Pincevent^[63] thân thuộc của chúng tôi. Trong cách chia bài mới này, mọi vạch mốc của chúng tôi đã biến mất. Cùng với những yếu tố như vậy, ông đã sáng tạo ra một bức tranh khác, một lịch sử khác. Từ nay sẽ phải quen với sự phân chia lại trí nhớ với bức tượng nhỏ hình người đàn ông bằng gốm xanh đặt trong chiếc lồng chim hoàng yến, với chuỗi tràng hạt đen đeo ở cổ chú gấu con cụt tay (vì nó mà chúng tôi biết được cha thiếu tài khâu vá nếu không có lẽ đã trả lại cánh tay cho nó). Từ nay sẽ phải quen với những bộ chân nền bằng đồng giữ chức năng kẹp 78 chiếc đĩa hát ở trên, quen với những cuốn tạp chí vút bừa bãi trong chiếc nôi tết bằng cành liễu giò, phát triển thêm cái nghệ thuật bắt di bắt dịch về chế biến món thịt ra-gu trắng trong vòng 100 năm tới. Cũng phải quen với cái gương vỡ vụn trên sàn bụi bặm bám đầy phản chiếu những chiếc rui mè qua các mảnh vỡ, quen với đôi giày mề côi chặn một tập hoá đơn được dính vào nhau rất cẩn thận, chứng tỏ cho cả nghìn năm sau rằng chúng đã được thanh toán sòng phẳng, quen với tất cả những đồ vật tự tái hiện mà chẳng có lời giải thích: chiếc tàu nhỏ bằng nhôm, viên đạn súng cối hình nón bằng đồng thau, cái mũ trung Hoa chết tiệt thủng lỗ chỗ như khay đĩa vàng, cái đồ dùng hình ngoằn ngoèo như con rắn, chiếc hộp gỗ được chia thành các ô đều nhau. Sự đảo lộn làm lộ ra không chỉ những thứ trước đây bị chôn vùi, bị quên lãng, mà rõ ràng là có cả những cái mới lạ chưa từng thấy.

Ông ngoại cũng đã moi ra được cả một lô xích xông các ảnh chân dung. Ông xếp chúng ngay ngắn thẳng hàng đối diện với chiếc ghế bành Voltaire

gãy thành mà ông vẫn ngồi (dưới chân ghế, chiếc gạt tàn đầy ắp mẩu thuốc lá chứng giám điều này). Ông xếp loại các bức ảnh không chú trọng về phả hệ mà bằng cách nhóm những gia đình có nét giống nhau, qua những quan hệ về hình thái học, như thể ông cố tìm lại dấu vết đi qua của sự sống trong cái lý thuyết về sự hoá kiếp, cố nắm được cái công thức về tính bất tử qua sợi chỉ đỏ về tính đồng dạng này. Đối mặt với những mảnh vụn của chính mình ẩn trong những khuôn mặt cũ xưa mà phần lớn là xa lạ này, chúng tôi không thể phủ nhận mình là một phần vĩnh cửu của những khuôn mặt đó. Chúng tôi nhận thấy trong những cặp mắt các cụ tổ xa xăm này (hầu hết được chụp Đa-nghe^[64]), đôi mắt nguyên vẹn của Zizou em gái út chúng tôi, và cái nhìn của họ được gửi gắm qua cái chết làm chúng tôi bối rối.

Chiếc hộp đựng giấy vẫn kia, cái lễ bàn giao trình trọng cùng vài câu thì thầm một cách bí mật với mẹ, thì ra ông ngoại thu gom vào cái hộp các-tông đó những thứ quan trọng trong số những cái ông tìm thấy. Chúng tôi lắc lắc chiếc hộp, không thấy có tiếng kêu leng keng. Nếu không chứa vàng thì có thể ít nhất nó cũng mang lại cho chúng tôi chứng cứ về một dòng họ vinh quang nào đó.

Trong hộp có những bức ảnh, bưu ảnh, thư từ, một cái trâm gài, một tấm lác^[65] và 2 quyển vở. Chữ viết trong quyển rách bướm nhất, khá nắn nót ở những trang đầu, nhưng những trang càng về cuối càng nguệch ngoạc, đến mức hầu như không thể đọc được, một vài ghi chú bị gạch xóa in hằn loang lổ sang phần trắng những trang cuối chưa viết. Trong các bức ảnh, chúng tôi nhận ra ông bà nội: ông nội Pierre hoặc ngồi trong xe ô tô hoặc mặc bộ quân phục, bà nội Aline, béo phì ngồi trong chiếc ghế bành, tay ôm chú cún lông đốm đen trắng trên đầu gối, hoặc một cô gái cười tươi. Cuối cùng thì tất cả mọi thứ tài liệu lưu trữ này cũng ăn nhập được với nhau, chỉ trừ một bức tranh Thánh mà hình như có lần chúng tôi đã thấy trong cuốn kinh của bà cô Marie. Nhưng xem kỹ, thấy có lời cầu nguyện ghi ở mặt sau bức tranh với giọng điệu yêu nước mạnh mẽ. Như vậy bức tranh có liên quan tới cuộc đại chiến thế giới, cuộc chiến mà Thượng đế đã lựa chọn một cách dứt khoát đứng về phía nước Pháp. Với một sự che chở như vậy, ai mà chẳng hiển nhiên dễ dàng thoát khỏi cuộc chiến. Joseph, người em trai yêu quý của bà Marie ắt hẳn phải hài lòng lắm với điều này, song một quyển sổ ghi chép khẳng định ông đã hy sinh ở Tours vào ngày 26 tháng 5 năm 1916 do bị

nhiều vết thương. Chúng tôi lấy ra bức ảnh tang tóc đặt trên tủ buýp phê và thay vào đó, theo ý của chị Nine, cái hàm răng vàng và hai chiếc nhẫn cưới.

Có cái gì ở bên trong quả hồ đào? Tha hồ để cho trí tưởng tượng bay bổng. Còn cái hang của Ali Baba? Thanh gỗ của cây thánh giá đích thực? Tiếng nói của Rudolf Valentino^[66]? Chúng tôi đập vỡ quả hồ đào và nuốt chửng nó, biết rằng nó có chứa nguyên tố vi lượng và các vitamin, gluxit và lipit, nhưng không biết rằng cái hang của Ali Baba là nằm trong đầu Shéherazade, thanh gỗ của cây thánh giá đích thực ở cái cây Tri thức và giọng nói của Rodolf Valentino ở trong ánh mắt người điếc.

III

Các vị giám mục xứ Bizăngxơ thảo luận chuyện giới tính của các đấng thần linh, dưới con mắt bà Marie, chẳng mấy chốc mà các vị biến thành các nhà khiêu dâm học. Khi mẹ tôi đến nhà hộ sinh, nơi không cho bọn trẻ con vào, cha và chúng tôi phải đậu xe ở ngoài. Cha rất bối rối khi chúng tôi hỏi người là làm thế nào để phân biệt được trong những đồng thịt hồng hồng bé tí tẹo đâu là con trai đâu là con gái? Cha ngập ngừng một lúc, gõ gõ ngón tay vào vô lăng xe - mỗi khi cha khó chịu, người vẫn thường như vậy. Gọi bộ phận sinh dục nam là dương vật chẳng? Quá bác học. Cơ quan giao cấu của nam giới? Ờo là quá. Cái chim? Cách gọi của trẻ con (cha là một đứa bé không còn trẻ con nữa). Bất chợt, tia sáng lóe ra - rồi cha ngoái lại với nụ cười tinh ranh và ngượng nghịu: “Vòi rô-bi-nê”. Cha thật là một người kín đáo kỳ diệu.

Không có thêm thông tin nào khác về chuyện này, thành thử về sau đã nảy ra nhiều chuyện khi phát hiện ra chức năng kép của vòi nước. Tuy nhiên như thế cũng đủ rồi. Mũi tên chỉ rung rinh một lúc rồi cắm chặt vào hồng tâm. Cái hơi hướng cam lạng bao phủ xung quanh cái bụng tròn trịa của các bà mẹ, đó cũng là một cách nhấn mạnh sự ngông cuồng của cái cơ thể thánh thiện mờ ảo làm chúng tôi phải rất thận trọng khi lại gần nó, gần như phải tách ra. Sự sống dường như chỉ vừa mới gắn bó với cuộc sống.

Những ẩn ý thỉnh thoảng cũng hé lộ ra. Chúng có là trong chiếc hộp đựng giấy có quyền vở ghi chép bài hát của bà Aline lúc còn là cô gái (có ghi quyền vở này thuộc về... và ký tên). Ở đó, giữa những bài toán tích phân của Théodore Botret, nhà thơ lang thang xứ Bretagne ở Paimpol^[67] và giữa những bài thơ của ông là câu “tôi có 2 con bò to lớn và anh nhỏ con quá anh yêu ă” (16 tuổi mà thấp tẹt), chúng tôi bất chợt phát hiện ra đối tượng đang cần tìm. Nó không là gì khác, các vị có thể đã đoán ra rồi, thưa các bà, cái nịt bít tất đã bị mất mấy hôm nay.

Không biết người cô già Marie của chúng tôi đã xoay sở thế nào để thông báo, nhân khi chị Nine có kinh lần đầu, chính bà kể lại rằng chuyện này nằm trong “ngoặc đơn” cuộc đời bà một thời đoạn đến 8 năm: từ 18 tuổi (chẳng phải quá sớm) đến 26 tuổi. Đó là sự lầm lạc của tự nhiên trong một cơ thể ốm yếu gầy còm, có điều kiện cho những hăm hở yêu đương. Từ nay bà có thể toàn tâm toàn ý vào công việc noi theo các đảng thánh thần và vào việc giáo dục trẻ con: Trong 50 năm, bà đã dạy dỗ hai nghìn bé gái thuộc 3 thế hệ, chừng ấy nền cộng hòa, hai cuộc chiến tranh thế giới. Ngoài ra bà còn cùng với những học trò của mình cầu nguyện cho nền hòa bình ở Algérie.

Tài năng cô giáo, ấy là món nợ của bà đối với Đức Chúa Trời. Bà có sự mạng truyền bá sao cho không một cây sung nào tồn tại mà không có quả. Chính vì vậy mà bà, người phụ nữ 40 tuổi tập đọc, tập viết và tập tính, hầu như tự mò mẫm trong tư thế quỳ phủ phục dưới đất. Mỗi khi đến nhà bà đặt “một con gà cho 5 người”, chúng tôi thấy vậy đều phát hoảng. Bà ngồi trong góc tối ở nhà bếp, giữa bức tường và chiếc tủ buýp-phê, chiếc áo gi-lê đỏ khoác trên đôi vai gầy còm giống như chiếc áo lễ đỏ rực đang thiêu cháy bà. Bà khẽ đưa cái đầu từ trước ra sau theo dòng suy nghĩ đơn điệu và theo tiếng kẽo kẹt của chiếc ghế bành bằng liễu giở. Có lẽ toàn thân bà thực hiện chức năng của chiếc đồng hồ, có lẽ bà sống là để đo thời gian của cuộc sống của bà. Thỉnh thoảng và kéo lại chiếc cổ áo gi-lê cho chặt quanh cổ và rung mình như có một cái lạnh từ trong bật ra dữ dội. Khuôn mặt bà luôn luôn cúi gầm bị che khuất sau mớ tóc cứ phát lên xõa xuống theo nhịp lắc lư đều đặn cái cử động vĩnh cửu của bà. Bàn chân bà đi giày păngtúp quá rộng, tất xộc xệch cái nọ đặt trên cái kia. Bà lẩn trốn những cái nhìn vào lầu bầu đáp lại những câu chào của chúng tôi. Bà rút ra từ ngăn kéo tủ buýp-phê một quyển vở để ghi lại số người đến đặt ăn. Bà ghi chép với nét chữ ngập ngừng, cần mẫn, có một cái gì đó kỳ diệu, trong tư thế chân đứng chân kiễng của những người bị liệt 2 chân thời cổ xưa mà mỗi bước đi giật cục thật khó khăn mới thoát khỏi tai họa. Nếu bà không mở miệng, thì ắt hẳn phải nhìn thấy bà trong tư thế: gập mình trên trang giấy, gần như nằm nghiêng trên cánh tay trái, cần mẫn như người học việc, bật ra những từ như đứa trẻ sơ sinh và mớ tóc rủ xuống tạo thành một thành lũy chắn cái nhìn của chúng tôi. Rồi khi nhiệm vụ đã hoàn thành, bà khép quyển vở, cùng với cây bút chì đặt về chỗ cũ trong ngăn kéo vào quay lại ngồi trên chiếc ghế bành, đầu cúi xuống, chúng tôi không đọc được trên khuôn mặt lơ đãng của

bà một thứ tình cảm khó chịu hay vui vẻ nào. Điều đó như là tín hiệu bảo rằng chúng tôi hãy đi đi, hãy để bà ở lại với cõi lòng sâu lắng của bà. Trông bà thật ủ dột, nếu đặt bà ra lối đi có những cây thông tuyết tới con đường lớn thì con đường ấy hẳn phải có những dáng vẻ rất thần thánh. Phải nói rằng bà rất sòng phẳng trong chuyện tiền nong. Họ hàng rất tự hào về điều này, rất biết ơn bà, thành ra họ không bao giờ quên không nhét vào túi sắc đem đến cho bà một vài quả trứng mà họ chăn nuôi được.

Có thể do ngây ngất với thành công, cũng có thể do lòng nhân từ mách bảo mà bà cô Marie muốn bé gái Annie sau này trở thành cô giáo như bà, song lần này bà đã đành chịu thua. Bé gái Annie, không có tuổi, cái đầu to tướng, luôn tươi cười và đôi mắt xéch đuôi nheo của đất nước Mông Cổ tinh thần của bé, thoải mái tự do chạy loăng quăng khắp thị trấn trong chiếc áo bơ-lu học trò, đôi tất trắng kéo tận lên đầu gối, mái tóc dễ thương luôn đội chiếc mũ ba-rét, ngạo nghễ với những dải ru băng xinh đẹp mà nhờ nó bé đã có lần đoạt giải duyên dáng. Như người Do Thái bị trục xuất khỏi Jérusalem, bé nhắc đi nhắc lại không chán với mọi người qua đường khi họ hỏi thăm bé: “Ngày mai Annie sẽ đi Paris đây”. Cuối cùng ước mong của bé được thỏa mãn. Paris của bé là ở trên cửa hàng bánh ngọt người chị cả của bé ở Passy. Không biết bé có nói chuyện với những người ở các khu giàu sang, những người có lẽ không khoan dung độ lượng như chúng tôi, rằng ngày mai bé sẽ đi Paris không? Giống như một người mới đến cứ tìm kiếm thành Rôma trong thành Rôma và cứ đi từ Rôma sang Rôma mà chẳng nhận thấy gì cả không? Thực vậy, Paris là từ duy nhất mà bé nhận dạng được nhờ một mẹo của bà Marie: ở vị trí chữ A bà vẽ cái tháp Eiffel, thành thử đứng trước công trình vĩ đại này, bé Annie hiển nhiên là người duy nhất trong số hàng triệu người khách thăm có thể đọc được tên cái thành phố mơ ước trong sự rối rắm của rầm kè.

Thật đáng thương cho bà Marie. Người ta thấy bà cô tỏ ra vui vẻ gương gạo để chen vào cuộc hội thoại, dù rằng bà là khách không mời. Bà chỉ bực mình là không ai không quan tâm đến bà. Bà luôn có cái đề mà nói về mọi chuyện. (Điều này làm cha tức giận. Người không thể hiểu được bà mà cũng có ý kiến về một cầu thủ bóng đá nào đó. Dù bị quở trách, bà bất chấp tất cả, làm cho mọi người phải nhắc tới tên cầu thủ đó để phòng trước một cuộc tranh luận sắp tới, lúc đó bà sẽ nói về cầu thủ ấy như nói về một người

quen cũ). Nhưng hôm đó, chủ đề thảo luận chẳng hợp với bà ^[68]. Bà sợ hãi nó thậm chí như một bệnh dịch hạch của tâm hồn, vì nó đề cập đến phương pháp ghép các bộ phận cơ thể và cách thụ thai, những chuyện mà vì lòng từ thiện đúng đắn của thể hệ bà không bao giờ cho phép bà giảng dạy. Ít nhất bà cũng đã dừng cảm nhảy xuống nước chứ không chịu ngồi một mình trên hòn đá lẻ loi, bằng việc thêm thắt những điều bà biết được về chuyện này, nói về cái kinh nghiệm nhỏ nhoi của bà như một viên đá khiêm nhường trong cái tào nhà tri thức đồ sộ và, nếu không có Nine, thì có lẽ chẳng ma nào chú ý tới bà. Vậy thì trước việc góp chuyện mà thành công rất ít ỏi, bà cô già nua nhắc lại, như một tài liệu quan trọng cần bổ sung vào cái hồ sơ tế nhị về giới tính, rằng về phần bà, vấn đề đã được giải quyết vĩnh viễn từ tuổi 26, và điều này, sự tắt kinh tiền định đó còn lâu mới làm bà đau khổ, theo như bà nói, mà còn là điều tốt đẹp nhất trong những điều đã đến với bà - như một giải thoát thần kỳ khỏi sự nhắc nhở phiền toái mỗi tháng của cái tính nữ. Đó là một thức đặc ân thánh thượng cho phép bà có cơ thể và đầu óc được tẩy sạch bụi trần, để xây dựng trên đồng đồ nát của cuộc đời phụ nữ cái thân phận trong trắng của cô giáo may mắn, vì sự vinh quang của Đấng Tối Cao.

Người ta đã chế giễu bà đôi chút, ngạc nhiên vì bà đã không bao giờ lấy chồng. Bà tuyên bố ông ta chỉ thiết tha có mỗi mình bà, rằng không thiếu những người cầu hôn bà, và mặc chúng tôi năn nỉ, bà giữ khư khư bí mật về họ. Song, nhìn cái thân thể bé nhỏ xám xịt của bà, chúng tôi tưởng tượng những người cầu hôn bà chắc phải buồn tẻ lắm lắm, thành ra bà đành chọn cách ở vậy như một gái già trong trắng, Mẹ của 40 đứa con năm.

Chỉ một lần duy nhất chúng tôi bắt gặp bà với vẻ điệu bộ. Đó là vào ngày cưới của cha mẹ. Trên bức ảnh chụp rước dâu, bà đưa cánh tay cho ông ngoại khoác, bảnh bao trong chiếc áo dài bó sát màu đen, vai đeo chiếc túi nhỏ màu đen, khuôn mặt bé nhỏ bẽn lẽn làm cho cái cằm bà nhon ra một cách ngạo nghễ, nhưng lúc đó trông bà đã hoàn toàn trắng toát. Khúc hát cao cả của con thiên nga chào mừng đưa cháu trai vẫn không thể xóa đi 30 năm tự từ bỏ, quên mình. Ở tuổi 26, bà đã có cái dáng đi phổ biến của một bà già bé nhỏ. Thật khó có thể tưởng tượng một bà cô vốn luôn chạy ngược xuôi mua bán trong các cửa hiệu, nhằm chọn một chiếc áo dài, thân hình bó chặt trong bộ quần áo màu đen đứng ngấm vuốt trước gương, đưa

tay lần sờ những đường nét đáng thương của mình. Chắc hẳn bà bắt chước cách ăn mặc của ông ngoại. Thực vậy, ông thường mặc những bộ đồ cưới. Bà có vẻ vui thích lắm, không tìm cách lẩn trốn ông thợ chụp ảnh, đầu ngoẹo xuống vai, chúng tôi chòng ghẹo bà mỗi khi thường thấy bà trong bộ dạng như vậy. Đó thực sự là bà Marie, là dấu ấn của bà, thành thử sau này khi đứng trước những phụ nữ của Modigliani^[69], chúng tôi đã hơi thất vọng, với cái nghiêng đầu này họ đã giành được niềm vinh quang mà đáng lẽ nó thuộc về bà Marie vĩnh viễn. Khi một người có cái bột phát duyên dáng, biểu hiện sự táo bạo, thì không thể coi họ bắt chước người khác. Chúng tôi càng thất vọng khi biết bà tin rằng những cái nhìn nịnh bợ, những biểu hiện sốt sắng nhắm vào bà hơn là nhằm vào những người đi đầu lễ cưới. Bà biết rõ bà không có được vẻ tao nhã của người Paris như ông ngoại - trông cách ông vắt chiếc áo ja-két trên tay thật quý phái, chắc hẳn phải có thầy dạy mới làm được. Chúng tôi cảm thấy ngay ở bước đi sai lệch đầu tiên, bà đã sẵn sàng quay trở lại với những chiếc váy chẳng ra hình thù gì của bà, với chiếc bị đen nhem sồn cũ và với căn nhà nhỏ bé trong khu vườn, xin mở ngoặc là ngôi nhà đã bị đóng cửa trong cái ngày đẹp trời này. Bà sẵn sàng tính lùi lại chu kỳ kinh nguyệt cuối cùng của bà năm bà 26 tuổi. Chính thế mà một lần vì không thể giả vờ buồn phiền với những chuyện của bà, chúng tôi cùng bà tính toán. Bà đã làm những tính toán của chúng tôi bị đảo lộn, chúng tôi ngạc nhiên, bởi vì bà sinh năm 1890, mà lại nói là sinh vào năm 1916, tháng 5 - tháng mà người em trai Joseph của bà chết trận.

Đích thực đây mới là điều mà bà nói với chúng tôi. Bà băng quơ nói đến những tính toán bí hiểm của bà. Nỗi khổ đau được giữ lại quá lâu và thâm kín, nhục dục bị kìm nén như kìm nén những giọt nước mắt, hai điều chết người này cứ làm cuộc đời bà mãi mãi rối loạn bất bình thường.

Khí gaz xuất hiện trên chiến trường từ một năm nay, tại mạn bắc Ypres, trong trận Steenstraat. Chính vì vậy nó có tên “khám phá Ypres”. Người phát minh đã không quá hãnh diện đến mức gắn tên mình vào khám phá đó như người ta vẫn làm khi gắn tên Pasteur vào phương pháp tiệt trùng^[70] hay Lecoq vào hóa chất gali - từ chữ gallius^[71], và chẳng phải vì cách gọi gô-loa này mà làm các nhà hóa học Đức tức tối đến lượt họ trả thù, 5 năm sau đó, khi đặt germani^[72] cho phát minh về một chất kim loại. Có lẽ người ta đã nghi ngờ cái thiên hướng gắn tên địa danh vào phát minh, cái Uber alles nào đó. Trong cái bí mật của phòng thí nghiệm, khi thử nghiệm những mớ hỗn hợp khí clo lên cơ thể những con vật hy sinh nhỏ bé - ở chân trời của những nghiên cứu này là những cánh đồng chết tương lai - nhà nghiên cứu bạo tàn không phải không biết anh ta đã vi phạm công ước La Haye. Qua công ước này, các quốc gia hay đánh nhau đã thỏa thuận, để đỡ tổn xương máu, họ sẽ tiến hành cuộc chiến tranh sau một cách quy củ, theo tinh thần hiệp sĩ thần bí và có khoa học, giống như phiên bản mở rộng ra khắp hành tinh của Cuộc đấu giữa Ba mươi hiệp sỹ, một cuộc đấu mà ở đó người ta chém giết lẫn nhau trên đấu trường của 3 tỉnh, không giới hạn chu vi trường đấu, cũng chẳng bồi thường cho các sinh linh nghèo hèn - những người chưa hề bao giờ có can hệ tới các cuộc cưỡi ngựa đấu giáo của các vương công cả. Nhưng đó là vào thời bình, khi những người khỏe mạnh tự mừng rỡ ra rằng họ là những người ồm ồm biết điều. Hãy thử đề nghị Joseph đừng la hét khi phổi ông bị thiêu cháy xem! Từ mấy tháng nay, 30 hiệp sỹ đã nhân lên thành hàng triệu người, chết chóc, mệt rũ. Cả ngàn người sống dở chết dở bị chôn vùi trong bùn ở Samme và Marne. Họ u mê vì mất ngủ, bị ném vào các cuộc phản công chết chóc để giành giật một ngọn đồi và ngày hôm sau kẻ thù chiếm lại, để tàn sát sạch sành sanh cả hàng sư đoàn. Họ là những con tốt được di chuyển trên bản đồ bộ tư lệnh theo những kế hoạch điên rồ: kế hoạch Nivelle, kế hoạch Schlieffen chống kế hoạch 17, toàn những trận giáp lá cà như hươu bị cột vòng cổ chết dí trong những móng gạc của chúng. Nếu như ở Fontenoy, kỷ luật của cuộc chiến đã tỏ ra rất có hiệu lực cho việc duy trì trật tự đoàn quân, thì lần này, dưới tác động của khí gaz, các vị chỉ huy không còn phân biệt được khoảng cách cự li ra sao, thành ra những kỷ luật đó đã tạo ra những cảnh tượng như kiểu lò mổ hay bãi đầm bẩn thỉu. Nhà hóa học hèn mọn đã có công trạng

khí tạo ra một áp phe khá hời: 1 ki-lô-gram thuốc nổ giá 2,4 mark, trong khi cũng trọng lượng đó của khí clo giá chỉ 18 pfenning^[73] mà lại gây ra được những tàn phá ghê gớm. Phải chi tới hàng tỷ cho các chủ lò rèn, với khí gaz, chỉ cần nhắm mắt lại là thấy chiến thắng với giá 3 xu.

Chính như vậy mà Joseph đã nhìn thấy ánh bình minh màu ô liu hùng lên trên bình nguyên Ypres. Buổi sáng đó, Thượng Đế cùng ở với họ. Ngọn gió quái quỷ đẩy làn khói màu xanh bay nặng nề là sát mặt đất về hướng phòng tuyến quân Pháp, quỳên vào mảnh đất gồ ghề, lồi lõm, lợt thỏm trong các hố, móc ngoắc vào các mấu và đường viền dây thép gai, như ngọn thủy triều dựng đứng ở biển Đỏ đã từng nhấn chìm đoàn chiến xa của quân đội Ai Cập.

Viên sỹ quan ra lệnh nổ súng. Ông ta ngờ rằng nắp phía sau làn khói ấy là một cuộc tấn công quy mô. Đây là lần đầu tiên người ta tàn sát gió. Loạt đạn làm bùng tỉnh binh lính mà vẫn không hãm được bước tiến của làn khói loang rộng, hầm hập và không gì có thể thay đổi hướng dịch chuyển. Giờ đây nó đã gần chạm vào họ. Những người lính đưa cánh tay vô nghĩa lý lên che bịt mắt hốt hoảng hỏi nhau không biết người ta đã phát minh ra cái trò độc địa gì nữa cho họ đây. Những làn khí gaz đầu tiên lợt vào giao thông hào.

Thế đấy. Trái đất không còn là một chấm tròn xanh kỳ diệu được chiêm ngưỡng từ đáy sâu vũ trụ. Phía trên vùng Ypres đã trải ra một vệt bản kinh sợ màu xanh lục nhạt. Dĩ nhiên, cái bình minh mêtan của những buổi sáng đầu tiên trên thế giới đã chẳng hiểu khách, cái thế giới màu xanh lơ mà con người vẫn thêm muốn, không hơn gì cuộc sống của chúng ta, nó không vĩnh cửu, ngay cả ánh sáng mặt trời, cũng bị nhiễu loạn. Nó chuyển màu tùy theo mùa của tự nhiên và tùy theo sự khắc nghiệt của những con người với bộ mặt đỏ tía hay vàng nghệ. Nhưng rõ ràng cách tô màu lục ánh hồng dọc theo Ypres kia là thuộc về một ý định xấu xa tởi tệt. Lúc này, làn sương ngấm khí clo đã bò vào các đường hầm, luồn vào mọi nơi trú ẩn (nóc hầm che bằng những tấm ván gá đơn sơ), chui rúc vào các công sự đào tạm bợ, len lỏi giữa các tấm vách thô sơ ngăn giữa các hầm, rúc sâu vào các phòng ngầm dưới đất mà đến lúc này còn thoát khỏi những quả đạn pháo, làm cho hàng tiếp tế và các đồ đựng nước dự trữ đổ mồ hôi, khắp mọi nơi, đến mức

không thể tìm đâu ra, cuồng loạn tuyệt vọng, một ngum không khí có thể thở được. Những người lính gần như phát rồ trong nỗi đau đớn dữ dội. Phản xạ đầu tiên là vùi mũi vào trong chiếc áo va-roi nhưng khí ô xy dự phòng ở đây đã giảm đến mức chỉ hít ba hơi đã hết. Lại phải rút đầu ra và, sau vài giây dài đằng đẳng ngừng thở, lại phải hít cái thứ không khí hồ lồn khủng khiếp. Thật sự chúng ta không bao giờ được nghe những ông già 20 tuổi này, mà sự chứng kiến của họ có thể giúp chúng ta dựng lại cái sự kiện khủng khiếp: Mắt, mũi, cổ họng bỏng rát không thể chịu nổi, đau đớn đến nghẹt thở trong lồng ngực, ho dữ dội xé rách cả màng phổi và phế quản, làm bật cả nước dãi pha máu ở khóe môi, cơ thể co gập lại oằn oại cùng nồn mưa tóa mùi hăng hắc, người đổ sụp co rúm - thần chết chắc chẳng mấy nữa đến lượm mang họ đi: những người dũng cảm nhất đạp bừa lên đầu họ, bấu tay vào thành hầm tăng-xê muốn nhoi lên nhảy ra ngoài, mong thoát khỏi cái cảnh lúc nhúc của những con sâu người này, nhưng chân vướng vào dây điện thoại móc dọc theo thành hầm, và kéo theo đất đai sụt lở làm lộ ra từng khúc các xác chết từ mùa thu được chôn qua loa trong ụ đất và khi vừa nhoi được lên khỏi mặt đất, họ nặng nhọc chạy trốn trong làn khói màu xanh, trong miền đất trũng hôi thối, một cẳng chân bất thành linh thụt vào lớp đất sét nhão nhoét và do cố rút chân ra, phổi họ căng phập phồng dự dội, rồi họ ngã nhào vào những vũng nước lộn mưa, chân tay phủ đầy bùn lạnh như băng, thân hình luôn đảo đảo vì những tiếng nổ ran rất bồng, và cuối cùng có người vượt qua được làn khói - ôi không khí mới trong lành mát mẻ làm sao - thì gặp ngay cái công thức cũ kỹ của chiến tranh: một trận bom dồn dập tiêu diệt nốt những người còn sống sót này. Chỉ những người may mắn lắm mới về được tuyên sau. Joseph nằm trong số đó, được một người vô danh tốt bụng thu lượm đưa về che chở, nhưng ở trong tình trạng rất đáng ngại: bị nhiều vết thương sâu, có thể phải cắt một lá phổi. Ông được đưa về Tours, điều này không phải là một dấu hiệu tốt lành. Ông thấy là sắp trở về nhà mình và đối với ông chiến tranh vậy là đã chấm dứt. Ông vẫn còn đủ sức gật đầu đồng ý để các bác sỹ chăm sóc cho ông. Cái nạn của ông khiến những người khác phải ghen tỵ. Nhiều thương binh không còn tinh táo để kê xác các nữ y sỹ cắt đi một lá phổi với lời hứa họ sẽ nâng niu chiều chuộng lá phổi đó.

Ngay lập tức, một trung đoàn lính Marôc được điều đến đánh chiếm lại những vị trí đã mất. Khí gaz vẫn chưa tan hết, nhưng những con người của sa mạc này đã quen với thứ gió cát chọc vào mắt và phế quản.

Cuộc hành trình xa đến tận Touraine. Đoàn xe chạy rề rề để không hành hạ thêm những con người đang đau đớn quằn quại. Xe cứu thương không phải loại chuyên dùng, các hệ thống treo trong xe sơ sài, đường sá đầy ổ gà làm thương binh rên rỉ phàn nàn suốt. Joseph tỏ ra rất sốt ruột. Chả biết chặng đường của ông sẽ chấm dứt ở đâu, tốt hơn hết cứ kéo dài đến vô tận, làm chậm lại việc đến đích của ông. Nhưng ông rên đau dữ dội. Đã qua Chartres, Châteaudun, Vendôme - chẳng mấy nữa sẽ tới nơi.

Các thương binh sốt cao, nói lảm nhảm, khuôn mặt co giật khủng khiếp như những ảo giác lặp đi lặp lại về những hình ảnh tưởng tượng của địa ngục, những cơ thể một nửa bị băng kín, rách bươm xác xơ, thây phoi trên hàng rào thép gai, những con người xanh xao như chim sáo đá bị nhốt trong lồng. Đối với họ, dường như niềm an ủi cuối cùng là được nằm dài, được chờ đợi cái chết đến giải thoát trong tư thế má áp vào nền đất ẩm ướt thế mà cũng bị từ chối. Họ xô vào nhau ngã nghiêng vì những viên đạn lạc. Trong bầu trời bị xé rách tơi bời, những tia chớp giật, nhìn họ mà nghĩ đến cảnh tượng Icare^[74] bị rơi cánh trước khi ôm chặt lần cuối cùng còn cát màu mỡ, miệng há ra cứng đờ vì hãi hùng, ánh mắt kinh ngạc vì nỗi đau mà người ta tự vận vào mình. Chiếc mũ bị hất lật nhào chứa đầy một thứ nước trong chất từ vũng bùn, tạo thành bồn nước hoa mỹ cho loại chim bồ câu soi mình. Song bây giờ chim đã bỏ bầu trời sấm sét đẫm máu với những vòng lửa này mà bay đi. Chỉ còn lại những con chim bồ câu đáng thương có nhiệm vụ mang những thông điệp bí mật, thả bay trong bão táp. Súng của đối phương cứ nhắm vào chúng mà bắn. Họ khoái chí vì bỗng dưng được tham gia vào trò không chỉ đơn thuần là một cuộc bắn chim câu. Người ta nghe thấy những tiếng reo hò vui sướng như trẻ con vang lên từ công sự của đối phương, khi vị sứ giả bị trúng đạn rơi bịch xuống. Chưa bao giờ kẻ thù bị nguyên rủa như lúc này, bởi chính con chim bị bắn hạ có thể mang theo giải pháp cho nỗi bất hạnh.

Cảnh tượng thật thảm thương. Mảnh đất trần trụi không một bóng cây chôn vùi trong đó những cơ thể dân cày cùng những gốc cây đen kịt lộ ra tua tủa, chứng tỏ đây vốn là một lùm cây xanh rậm rạp. Khắp nơi bùn lầy. Đất sét không còn ra hình thù gì, được trả về trạng thái chất liệu với những đặc tính hư ảo của nó. Bùn tanh tươi trộn lẫn với mùi hăng hắc của thuốc

súng cháy và mùi xác chết chất đông ngâm trong hầm hố, thành ra thứ bùn này khiến mùi các xác chết (đã ngâm từ hàng tuần cùng với quần áo mặc trên người) vẫn gần như có thể chịu đựng được. Thật thảm thương lúc những tiếng ồn ào tắt ngấm ngọn gió lạnh lẽ truyền đi những tiếng rên rỉ của những cuộc sống, bị chặt đứt nổi lên trên nghe rõ mồn một như những thông điệp tiên tri thấm vào xương thịt những kẻ còn sống sót, lả đi trong câm lặng, khiến họ rã rời tan ra. Thật là thảm thương khi đêm xuống mà sự đau đớn vẫn không vơi đi. Đêm không còn là lúc bình yên thú vị hiếm có. Đêm tối chỉ là thời điểm đợi chờ cái chết treo lơ lửng và của giấc ngủ tội phạm. Đêm tối chỉ làm những khuôn mặt trở nên tối đen. Sáng sớm ra, người ta thấy những người lính bị chặt đầu. Thật thảm thương khi ban mai vừa lộ ra là đạn pháo vang rền, khúc dạo đầu của một cuộc tấn công ồ ạt. Pháo rền vang khiến bầu trời tối sập và e rằng mặt trời chắc lặn sớm trước giờ. Thật thảm thương với cơn mưa rả rích dầm dề rửa đi rửa lại vết bẩn khởi thủy, biến mảnh đất thành nơi ô uế. Mưa tràn đầy các hố đạn pháo, dìm lấp người lính trong bộ đồ kỳ cục. Mưa chảy thành suối trong các công sự, làm sụt lở những ụ chắn bằng cát, len lỏi qua cổ áo và giày, làm quần áo trở nên nặng trĩu, làm xương cốt như tan chảy, ngấm tận vào trung tâm quả đất, như thế thế giới chỉ còn là một miếng bọt biển thấm nước, một đồng lầy khủng khiếp cho những linh hồn đau khổ. Mưa trút xuống đoàn xe, rơi lộp bộp trên mui xe cứu thương, bắt chợt dịu đi, gần như thân thuộc, dưới những ngọn đèn pha, những giọt mưa biến thành hàng hà sa số những con đom đóm nhỏ, những viên ngọc sáng nhoáng nhảy nhót nhịp nhàng dưới lòng đường, xuyên qua những thành phố tối tăm, và tiến gần về thành Tours, rồi bình minh lên, mưa chảy vào lòng sông, dưới chân những bồn hoa kiêu cung đình của nước Pháp già nua.

Joseph sẽ không chết. Người chị gái Marie của ông đã làm một chuyến đi từ Random đến Tours cùng với một mớ phù hiệu thánh vừa tới nơi bà đặt ngay dưới gối em trai và cả dưới gối những người bạn bất hạnh của ông. Tất nhiên, để làm điều này, bà phải chờ lúc các cô y tá mặc áo tạp dề trắng luôn thoăn thoắt đi lại giữa các giường bệnh như những diễn viên ba lê Nga, quay lưng đi. Một vài cô, chỉ tin vào khoa học và phẩm hạnh theo thuyết Đê-các của họ, nổi giận với những thứ phù hiệu màu xám xịt này. Đối với các cô, phải có moóc-phin công việc mới trôi chảy. Bởi vì thứ moóc-phin công hiệu này rất hiếm. Bị nài gọi từ tứ phía, các cô định liều lượng moóc-phin rất cẩn thận, chia ra theo hệ số kinh nghiệm: tăng liều cho những người rên la, gần chết. Khi thiếu moóc-phin, các cô bịt tai, hét to hơn tất cả những người đang đau đớn cộng gộp lại. Cuộc chiến tranh này đi quá xa. Ai cũng nghĩ đó sẽ là cuộc chiến cuối cùng. Đối với Joseph và với cả hàng triệu người khác, chắc chắn vậy.

Ngồi ở đầu giường người em trai, bà Marie không chậm trễ bắt tay ngay vào công việc. Bà lôi chuỗi tràng hạt ra, chọn trong số những Đức Chúa của bà một vị chịu phạt sự về các nỗi đau - đó chính là Chúa Christs, không phải, các thánh tử đạo khác bị phanh thây, hành hạ, bị dội nước sôi không xứng đáng - và vừa đọc kinh vừa lần tràng hạt, bà khấn cầu trút thêm lên đôi vai thợ mộc thô kệch của bà tiếng kêu rên thoát ra từ lồng ngực của người em trai. Đáp lại - bà tìm kiếm những gì bà có thể hiến dâng, vì bà chỉ có độc một mình - và thế là, bà hiến dâng cái ham muốn mà hằng đêm nó xâm chiếm cõi lòng hiến dâng cái tinh túy nhất trong cuộc đời phụ nữ của bà. Cuộc đời đời lấy cuộc đời, giao kèo thật lương thiện. Và rồi, Joseph lấy lại thần sắc, gượng dậy trên giường, đòi ăn. Mùa xuân đã về trên Touraine, sông Loire đã gập lên với những con nước băng tan, trong cốc thủy tinh có những đóa hoa huệ chuông cuối cùng. Ông gọi khả năng sắp được trở về, giả vờ hào hứng, chọc ghẹo cô trực phòng, hứa sẽ cưới cô ta ngay sau khi khỏi bệnh. Cô cười (đây ít nhất là lời đề nghị thứ 20 đối với cô). Bà Marie cũng bật cười tỏ vẻ kiêu cách đáng yêu. Rồi Joseph lại cảm thấy mệt, ho chút ít, muốn nghỉ ngơi. Ông nằm dài, hai cánh tay duỗi thẳng, mi mắt khép rủ xuống. Sau phút chốc thuyên giảm, tiếng rên trở lại, sốt và nổi ám ảnh về một chiến trường khủng khiếp. Khi chiều xuống, người thanh niên có nước da nhợt nhạt bước vào giai đoạn hấp hối. Lần này ông bác sỹ trưởng nói không còn hy vọng. Cô y tá trẻ được hứa hôn nhẹ nhàng đi lại trong cảnh

tranh tối tranh sáng, để không làm phiền những người đang ngủ. Cô đặt một miếng khăn ướt lên trán Joseph, kéo chăn trùm ngực cho ông, và khi ông ho dữ dội người dựng trên giường, cô đỡ ông trong cánh tay như đỡ một đứa bé và bón cho ông một thìa xi-rô. Trời sáng, luồng ánh sáng chói chang tràn ngập vào căn phòng chung rộng thênh thang, và người ta nghe thấy trong sự yên tĩnh của bình minh tiếng vỗ bập bênh của con sông, thì đôi mắt ông Joseph đã cứng đờ một cách sợ hãi. Bà Marie đến đầu tiên, nhận ra điều này. Người ta nói với bà rằng vẫn chưa phải đã chấm dứt, nhưng phải chuẩn bị đón nhận nó. Cái chết đến vào lúc giữa chiều, một cách nhẹ nhàng.

Rồi cái chết của Joseph được thông báo chính thức - tên ông được ghi trên một bức tranh thánh như một người yêu nước, bán giá 0,05 quan ở nhà cha xứ vùng Commercy (quận Meuse, có đặc sản bánh táo Madolen). Bức tranh được viền một dải băng đen mỏng u buồn phía trên có ghi tiêu đề của cuốn tiểu thuyết hùng ca: “Chiến trận” và phía dưới dòng chữ nhỏ hơn của một nhà xuất bản: “nơi đây trong những năm 1914-1916, máu nước Pháp đã chảy thành dòng”. (Cuộc chiến vẫn còn kéo dài. Người ta thông báo một cuốn sách nhỏ sẽ ra mắt sau chiến tranh viết về tất cả những gì đã xảy ra ở đây). Cạnh bức tranh là một cây thánh giá cỡ to chính giữa có hàng chữ kết tên chúa Christ, xung quanh là tên những vùng thảm khốc: Artois, Serbie, Dardanelle, Marne và Meuse, Lorraine và Alsace, Argonne, Yser. Toàn bộ những làng xã bị thiệt hại cũng được thống kê ra theo số chôn người do được, thành thử Viny cũng được viết to như Lens, Dixmude như Ostende, Les Epargnes như Nancy. Bức tranh này nhắc nhở cho mọi người phải biết ơn Đức Chúa Trời vì cuộc chiến thần kỳ và cũng nhắc nhở tình đoàn kết trên mặt trận của chúng ta. Và nếu như cuộc chiến như đã được viết ra có được cái điều thần kỳ này, có nghĩa là nhờ có được cây thánh giá Clovis^[75] trong bầu trời Tolbiac^[76], có được Thánh Genevieve^[77] phóng thích Paris, có được Jeanne d’Arc Orleans và Léon đệ nhất^[78] cứu vớt cuộc sống cho những người dân Rôma, thì đó có thể là do Đức Chúa Trời đã phù hộ cho chúng ta, giống như người cha quá ngao ngán trước những đứa con của mình sử dụng sự tự do của chúng vậy, thành ra ai cũng được Người dành cho cùng một lòng thương xót, cùng một tình yêu sâu nào như nhau.

Ký ức về những người anh hùng được biểu lộ thật thương yêu kính cẩn, đặc biệt theo những gì mà người chị gái Marie của Joseph đứng ra gánh vác thực hiện: khắc tiếp tên Joseph với nét chữ khá nắn nót - bà lúc đó là cô giáo trẻ - giúp tên ông trở nên như dòng suối nhỏ, đổ vào con sông ngâu đỏ rộng lớn, đổ về lỗ huyết ô uế. Bà Marie mất 2 người em trai trong lịch sử (cái lịch sử giả định vì đã từng một lần trùng hợp với lịch sử của chúng ta, thành ra cái lịch sử chẳng ai ưa thích), tên của họ đã được ghi thêm vào bên lề bởi vì đối với những người bình dân và lính bộ binh quèn, cột ghi tên họ khá hẹp theo một mẫu khai in sẵn, chỉ đủ chỗ ghi tên và tên phải ngắn và phần lề khá rộng, nằm dọc trên những tượng đài liệt sỹ chạm khắc theo lối thể hiện chúa Jésus roi thánh giá. Dòng chữ bà Marie ghi thêm lên lề mang một ý tưởng cứu rỗi của người cộng hòa, át cả những cột ghi tên: “21 tuổi, bị thương ở Bỉ, hy sinh tại Tours, ngày 26 tháng 5 năm 1916”. Lời bình luận ngắn ngủi này giúp Joseph thoát khỏi cái đêm tối lãng quên dài đằng dặc.

Giữa hai ranh giới, trong cái khoảng trống bỏ lửng này, với thứ mực tím bị thời gian xóa nhòa, bà Marie đã ghi cái điều bí hiểm cần phải làm sáng tỏ về một cuộc đời đã chấm dứt. Bà Marie cho chúng tôi biết ở tuổi 14 La Pérouse^[79] đã điều khiển cả một thuyền chiến 3 cột buồm khéo léo đến mức 7 năm sau người ta vẫn nhớ đến La Pérouse như một thợ xẻ đại dương kỳ cựu, nhưng cũng vào tuổi 21, Joseph rời làng quê để chết và chỉ thấy có cảnh tàn phá, cảnh hỗn tạp của các toa tàu đen chở súc vật được dùng chở binh lính và mảnh vải bạt của xe cứu thương trùm lên đôi mắt bệnh hoạn của ông. Joseph có thể chưa hề biết đến một người đàn bà. Joseph bị vút mạnh vào giữa cái địa ngục của cong người. Joseph còn rất trẻ so với cái hành động tâm cỡ này, “Joseph chết ngày 26 tháng 5 năm 1916”, bà Marie viết ra như vậy.

Một năm sau đến lượt Emile hy sinh. Chỉ một năm thôi mà tên của hai anh em cách nhau quá xa trên danh sách những nạn nhân chiến tranh dài bất tận nơi tượng đài liệt sỹ: Joseph ở cột những nạn nhân năm 1916, Emile trong cột năm 17. Tên của họ cách xa nhau đến mức họ là anh em ruột thịt mà như chỉ là quan hệ họ hàng, chỉ ai tò mò chú ý tới sự đồng âm mới nhận thấy. Có lẽ nếu đặt cạnh nhau, người ta sẽ nghĩ họ đã cùng hy sinh trên một mặt trận, cùng ngã xuống bên cạnh nhau, cùng bị một quả tạc đạn quét đi. Với cái chết thứ hai này, bà Marie không còn nước mắt để mà khóc nữa, bà chia sẻ nỗi đau với Mathilde, người vợ góa trẻ, mẹ của bé Rémi. Cha Rémi chỉ biết mặt con trong lần nghỉ phép ngắn ngủi nhân dịp bé ra đời. Lúc ấy là đêm, với bộ quân phục, Emile bước vào phòng khê khàng lại gần chiếc nôi cẩn thận nghiêng mình để không trút xuống cái vật nhỏ bé đang thiu thiu ngủ kia những xáo động của chiến tranh - vui sướng ngỡ ngàng trước đôi bàn tay nhỏ xíu nắm chặt của bé trong những giấc mơ trong trắng, trước mái tóc thiên thần, nét viền tinh tế của đôi mắt đang say ngủ, các đường ven trong suốt, hơi thở của bé mát dịu không thể diễn tả được lướt nhẹ trên bàn tay đầy thương tích của Emile như muốn nói khẽ hãy im lặng. Vén tấm vải Mu-xơ-lin lên, Mathilde giới thiệu tác phẩm với người đàn ông vĩ đại của cô. Bởi cô thấy anh vĩ đại trong bộ đồ lính buồn tẻ ám mùi hôi, bụi bặm, toát ra nỗi bất hạnh của nghề lính chiến. Cô đọc được trong những nét cứng cỏi, trong những nếp nhăn mới xuất hiện trên khuôn mặt quanh miệng và trên vầng trán của anh sự ác liệt mà anh phải chịu đựng nơi chiến trường, sự dũng cảm anh khơi dậy từ chính lòng mình. Cô không dám nói với anh về những thiếu thốn mọi bề của hậu phương, về những nhiệm vụ gay go vốn thuộc về đàn ông mà cô phải tự quyết định một mình, về sự chán nản của cô, về cái lễ Noel vô vị không có anh bên cạnh, về cái máng ăn gia súc bé tẹo ^[80] bất chấp tất cả vẫn luôn đặt trên chiếc tủ com-mốt cùng với giấy bọc giả làm ngọn núi và biến cái góc Palestine này thành một thứ cảnh quan như ở Magdala ^[81] Cô cảm thấy đầy biết ơn và thương xót. Một tay quàng qua cổ anh, cô thú nhận sự thiếu thốn tình yêu đến dữ dội. Anh chia sẻ với cô nỗi cô quạnh, tay đưa nhẹ nôi, ngây ngất với mùi nước hoa dịu dàng tỏa ra từ người đàn bà có điểm chút phấn son. Cô đã chờ đợi đằng đằng đến mức không còn dám chắc người đàn ông đang đứng trước mặt là người mà cô đã mong ngóng ngày trở về một cách tuyệt vọng. Bây giờ ngắm nhìn anh sát gần, cô phân vân không biết khổ người anh có vừa với chiếc áo len cô đan.

Khi đan chiếc áo này cô vòng hai cánh tay lại, ôm ghì tưởng tượng, ước lượng theo trí nhớ tầm vóc người chồng, nhớ lại vị trí cô vùi đầu vào. Bây giờ cô áp trán vào đôi vai này còn anh lần lượt tháo từng chiếc kẹp tóc, khéo léo như người bắt chấy, đặt trên chiếc bàn ngủ, để sáng hôm sau cô lấy lại cặp tóc. Anh làm việc này sau khi đã chuyển đứa bé cho cô vì nó thức dậy và khóc. Nó khóc tới lúc được đặt trên tay người mẹ và bắt đầu bú chùn chụt mới thôi. Những giọt sữa chảy ra từ miệng nó. Sau khi bé đã bú thỏa thuê, người cha bế bổng nó lên ở đầu cánh tay trong ánh bình minh xanh mờ, mà nếu bé tè thì cái dòng cảm hứng màu trắng sẽ làm bắn bộ quần phục dạ màu xanh. Nhưng Emile chẳng hề bận lòng đến chuyện ấy. Từ nay anh cảm thấy có một sức mạnh diệu kỳ để vượt thoát mọi thương tích trong các trận đánh sắp tới, vững tâm như một nghệ sỹ múa vượt qua làn mưa đạn, vì được bao bọc kỷ niệm về đứa con hoan hỉ, sinh vào ngày 2 tháng 12, ngày kỷ niệm Austerlitz^[82] và Lễ Đăng quang, một dấu hiệu không thật rõ là gì song không bao giờ Rémi quên nhắc mỗi khi tới ngày sinh nhật.

Đám tang Emile đã không có Emile. Trong nhiều năm Mathilde trầm lặng trước ngôi mộ rộng không. Dấu sao thì chồng của cô cũng đã chết. Thi thể anh đã được nhận dạng chính xác. Về sau cuộc chiến quá khủng khiếp tới mức chẳng chừa các y tá, bác sỹ nữa. Công việc chuẩn bị cho bãi pháo hạng nặng trước một cuộc tấn công quy mô đôi khi kéo dài 8 ngày, mà trong 8 ngày đó mục tiêu cần tiêu diệt chịu một lượng đạn pháo dội xuống đủ để xóa sổ một quốc gia khỏi bản đồ. Những kẻ bất hạnh, bị đất vùi lấp đến mức không thể cựa quậy, tai ù điếc vì tiếng ồn ỉn ỏi, không thể vớ tay lấy bình nước, phải nhịn ăn hằng mấy ngày trước khi đoàn hậu cần tới nơi (những vị anh hùng không vũ khí tiến lên theo các đường hầm khênh một cái nồi to tưởng để khỏi sóng thức ăn ra ngoài cùng những túi dết đầy bánh mỳ; ngủ chập chờn trong giao thông hào, tin chắc thế giới đến ngày tận thế cũng chỉ còn là cái lò lửa khủng khiếp. Những xác chết bị bỏ rơi lún sâu dần vào trong đất sét, trượt vào lòng hố bom mìn, rồi chẳng mấy chốc bị chôn vùi dưới lớp đất. Họ loạng choạng trong đợt xung phong, luôn vấp phải cánh tay như cổ vươn ra khỏi đất, hay bàn chân, và ngã nhào đè lên xác chết. Họ lầm bầm chửi thề - chửi mình và chửi cả người chết. Những cái ngáng chân thâm hiểm của người chết như là một lời mời chào khôn kiếp. Nhưng nhờ những cú ngã ấy người ta mới tháo gỡ được những tấm thẻ quân nhân khỏi cổ người chết, cứu vãn cho bao người vô danh này khỏi một tương lai không được ai nhớ tới, đưa họ trở về trạng thái dân sự, bị kịch của

người lính vô danh là đã đánh mất sự sống và tên tuổi cũng không ai hay. Chính vì vậy mà người ta đã thông báo cho vợ Emile là anh đã chết, thì thể được chôn vùi ở vùng Hauts-de-Meuse. Nhưng giả sử Emile đã để thất lạc tấm thẻ quân nhân của anh và một người khác đã nhặt được nó thì sao? hoặc giả đã đổi cho một đồng đội vì một dàn xếp bí mật nào đó hoặc để gây phức tạp cho viên hạ sỹ quan dân dõn thì sao? Emile đã chết thật rồi sao?

Có những tù binh rất lâu mới trở về, đôi khi hàng năm sau khi chiến tranh kết thúc. Như vậy niềm hy vọng chưa phải đã tắt. Theo một vài nhân chứng, ít nhiều đã có những người làm lại cuộc đời ở mặt trận phía Đông. Một số người vốn chỉ làm công cho các phú ông tìm thấy trong đôi mắt xanh của phụ nữ Ba Lan nào đó một vài ác-păng^[83] đất mà họ không có được ở quê nhà. Những người không có của hồi môn coi Tổ quốc không đáng phải mang ơn hơn những người phụ nữ cô đơn đang tìm kiếm những tay đàn ông quả cảm. Rồi những câu chuyện kể về những người lính đói khát, đi lang thang giữa những vùng hoang lạnh lẽo, và được các bà mỗi lái rình đón nhận về. Một miếng bánh sandwich một chút hơi nóng đôi khi cũng đủ níu giữ những con người khôn khổ này ở lại. Nhưng chẳng nhẽ Emile lại phải đi tìm kiếm ở nước khác những gì anh đã có ở quê nhà?

Niềm hy vọng rồ dại về việc chồng có thể trở về cứ héo mòn theo năm tháng, Mathilde đã có lúc tìm kiếm niềm an ủi trong sự cứu rỗi của tôn giáo, tất nhiên không như bà chị chồng Marie, mà theo cách của riêng cô, có tính tạm thời hơn, có nghĩa là, như lời đồn đại, năng đi lại với một vị thầy tu rất quyến rũ. Tuy nhiên, sẽ là quá đáng nếu tưởng tượng ra rằng họ đã lén lút hôn nhau. Nhiều nhất thì họ cũng chỉ mới là thấy thích thú khi chuyện trò với nhau, cùng thêu dệt về đề tài chung xung quanh nỗi cô quạnh của họ - những cuộc tán gẫu thăm thiết cũng vừa đủ cho hai người như mỗi tình cảm lặng. Suy cho cùng Chúa Jêsus cũng là một chàng đẹp trai: Chính các bà thách thức tòa án Do Thái và luật lệ La Mã, chính các bà là những người đầu tiên xuống mồ, và để đền bù sự chung thủy này, các bà được hưởng một điều mới chưa từng có: sự Phục sinh. Thánh Paul^[84] đã viết ra những điều khá mỹ miều được mọi người cảm phục, nhưng khi người đến Ephense^[85] hoặc Corinthe^[86], thì không còn một ai muốn nghe cái anh chàng lùn tịt nói lấp này nữa. Vị thầy tu đã nhận được từ thượng đế một khuôn mặt thần

thánh sử dụng vào việc lôi kéo những con chiên^[87] lạc bầy trở về đàn. Là con ong thợ ngay từ những giờ đầu tiên, bà Marie nuôi dưỡng cho những con chiên này một tính cách dữ tợn hoàn toàn theo giáo phái Gia-cô-banh^[88] vì nó mà những cây thuốc lá cảnh của Mathilde phải chịu khôn chịu khổ.

Phải mất 10 năm lá thư từ Commercy mới tới tay chúng tôi. Đối với Mathilde, nó đánh dấu sự kết thúc tuổi xuân, đánh dấu cái thời điểm từ bỏ ý chí rằng từ nay, nếu vẫn còn mơ mộng thì cảm chỉ không được tưởng tượng ra rằng những điều mộng mơ một ngày nào đó sẽ thành hiện thực. Ngay sau bức thư chia buồn, mọi người hiểu rằng điều hy vọng chẳng bao giờ đến cả, rằng không có điều kỳ diệu, chẳng có chuyện người phụ nữ Ba Lan với đôi mắt to nắm tay chàng trai người Pháp bé nhỏ lịch thiệp, cũng không có chứng hay quên, mà rằng Emile đã chết. Đơn giản là trong thư người đồng đội của anh thông báo anh được mai táng sơ sài dưới gốc cây bạch đàn và anh ta vẫn có thể tìm lại cây này nếu gia đình muốn đưa xác Emile về - điều này, dường như là ước muốn của người chết và lý do chôn cất lén lút là để tránh cho Emile khỏi bị chôn tập thể hoặc bị thối rửa ngay nơi chiến trường. Những dòng chữ nhòe đi dưới mắt Mathilde, kèm theo cái chớp mi là dòng nước mắt trào ra tuôn rơi xuống lá thư. Bây giờ cô khóc không phải vì cái tin Emile chết nay được xác nhận rõ ràng - cô đã đón nhận cái tin ấy cách đây 12 năm - mà vì nó chấm dứt sự đợi chờ, khắc khoải của cô, mọi hy vọng đã khép lại. Cô nhẩm tính niềm hạnh phúc có được trong thời xuân sắc bị chôn vùi, và bảng tổng kết quá nghèo nàn, quá cùn con: cô đã chịu biết bao khổ ải nhọc nhằn để được hưởng quá ít lợi lộc.

Mùa đông năm 1929 là một trong những mùa đông khủng khiếp nhất. Ngày mùng 2 tháng 2, người ta tìm thấy xác một người say rượu bị băng phủ cứng trong tư thế đứng dựa vào một thân cây (theo báo Người đưa tin Cửa sông). Ngày mùng 5, Brière, vùng đầm lớn thứ hai ở Pháp sau Camargue, vốn trước là vịnh, có những hòn đảo rải rác, qua nhiều năm tháng được phù sa bồi đắp thành đầm, chỉ trong một đêm đã đông cứng lại trong veo như thủy tinh hóa. Những con hải ly, thứ gấu trúc Mỹ từ dãy núi Appalaches^[89] được đưa vào vùng đầm từ hồi đầu thế kỷ để người dân ở đây có thêm chút thu nhập từ những tấm lông thú của chúng nay chết cứng, nửa mình vùi trong băng đá chừng tỏ chúng đã cố tìm cách thoát thân khỏi hang ở bờ đầm (tờ Bán đảo phương Tây). Ngày mùng 8, trong cảng Saint - Nazaire ở Anchorage^[90], một tải buôn bị băng tuyết tích tụ trên cầu sục lơ nhún chìm. Bến cảng và bãi đầm phủ đầy xác chết của loài chim mòng biển, những chú chim nhỏ bé chồng chất lên nhau trắng xóa, đầy gập lại rúc trong cánh mong tìm kiếm hơi ấm cuối cùng. Dòng sông Loire cuốn phăng những tảng băng, một tảng to kènkh tới mức suýt đánh đắm cả chiếc tàu nạo vét lòng đầm cao lừng lững như thị trấn Sain - Florent^[91] - sự may mắn đã giúp con tàu Titanic^[92] của vùng nước ngọt này dạt lên một mỏm ngầm toàn cát. Sau đó, gió biển thổi dồn tuyết lại thành từng đồng, làm tê liệt cả một vùng. Các đoàn tàu hỏa chết dí do các đầu máy dù được trang bị như những chiếc xe gạt tuyết vẫn không dọn dẹp xuể được đất đá ngổn ngang trên đường ray. Những kẻ nghèo khốn khó vẫn thường phải trả giá đắt cho những thái quá của tự nhiên: những người đi kiếm ăn chết cứng vì băng giá trong hố hay trong một lán trại tạm bợ, họ là những người già cô đơn và những đứa trẻ gầy còm ốm yếu, những con chó lang thang và những con chim sẻ ngô.

Piere đã lên đường vào chính thời điểm khắc nghiệt này, bất chấp những lời phản đối của Aline khuyên anh hãy đợi ngày trời đẹp. Cô cho rằng dù ở đâu thì Emile vẫn không thể biến mất ngay được (người ta liên tưởng đến nỗi sợ hãi của các phụ nữ vào buổi sáng lễ Phục sinh họ chạy đến nắm mộ và chỉ thấy dưới đó đáng lẽ một cơ thể được chúa ban phúc lành, thì lại là một mớ những dải băng nhỏ). Sau khi đã uống công thử con đường hành chinh, kiệt sức với những chạy chọt hợp pháp, quá mệt mỏi, Pierre quyết

định tự mình sẽ đi tìm kiếm người anh trai ở bên gốc cây bạch đàn. Anh không chịu lùi chuyển đi sang ngày hôm sau, dù thời tiết thế nào. Thế nhưng có người kháo nhau anh đi là vì chuyện buôn bán, chỉ vì chuyện buôn bán mà thôi không một lời ám chỉ nào về bản chất thực sự của chuyến đi. Nhưng thôi, hãy giữ kín chuyện này chỉ chúng ta biết với nhau. Và, ngày mùng 5, từ sáng sớm, không đếm xỉa đến những lời can ngăn của người vợ, Pierre khởi hành theo hướng Commercy đến sông Loire rồi đến Orléans, và từ đây, lợi dụng đoạn dốc của sông, đến Montargis, Sens, Troyes, Bar-le-Duc.

Mặt sau bức ảnh chụp một thanh niên đẹp trai mặt nhọ nhem, có dòng chữ của Aline, giống nét chữ ghi trong quyển vở chép bài hát của bà. Dòng chữ gọn lỏn: đi Commercy ngày 5/2/1929. Ảnh chụp Pierre ngồi trước vô-lăng chiếc xe to tướng, như chiếc xe buýt. Rõ là xe phải to như thế để dễ dàng cho công việc buôn chuyển đồ sành sứ của anh. Vô-lăng đặt phía phải xe, song không phải như ở nước Anh, mà đơn giản vì thời đó người ta ít sợ những va quệt theo chiều ngược lại hơn là bị sa xuống hố. Cùi tay đặt lên thành cửa kính xe, mặt hướng về người thợ chụp ảnh, anh lộ rõ vẻ mãn, nguyện, có lẽ anh biết rằng những chiếc xe giống xe của anh không đi qua các phố, và càng ít qua đường thôn xã. Có thể xe anh là chiếc duy nhất nên đây là dấu hiệu của công việc làm ăn phát đạt - do vậy anh có vẻ là người có danh vọng, kính mạ vàng và bộ ria mép có điểm những sợi bạc hơi loăn xoăn. Anh trang bị chống rét rất cẩn thận: nào mũ, nào áo măng tô, nào găng tay, nào khăn quàng cổ.

Aline đứng gần cửa xe, dáng vẻ to lớn phục phịch, chiếc mũ thồn thộn chụp sâu hẳn xuống đầu, người ních trong chiếc áo lông cáo cổ chặt trùm kín cả mũi. Trông cô cũng có vẻ duyên dáng nào đó trong chiếc áo măng tô chứa lại bó sát người. Để chống chọi với làn gió lạnh làm dựng cả lông thú trên chiếc khăn quàng, cô cọ xát hai bàn chân vào nhau, thành ra trông cô cứ như giữ thăng bằng người trên mũi bàn chân. Đây thực là một thách thức đối với cái cơ thể phục phịch của cô. Trông cô có vẻ rầu rĩ, lo lắng, bất bình. Pierre thì như đứa trẻ hơn hờ ngồi trước vô-lăng chiếc chiến xa tuyệt vời. Cô biết rằng không gì có thể bắt anh dừng lại được - và về điều này người con trai anh là Joseph thừa hưởng từ nơi anh. Nhưng Joseph không có hình trong ảnh chụp. Có thể Joseph lúc đó là người chụp.

“Em yêu, như anh đã hứa”, Pierre đã mở đầu trang viết trên cuốn vở ghi chép cuộc hành trình như vậy. Đối với anh phải hứa làm bản tường trình thật trung thành mới có tiền cho chuyến đi. Anh phản ánh những trục trặc nhỏ nhất trên đường: miêu tả những lần dừng xe phải đặt đôi tay lên mui xe nóng bỏng, lên cái lò sưởi bốc khói này như thế nào để khỏi rét cóng, nhân viên trạm xăng nóng tính ra sao, cả chuyện con mèo đen chạy qua đường mà anh cho đây là một điềm xấu - dường như được khẳng định bởi vì ngày hôm sau, khi qua Beauce hay Brie (“một sa mạc trắng”), ngoặt tay lái tránh con gà mái, xe anh bị lạng trên một vầng băng và lao xuống hố. Nhờ 2 con bò, xe anh được kéo lên. Anh cảm ơn và mời rượu người nông dân chủ 2 con bò, song bác ta từ chối thẳng thừng như bị xúc phạm, có thể bác ta nghĩ là anh thưởng công. Pierre cũng ghi chép chỉ tiêu vào quyển sổ này. Anh muốn chứng minh rõ ràng chuyến đi không phải là một cuộc du lịch dễ chịu. Anh chọn những quán ven đường khiêm tốn, ăn trưa qua quýt, quảng quàng. Ngay cả nếu tự cho phép một thực đơn chắc dạ hơn ở bữa chiều, thì giữa món thịt bò hầm, gà hoặc vịt quay, anh chọn món thịt bò hầm mà anh cam đoan không thể có được hương vị kỳ lạ như ở nhà.

Xe lăn bánh thận trọng qua cánh đồng đầy tuyết phủ, anh mô tả tình trạng các con đường, phong cảnh, các đoạn chuyển tiếp, sự xuất hiện các hàng rào, đồi núi, sự thay đổi nền văn hóa, những vùng cỏ cây, như một giáo trình ngắn gọn về địa lý có biểu đồ hình vẽ minh họa. Tới Sens, anh ngất ngây hồi lâu trước nhà thờ Saint - Etienne, và tất nhiên ghi chép lại kiểu cách bài trí trong phòng đợi. Anh say sưa phấn khởi tới mức tự hỏi cái nhà thờ với “kịch cỡ bê thế” này mà chẳng gọi lại cho anh hình ảnh người vợ to béo mà anh vừa chia tay. Trên đường đi anh cũng ghi chép về những cửa hàng kim khí, các cửa hiệu bán hàng nội trợ, thỉnh thoảng ghé vào một cửa hiệu (để gọi là có ý niệm), liều lĩnh đưa ra một ý kiến chê bai về một tất dài màu lòe loẹt ở Troyes^[93], xếp hạng các thành phố theo mức độ sạch sẽ. Ở vùng đồng bằng, anh ghi chép những biến đổi của ánh sáng, về khoảng sáng trong bầu trời u ám, về những ánh phản chiếu màu xanh lơ trong sương mù. Tất cả cái màu trắng này làm anh lóa mắt: do vậy anh dán tờ giấy bóng kính mờ nhiều màu từ những chiếc kẹo chua nhơn nhót lên đôi mắt kính, thích thú với trò này: giống như một anh hề phản chiếu trong kính chiếu hậu xe. Anh cảm động vì một người ăn xin lạc đường, lái xe đưa con người lang thang ngắc ngoải vì đói và rét này đến thành phố gần nhất và cúi vào tay ông ta vài xu, nhưng lại chửi rủa thậm tệ một đoàn người lang bang

trong gió rét vì cái nhà xe lưu động của họ cứ lù rù như bò trên đường buộc xe anh phải chạy theo đuôi những con ngựa của họ.

Anh gọi nhớ lại người anh trai đã hy sinh, người mà anh sẽ tìm lại bên gốc cây bạch đàn, người mới chỉ một lần duy nhất được ôm ghì bé Rémi trong cánh tay, nhớ lại những khổ đau chung mà cả 3 anh em phải chịu đựng trong cuộc chiến tranh khủng khiếp này. Anh không cưỡng lại ý muốn đi vòng quanh Verdun, và đến Lemmes, trên con Đường Thánh^[94], anh dừng lại trước một quán ăn - giải khát nhỏ. Ở đó, những người còn lành lặn hoặc mặt đầy sẹo do thương tích chiến tranh trông rất khủng khiếp tụ tập cùng nhau chia sẻ ký ức của những người sống sót như anh. Tất cả những con người hành hương từ cõi khổ đau này kể cả những người Đức, vẫn nhận ra nhau mà chẳng cần nói một lời. Họ chào nhau bằng cái gật đầu trước khi ngồi xuống, không sao dứt khỏi nỗi ám ảnh kinh hoàng của chiến trường bị cày xới tan nát, nơi mà sự sống của họ chỉ có giá trị tượng trưng, sự sống mỏng manh đến mức chẳng còn hương vị gì. Gần quán cà phê, có một căn nhà tồi tàn bán đồ kỷ niệm mà người cai quản chỉ còn là một nửa con người (xét theo chiều cao). Chủ hiệu có lẽ không phải than phiền về việc bị cụt một cẳng chân nếu như không bị mất cánh tay cùng phía, vì như thế ông có thể chống nạng. Bà vợ, sáng ra đặt ông ngồi trông hàng và ông chờ ở đó, thẳng đuột như chữ “i”, đợi bà vợ chiều quay lại. Để gọi là mua giúp ông ta vài thứ, Pierre mua cho người chị gái Marie vài bức tranh Thánh in trong thời chiến tranh, một trong những bức tranh đó được thu nhặt từ Commercy.

Dẫu sao những suy nghĩ của anh vẫn hướng về người vợ, nó được ghi xen vào giữa các dòng chữ, được chêm với những từ dịu dàng - càng đi xa những dòng suy nghĩ này càng thể hiện rõ trong những điều anh tường thuật. Tới thị trấn Bac-le-Duc, trong căn phòng buồn tẻ của một khách sạn, anh đã bộc lộ sự ủy mị yếu đuối như các cô gái, tâm sự phía cuối trang trong một đoạn kết cho thấy anh nhớ vợ vô hạn - từ “vô hạn” được gạch chân nhiều lần bỗng nhiên trở nên rất chuẩn, cứ như thể sự vô hạn được đo bằng ôn^[95] để lấp đầy sự trống rỗng trong cuộc đời họ. Qua lời tự thú này, và đồng thời chỉ cần nhìn bức thảm phai màu trong phòng, chiếc bình xách bằng sành trong chiếc chậu thau và chiếc bình nước trên bàn ngủ, có thể

cảm thông ngay được với cái say mê vô tận của Pierre đối với người vợ chẳng mấy duyên dáng gì.

Từ đây anh hoàn thành nốt phần còn lại của chuyến đi một cách vội vàng. Không còn dạo nhõm nhõm, thậm chí không còn nhọc công để viết nốt, từ bỏ lối văn phong tô điểm và cần mẫn của đấng học trò ngoan để viết thật nhanh nguệch ngoạc - toàn tâm toàn ý thực hiện dự định của mình. Tất nhiên, cây bạch đàn đã không còn. Nó thật không thích hợp với cái khí hậu lạnh giá ở đây, đã chết vào một mùa đông sau nhiều năm chống cự bướng bỉnh, và đã bị đốn chặt. May mà còn lại cái gốc tuyết phủ trắng nên người bạn viết bức thư vẫn nhận ra nó. Bác ta chỉ ngạc nhiên sao lâu quá mới có người tới tìm kiếm xác Emile, và sau vài lời giới thiệu, bác kể lại cho Pierre về những giây phút cuối cùng của Emile, rồi cả hai vác cuốc xẻng đi tìm cái cây xứ nam cực đó. Bước chân họ lạo sạo trên tuyết trong cánh rừng Commercy.

Dưới gốc cây, đất đóng băng rất rêu. Tiếng cuốc chim vang lên trong cánh rừng toàn cây to, làm rung chuyển các cành cây, làm tuyết từ đó rơi lả tả lên vai họ - và, sau những cố gắng cật lực mà chẳng kết quả, họ nghĩ có lẽ chỉ thắng được cái thứ đất đông cứng khốn kiếp này sau khi băng tan. Song chờ băng tan thì có mà đến tết. Mà Pierre thì không thể chờ đợi. Tức thì người kia nảy ra một ý. Hai người đàn ông quay về kiếm một cái thùng nấu giặt quần áo, xúc đầy tuyết đổ vào, đặt nó lên chiếc bếp lò vừa tự sáng chế với những cành cây khô, rồi khi nước sôi, họ đổ lên mặt đất đóng băng, chờ một lúc rồi hót thứ bùn nóng đi, và cứ thế, dần dần, như những nhà cổ sinh vật học thận trọng, họ đào tới được chỗ người chết nằm. Khi cái thi thể có lẽ gần như có quan hệ với graal^[96] lộ ra, Pierre nói thật khó nhận ra người anh của mình trong cái thi thể chỉ mờ mờ như con người này - cái hình thể bị a-xít trong đất, độ ẩm và sự khác biệt giữa các mùa phân hủy, áo va-roi mục vụn thành nhiều mảnh, khóa dây thắt lưng to bản không còn nguyên vẹn, khuôn mặt và đôi tay teo tóp bọc dưới lớp da, toàn bộ nằm trong quặng băng đá đóng băng - và, để đưa được xác ra, không có cách nào khác ngoài việc tiếp tục dội thứ nước sôi trong chiếc thùng giặt lên những phần còn lại đáng thương của một cuộc đời, như dội lên đầu những kẻ vây hãm leo lên đánh chiếm thành - và, khi đám hơi mù mịt trên chiếc hồ nhỏ tan đi, hậu quả là trong cái khối nhão nhoét nóng bỏng, những mẫu thịt

vụn cuối cùng đã bỏ vữa hết. Xương cốt trở lại màu trắng hếu. Bây giờ họ lần lượt nhặt từng chiếc xương thả vào thùng giặt rửa thật sạch sẽ rồi xếp lên trên tuyết theo một trật tự rất tỉ mỉ gần như nhà giải phẫu học, và chẳng mấy chốc, chao ôi thật kinh ngạc, họ đếm được số xương chày nhiều hơn cần thiết, có hai bộ khung xương lồng ngực và bây giờ là hộp sọ thứ hai. Người bạn, bối rối trước cái nhìn ngơ ngác của Pierre, nhớ lại bác ta đã lợi dụng cái hố đào sẵn để nhét một xác chết thứ hai vì thấy cái xác này thối rửa gần sát đó. Vấn đề thật nan giải, toàn bộ những khúc xương giờ đều không thể phân biệt được vì chúng đã được lóc khỏi những mẫu da cuối cùng: Trong hai bộ xương này, cái nào của Emile? Trong nỗi chán chường, thất vọng, Pierre đánh liều thử một giải pháp nực cười: vì đầu Emile và đầu anh có cùng một vòng đo, anh thử đội chiếc mũ phớt của anh lên hai hộp sọ, nhưng cả hai hộp sọ đều lọt thỏm lồi lên. Pierre đội lại mũ sau khi đã lau chùi phía trong nơi hai hộp sọ dính vào. Có lúc anh đã rất muốn chơi trò sắp ngửa với hai xác chết này (theo quan điểm của Simon de Montfort⁽²⁾: Thượng đế sẽ nhận biết được người của mình). Miễn là có được một bộ xương hoàn chỉnh. Nhưng rồi, sau khi suy nghĩ kỹ lưỡng anh quyết định là chọn bộ xương được khai quật thứ hai, bởi nghĩ rằng thân thể của người anh trai chắc chắn đã được chôn xuống trước, song tác giả lá thư lại không nhớ thật rõ gì cho lắm, phân vân không biết có phải bác ta đã đẩy trước tiên cái xác bị phân hủy nhiều nhất xuống lòng hố hay không, đến đây thì Pierre e rằng với cái trò may rủi này có thể đánh mất xác người anh, nên đã đi đến kết luận thôi không cần bàn nữa: Anh sẽ mang tất cả về.

Họ trở về hơi muộn với những chiếc hòm vốn dùng đựng tảo mà người kia vốn là nhân viên phân xưởng đóng bao bì đã thủ về để nhốt các chú thỏ. Nếu dùng quan tài thì không thể được: vì phải xin phép mỗi khi đi qua các quận, và trường hợp của Emile đã rắc rối rồi, không biết phải giải thích thế nào về cái xác sinh đôi này? Họ xếp các khúc xương và hòm, cố lèn thật chặt để không lúc lắc, dùng rơm chèn chặt như với những đồ bát đĩa dễ vỡ, chất các hòm lên xe, phủ chăn lên trên, rồi khi nhiệm vụ đã hoàn thành, Pierre nói với người đã giúp rằng anh phải về nhà ngay lập tức. Từ lúc đó, anh cho xe chạy bon một mạch, vun vút trên những con đường tuyết phủ, suýt sa xuống hố cả trăm lần, theo những con đường phụ vòng qua những thành phố lớn, lợi dụng đường vắng vẻ do thời tiết xấu và sự cô độc giữa cái thế giới trắng xóa để che giấu lỗi của mình, chỉ dừng lại để ăn uống, ngủ một hoặc hai giờ bên vệ đường, và để ghi lại câu chuyện khai quật theo lối

văn điện tín, quyển sổ nhật ký đặt thẳng bằng trên vòng vô-lăng xe. Phần còn lại, chúng tôi không biết gì nhiều hơn. Chỉ có người phụ nữ đã làm anh phải lái xe chạy rất nhanh độc quyền biết được cái đoạn kết vội vã này.

Về cái chết của Mathilde, khi mở hầm mộ, người đào huyệt kinh ngạc phát hiện ra những đồng xương vụn được phủ kín bằng những tờ quảng cáo về loại tảo Ma-đơ-len. Đó chính là tác phẩm cuối cùng của Yvon: Thật là trò trẻ con mà đi thuyết phục hẳn ta rằng trong thời gian này, chiến tranh đã gây ra biết bao tàn khốc cho những người lính, đến mức thiếu cả những ván đóng quan tài mai táng những người.

Vào ngày Thánh Toussaint của năm 40, ông ngoại dẫn cô con gái Marthe đến nghĩa địa thăm mộ đứa con trai đầu lòng của ông. Nằm dưới một bồn hoa lối đi rải đầy sỏi trắng, ngôi mộ như con tàu nhỏ bập bênh trong làn sương khói băng lạnh của thế giới bên kia, trên nóc cắm cây thánh giá trắng nuốt nà chỗ giao nhau của hai thanh gỗ có gắn hình một thiên thần nhỏ đang bay trên đôi cánh chim sẻ. Trong khi nắm tay nhau trèo lên theo lối lên bên cánh bao quanh bởi những nắm mộ nhỏ xíu dưới bầu trời xám xịt của tháng 11, ông ngoại hỏi con gái cái người đàn ông có những nét hao hao giống Léon Blum^[97] ở đằng kia khóc ai vậy. Ông ta quỳ mọp trước ngôi mộ đá hoa cương màu ghi, một thanh niên cao lớn đeo kính trắng đứng đỡ bên cạnh và đang cố gắng kéo ông ta ra khỏi sức hút đầy uy lực của viên đá trên mộ. Marthe, khá thông thạo vùng Random, kể rằng đó là ngôi mộ cô Aline to béo. Mùa hè qua, cô còn cai quản cửa hiệu sành sứ ở cạnh nhà thờ. Marthe còn kể về giọng nói dịu dàng của cô, về bi kịch những đứa con chết sơ sinh, về vóc dáng bệ vệ của cô, và người đàn ông quỳ mọp kia là chồng cô, còn người thanh niên có sức quyến rũ ấy là Joseph, con trai họ. Anh ấy là con út sinh ra lúc mà họ không còn hy vọng sinh con nữa. Người đàn bà nhỏ bé tóc bạc trắng đang rảo bước cho kịp họ, đầu so rụt trong vai, đôi lông mày chau lại, là cô giáo tuyệt vời nhất của vùng hạ Một năm sau, cũng vào ngày Thánh Toussaint, chỉ còn lại người thanh niên đứng trơ trọi một mình trước ngôi mộ đá hoa cương. Ông ngoại nghĩ có lẽ người cha, con người giống hệt Blum đã không muốn kéo dài thêm cuộc sống mà vội vã đi theo người vợ. Sau này chắc ông ngoại muốn tìm cách khám phá điều bí mật này, nên đã nhóm vào trong chiếc hộp đựng giấy những tang vật: Thư từ, ảnh, bản đồ mặt trận và cuốn sổ ghi chép chuyến đi đến Commercy. Cuốn sổ là tâm sự dài dằng dặc của người chồng với người vợ mà Pierre đã không bao giờ rời xa trừ thời gian chiến tranh, cứ như thể mục đích thật sự của chuyến ra đi là để cách xa người vợ, và trong khoảng thời gian xa vắng ấy đủ để có thể trao gửi thư từ bày tỏ tình cảm yêu thương trong những năm tháng khủng khiếp, để thú nhận với cô những gì chỉ có viết ra không lẫn lộn, để tìm lại mỗi rung cảm dịu dàng của xa cách, để tính toán kỹ khoảng cách và nhờ vậy được lao từ điểm xa hơn và mạnh hơn về phía cô. Giam mình trong căn gác thượng, đào bới những dấu vết thuộc về dĩ vãng của cái tình cảm keo sơn gắn bó ấy, ông ngoại cứ mân mê bức ảnh chụp Pierre ở mặt trận, chân quần xà cạp, trong bộ quần áo màu xanh lơ, cổ rụt trong

chiếc áo va-rơ cứng đờ vì ghét bẩn, báng súng chống xuống đất, tựa vào khẩu đại bác, đôi mắt kính hầu như mờ đục, chiếc mũ cát đội lệch làm anh có vẻ ngang tàng, cái nét kỳ cục này có lẽ do một đồng đội của anh tạo nên. Sau lưng, trên chiếc cọc gỗ đóng vào thành hầm là bình nước và túi dết lựu đạn, và, trong góc hầm tựa như một tiểu hậu cung được sắp xếp gọn gàng là tượng một Đức Mẹ Đồng trinh nhỏ xíu. Trước khi đứng vào hàng để chụp ảnh, anh đặt chiếc tẩu lên ghế băng chẳng ra ghế. Từ chiếc tẩu một làn khói mỏng bay ra, cái tín hiệu của người Anh-điêng, không ngại bị đối phương phát hiện. Và lại, trước mặt họ, kẻ thù cũng hun khói, cũng viết thư về cho gia đình, và chửi rủa Bộ tư lệnh mà những mệnh lệnh phũ phàng liên tục đẩy họ chìm ngập trong đau khổ và bùn lầy. Thành hầm nhô cao hơn đầu Pierre. Nếu anh không thò mũ ra thì chẳng có gì phải sợ các tay súng thiện nghệ. Anh cao 1m67, như hồ sơ quân nhân xác nhận, hồ sơ này cũng được giấu trong chiếc hòm đựng giày, mô tả anh có đôi mắt đỏ hung. Đỏ hung à? Ông ngoại nghĩ rằng những ai có móng mắt màu như vậy thì ắt tất cả các bà vợ đều phải có một làn da nâu đồng rậm nắng thật đẹp mà chính ông ngoại đã từng tìm kiếm trên cơ thể trần truồng của những phụ nữ ở Đảo Levant.

Pierre mỉm cười từ trong đáy sâu của sự kinh tởm, đó chính là tin tức tốt lành nhất mà anh đưa ra. Người nhận niềm hạnh phúc này được ghi phía mặt sau bức ảnh: “Gửi người mà tôi vô cùng yêu quý”. Ông ngoại lật đi lật lại bức ảnh trong tay, cứ như thể bằng cử chỉ mau lẹ này ông sẽ nắm bắt được mối liên hệ bí hiểm giữa mặt trái với mặt phải, giữa nơi bí hiểm với lời diễn tả triu mến, cứ như thể trong cái bề dày của bức ảnh chứa đựng sự tổng hòa của tình yêu và cái chết.

Hai cái chết ngày tháng gần nhau được ghi trên tấm đá hoa cương lúc này chứng thực cho sự hòa quyện tình yêu và cái chết.

Ông ngoại nhìn người thanh niên khoác chiếc áo măng tô để tang đang cúi xuống những người thân của mình, như hòa vào đường cong của những cây bách khô rụi dưới làn gió mát dịu của tháng 11. Đang như sắp đến lượt mình nằm vào vị trí nóng ấm của đứa con diêu kỳ giữa cha và mẹ, tưởng như anh ta đã chuẩn bị đáp lại lời gọi sắp tới. Hình bóng cao lớn của anh như đông cứng lại giữa những cây thánh giá, lơ mờ. Sức lực nâng đỡ anh đến lúc này như đang dần dần bỏ rơi anh. Chưa đầy 20 tuổi, mồ côi, không nguồn thu nhập, và chiến tranh vây quanh, ai mà dám định liệu tương lai

cho anh? Mọi người dần dần rời khỏi nghĩa trang. Chỉ còn mình anh, cô độc trong sự im lặng nặng nề đối diện với tiếng gọi thì thầm của những người thân, vô cảm trước những cái vỗ vai thân mật vụng về, trước những lời an ủi động viên gói gọn trong cái tên đệm của anh mà phần lớn họ biết chả có tác dụng gì. Người cô đến sau lưng khẽ kéo chiếc áo măng-tô, nài nỉ, cô lôi kéo anh trở về thực tại và đã thắng được quyết tâm của anh. Anh vẫn muốn cố thêm lần nữa nên lại leo lên lối đi chính giữa nghĩa địa bên cạnh là người cô nhỏ bé bướng bỉnh - ôi, hãy chặn lại tất cả.

[1] PampeluneL Một tỉnh ly ở Tây Ban Nha, nguyên là Thủ đô vương quốc Navarre cũ. (ND)

[2] Xe 2 CV: xe hai mã lực.

[3] Kamikazes: Phi công cảm tử Nhật Bản trong chiến tranh Thế giới II, lái máy bay lao thẳng vào mục tiêu.

[4] “Le nez coulé”: Lối nói chữ rất khó dịch.

[5] Saint-Nazaire: Vùng thuộc cửa sông Loire nước Pháp, là cảng ngoài của Nantes và là một trung tâm đóng tàu thủy và thủy phi cơ của Pháp.

[6] Lourdes: thủ phủ vùng thượng Pyrénées, quận Arclès-Gazot. Một địa điểm hành hương quan trọng dâng hiến Đức Mẹ Đồng trinh. Vùng này có hai nhà thờ lớn được xây vào năm 1876 và 1958.

[7] Sargasse: Thuộc một vùng rộng lớn trên biển Bắc Đại Tây Dương, có rất nhiều rau câu. Sargasse cũn đồng thời là tên một loại rau câu vùng này.

[8] Bermudes: Là đảo thuộc Anh trên biển Đại Tây Dương, vùng đông bắc đảo Antilles.

[9] Saint-Lauren: Tên một con sông lớn vùng Bắc Mỹ, dài 3800km, chảy từ Hồ Thượng cung cao nước cho vùng Đông Nam Canada, bao quanh Montréal và Québec rồi đổ ra Đại Tây Dương, tạo nên một cửa sông tuyệt đẹp. Tàu thuyền hoạt động 8 tháng trong năm, những tháng còn lại bị đóng băng.

[10] Celtes: một nhóm người nói ngôn ngữ Ấn – Âu, có nguồn gốc ở vùng Tây Nam nước Đức, từ đây họ bị xua đuổi khắp nơi để cuối cùng bị người La Mã khuất phục. Hiện nay, tại miền Galles thuộc Anh, và Ailen, người Celtes và ngôn ngữ của họ được bảo tồn tốt nhất.

[11] Một trò chơi trong các chợ phiên, người làm trò phô diễn sức khỏe bằng những cành cây lớn trụi lá, song thực ra cành cây đã mục.

[12] Diogène Le Cynique: Nhà triết học Hy Lạp, sinh ở Sinope (413-327 trước công nguyên), người coi thường sự giàu sang và những tập tục xã hội. Ông luôn sống trong một chiếc thùng gỗ. Ông còn khai tuyên bố coi thường sâu sắc bản tính người, đến mức mà ngay giữa buổi trưa ông đốt đèn trên đường phố Athènes, nói là “ta đi tìm một con người”.

[13] Alexandre La Grand: mất năm 323 trước công nguyên, là Hoàng đế của một quốc gia hùng mạnh, người sáng lập ra thành phố Alexandrie Ai Cập, nơi có ngọn hải đăng nổi tiếng.

- [14] OPA: một loại cổ phiếu.
- [15] Chérubin: nhân vật trong “đám cưới Figaro” của Beaumarchais.
- [16] Danh từ trong âm nhạc.
- 17 Danh từ trong âm nhạc.
- [18] Francois d’Assise: (thánh) người sáng lập ra dòng Thánh Franciscains (dòng thánh Frăng-xoa, sinh ở ASSISE). Lễ thánh vào ngày 4 tháng 10 hằng năm.
- [19] Dòng tu Cîteaux do Robert de Molesmes sáng lập vào năm 1098 tại ngôi làng có tên Cîteaux. Đến năm 1113, Thánh Bernard đã cải cách dòng tu này, và nơi đây trở thành một trung tâm cải cách tôn giáo lớn.
- [20] Massif Central: Dải núi cao nằm ở phía Nam nước Pháp.
- [21] Jeanne d’Arc: nữ anh hùng Pháp được phong thánh, sinh ở Domrémy (1412-1431), bị thiêu sống trên giàn hỏa vào ngày 30 tháng 5 năm 1431 tại Rouen.
- [22] Huron: Bộ lạc da đỏ sống trên bờ hồ Ontario (Canada) và Huron. Bộ lạc có quan hệ với người Pháp.
- [23] Đảo Levant: Nằm trong quần đảo Hyères ở Đại Trung Hải.
- [24] Les phanères: Hiện bộ.
- [25] Lísieux: Thủ phủ của quận Calvados, có nhà thờ cổ là nơi hành hương hướng về Thánh Thérèse.
- [26] Pau: một con sông của Pháp dài 120 km chảy qua vùng Lourdes.
- [27] Bernadette: tức Thánh B. Soubirous, sinh tại Lourdes (1844-1879), lễ Thánh vào ngày 16 tháng 4 hằng năm.
- [28] Thánh Thérèse d’Avila (1515-1582) người Tây Ban Nha, cùng với Thánh Jean de la Croix sinh ở Fomiveros (1542-1591) tiến hành cải cách dòng tu Các-men.
- [29] Catherine de Sienne Dominique (thánh), người Ý (1347-1380). Lễ thánh vào ngày 30 tháng 4 hằng năm.
- [30] Le Vendredi Noir: Theo quan niệm một số nước phương Tây, nếu thứ 6 trùng vào ngày thứ 13 là rất xúi quẩy. Nhưng rất hiếm khi trùng nhau.
- [31] Armorique: Nay thuộc vùng Bretagne.
- [32] Thánh Michel: Tổng thiên thần (archange), lễ thánh vào ngày 29 tháng 9 hằng năm.
- [33] Mercure: Vị chúa La Mã về buôn bán, trộm cắp và du lịch, con trai Jupiter.
- [34] Thánh Fiacre (khoảng 610-670): tu sĩ, thánh bảo trợ những người làm vườn.
- [35] Thánh Colomban (khoảng 540-615): tu sĩ người Áilen.
- [36] Thánh Antoine de Padoue: Sinh ở Lisbonne vào khoảng năm 1195-1231, lễ Thánh vào ngày 13 tháng 6 hằng năm
- [37] La Toussaint: ngày lễ Các Thánh vào ngày 1/1 hằng năm.
- [38] Dilirium tremens
- [39] Seythes: Người thuộc quốc gia cổ đại Seythe nằm phía Đông Bắc châu Âu, phía Bắc biển Đen.

[40] Eiffel (Guslave): Kỹ sư người Pháp, người thiết kế, sáng tạo ra nhiều công trình kiến trúc lớn ở Pháp, đặc biệt là tháp Eiffel ở Paris mang tên ông.

[41] Wendel (Ignace de): Nhà công nghiệp Pháp, người khởi đầu ngành luyện kim ở Creusol.

[42] Pompéi: thành phố cổ nổi tiếng với màu sơn tường gần Naples, bị núi lửa phun trào chôn vùi vào năm 79. Thế kỷ 18, hai phần ba thành phố đã được tìm lại nhờ khai quật.

[43] La chèvre de Mr. Séguin: truyện của Alphonse Daudet.

[44] Magnificat: Bài Thánh ca về Đức mẹ Marie đồng trinh được hát vào buổi kinh chiều tối.

[45] Dormition: Giấc ngủ cuối cùng của Đức Mẹ Đồng Trinh Marie, trong giấc ngủ đó Đức mẹ đã qui tiên. Ở đây ý tác giả muốn ví bà Marie như Đức Mẹ Đồng trinh, độc thân, cùng tên.

[46] Talleyrand (hay còn gọi Talleyrand-Périgord), tổng giám mục và nhà ngoại giao Pháp (1754-1838). Là giám mục nhà thờ Autun năm 1778, sau đó trở thành tổng giám mục giới tăng lữ rồi bị giáo hoàng kết tội, ông từ bỏ hân giáo hội để đi vào con đường ngoại giao.

[47] Jean (hay còn gọi Jean-Baptiste) được coi là “vị thánh báo trước mọi việc”, con trai của thần Zacharie và Elisabeth. Là vị thánh đặt tên cho Đức chúa Jésus là Chúa cứu thế.

[48] Marie-Madelaine: (Thế kỷ I), kẻ sám hối, được Chúa Jésus cho quy đạo và được phong Thánh. Lễ Thánh Marie-Madelaine vào ngày 22 tháng 7 hàng năm. Ở đây ám chỉ bà Marie.

[49] Galilée – vùng của người Palestine, gần hồ Génésareth, nơi mà Đức Chúa Jésus thường bách bộ đến thuyết giáo.

[50] Orléans, Beaugency: Hai chị em trấn nằm bên bờ sông Loire cách Paris 116km về hướng nam. Bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh năm 1940.

[51] Joseph: Do mất trí, bà Marie lẫn lộn giữa Joseph (bố của tác giả) và Joseph em trai của bà chết trận ở Bi. Lúc này tác giả chưa được kể về ông Joseph em trai bà Marie, nên họ lầm lẫn lung tung.

[52] Joseph và Emile: hai người em trai của bà Marie.

[53] Quatorze: năm 1914 – năm bắt đầu thế chiến thứ nhất (1914 – 1918).

[54] Bã cà phê (Marc de café) dùng trong thuật bói toán.

[55] Pascal (1623 – 1662): nhà toán học, vật lý, triết học và là nhà văn Pháp rất nổi tiếng vì những công trình khoa học của ông. Từ 1646, Pascal có quan hệ với giáo phái Giảng-xen và sau đó đã “quy đạo” vào đêm 23 tháng 11 năm 1654, trở thành thành viên của giáo phái Giảng-xen.

[56] Le vieil enfast génial.

[57] Một thứ vải nhựa lót sàn nhà.

[58] Anastasia: Các nữ thánh tử vì đạo dưới thời Dioclétien, Hoàng đế La Mã (284-305). Ở đây tác giả dùng với nghĩa khôi hài chỉ những người mất trí năng.

[59] Ý tác giả muốn nói đến cuốn sách lịch (Almanach de Gotha) xuất bản ở Gotha thuộc Đức bằng tiếng Đức và Pháp từ 1763 đến 1944, trong đó có ảnh của các công chúa.

[60] Chỉ bà cô Marie phải vào viện.

[61] Ở Pháp, mỗi ngày đều gắn với tên một vị thánh.

- [62] Cháu trai và em trai của bà Marie cũng trùng tên với Thánh Joseph.
- [63] Phong cảnh tiền sử của vùng Yeine và Morne, phía trên hợp lưu sông Seine và Loing.
- [64] Daguerretype: Phương pháp chụp ảnh do Jacques Daguerre (1778-1851) phát minh vào năm 1833.
- [65] Médaille: vật tròn hoặc hình ô van trong có ảnh chân dung đeo ở cổ.
- [66] Rudolf Valentino: nghệ sĩ điện ảnh người Ý, nổi tiếng bởi sắc đẹp (1895-1926).
- [67] Paimpol: thị trấn nằm trên bờ biển nước Pháp thuộc vùng Bretagne, là một hải cảng quan trọng phục vụ việc đánh bắt cá.
- [68] Nguyên văn: đất dụng võ không phải để cho bà.
- [69] Modigliani (Amedeo): (1884-1920), họa sĩ Ý theo trường phái Paris. Những tác phẩm của ông chỉ giới hạn vẽ gương mặt con người, nổi tiếng với những đường nét mượt mà duyên dáng, với màu sắc và nét vẽ tinh khiết.
- [70] Phương pháp tiệt trùng (Pasteurisation) do nhà hóa - sinh học Pasteur người Pháp (1822-1895) tìm ra năm 1865. Nội dung phương pháp là đun nóng những chất lỏng có thể lên men (sữa, nước hoa quả, rượu, bia), rồi làm lạnh đột ngột để tiêu diệt phần lớn những mầm gây bệnh trong chất lỏng đó. Nhờ vậy có thể bảo quản được lâu.
- [71] Lecoq de Boislaudran (1838-1912): nhà hóa học Pháp. Tên ông viết tách thành 2 từ (Le coq) có nghĩa là con gà trống. Chất galli mà ông phân tích được bắt nguồn từ chữ gallus của tiếng latin - chữ này cũng có nghĩa là gà trống.
- [72] Germani - bắt nguồn từ chữ latin germania, có nghĩa là nước Đức.
- [73] Pfennig: đơn vị tiền xu Đức = 0,01 mark.
- [74] Icare: Con trai của Dédale. Ông là nhà kiến trúc Hy Lạp đã xây dựng mê cung trên đảo Crète của Hy Lạp thuộc Địa Trung Hải để nhốt con quỷ nửa người nửa bò tót Minoture. Song chính Dédale và con trai Icare cũng bị giam vào mê cung theo lệnh của Minos, vị vua thần thoại của đảo Crète, con trai thần Europe và Zeus. Icare cùng cha trốn khỏi mê cung nhờ đôi cánh gắn vào người bằng sáp. Nhưng Icare bay quá sát mặt trời nên sáp chảy ra và bị rơi xuống biển.
- [75] Clovis (465-511): vua của người Fr-răng. Là người bảo vệ đạo thiên chúa và tổ chức một hội nghị giám mục ở Orleans vào năm 511. Được thánh Rémi phong tước năm 496 và như vậy trở thành ông vua đầu tiên người thiên chúa giáo.
- [76] Tolbiac: thành phố của nước Gaule cổ. Tại đây những người Fr-răng đánh bại người Alamans vào cuối thế kỷ V.
- [77] Nữ thánh Genevieve: bảo hộ Paris trong những năm 422-502
- [78] Thánh Léon Ier còn gọi là Đại đế, giáo hoàng trong những năm 440-461.
- [79] La Pérouse (1741-1788): thủy thủ nổi tiếng người Pháp. Năm 1785 được Louis XIV giao trách nhiệm thực hiện một chuyến đi thám hiểm, La Pérouse ra đi với 2 chiến thuyền Boussole và Astrolabe. Ông và toàn bộ thủy thủ đoàn đã bị đắm tàu ở Vanikoro, một đảo thuộc Anh vào năm 1788.
- [80] Crèche: Theo kinh thánh, Chúa Jésus bị dè rơi trên máng cỏ gia súc ở Bétlêem, của Palestine. Ngày nay những người theo đạo thiên chúa và Nhà thờ thường diễn lại cảnh Chúa Jésus sinh ra trên máng cỏ trong dịp Noel.
- [81] Magdala: một thành phố cổ ở Palestine, bên bờ hồ Tibériade.
- [82] Austerlitz: Thành phố của Tiệp Khắc (cũ). Nơi Napoléon đã đánh bại liên quân Áo - Nga vào ngày 2/12/1805.
- [83] Arpent: đơn vị đo cũ bằng khoảng 20 đến 50 ay.

[84] Thánh Paul sinh tại Tarse khoảng giữa 5 và 15 sau công nguyên. Là người Do Thái sùng đạo mãnh liệt, ông bị một sức mạnh siêu nhiên vùi chôn trên đường tới Damas và trở thành đồ đệ của Chúa Christ thành thử đôi lúc người ta coi ông như là người sáng lập thứ hai của đạo cơ đốc.

[85] Ephese: Thành phố của Ionie nguyên là một quốc gia nhỏ ở châu Á, trên bờ biển Egéc. Biển này là một phần của Địa Trung Hải, nằm giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp. Là một trung tâm tài chính và thương mại lớn ngay từ thế kỷ VI trước công nguyên. Có đền Artémis là kỳ quan thứ 7 của thế giới.

[86] Corinthe: Một trong những thành phố giàu có nhất của Hy Lạp cổ đại.

[87] Brébis: còn có nghĩa là những con cừu cái.

[88] Jacobin: Giáo phái Gia-cô-banh do thánh Dominique sáng lập tại Toulouse (Pháp) năm 1215 nhằm chống lại dị giáo Anbi ở Languedoc. Ngày lễ vào mừng 4 tháng 8.

[89] Appalaches: Dãy núi miền đông Bắc Mỹ, nằm giữa Alabama và cửa sông Saint- Laurent.

[90] Anchorage: Một thành phố của bang Alaska.

[91] Saint - Flarent: Thị trấn đảo Corse.

[92] Titanic: Tàu xuyên biển Atlantique thuộc hạm đội White Star Line của Anh, nổi tiếng về kích thước (dài 271m, trọng tải 60.000 tấn) và về trang bị sang trọng trên tàu. Ngay trong chuyến ra khơi đầu tiên trong đêm 14 rạng ngày 15/4/1912 tàu đã gặp nạn khi va phải một núi băng trôi ở miền nam Terre - Neuve và bị nhấn chìm, trong khi dàn nhạc và hành khách đang đồng thanh hát bài thánh ca: “Hỡi Thượng đế, hãy cho chúng con lại gần Người hơn nữa”. 1500 người đã chết. Chính thảm họa này làm cơ sở cho những Hội nghị quốc tế 1929 và 1948 về an toàn cho những người đi biển. Nhiều người cho rằng con tàu to nhất, vĩ đại nhất thời đó lại bị nhấn chìm ngay trong chuyến ra khơi đầu tiên thì chỉ có thể là tác phẩm của chúa trời hay quỷ dữ trừng phạt con người vì dám đặt biệt hiệu “không thể nhấn chìm” cho tàu.

[93] Troyes: Thủ phủ cũ của vùng Champagne, trên dòng sông Seine, cách Paris 1518 km về phía đông nam.

[94] La Voie Sacrée: Tên dùng trong chiến tranh thế giới thứ nhất của con đường từ thị trấn Bac-le-Duc đến phố Verdun ở Nante, là con đường chỉ viện duy nhất cho Verdun bị vây chặt.

[95] Aune: đơn vị đo chiều dài cũ bằng 1,18 - 1,20 m.

[96] Graal - chiếc bình mà người ta cho rằng Chúa Jésus đã dùng trong bữa cơm cuối cùng giữa Chúa với các tông đồ trước hôm Chúa chịu khổ hình. Ở thế kỷ 12 và 13, nhiều tiểu thuyết hiệp sỹ đã kể về việc các hiệp sỹ của vua Arthur đi tìm kiếm chiếc bình Graal.

(2) Bá tước Simon de Montfort (1208-1265), con trai thứ ba của lãnh chúa Simon IV (Pháp), lãnh đạo cuộc nổi dậy của các nam tước chống lại vua nước Anh Henri III.

[97] Léon Blum: Nhà chính trị và nhà văn Pháp (1872-1950). Lãnh tụ đảng xã hội SFIO, năm 1936 ông thành lập một chính phủ gọi là “Mặt trận bình dân”. Năm 1943, ông bị đày sang Đức và năm 1946 trở thành lãnh tụ một chính phủ xã hội thuần nhất.